

ĐỨC GIÁO HOÀNG PHANXICÔ LAUDATO SI'



THÔNGIỆP VỀ “VIỆC BẢO VỆ NGÔI NHÀ CHUNG”

*Linh mục Phêrô Phan Văn Lợi dịch
từ bản tiếng Pháp của Vatican.va*

MỤC LỤC

Không gì trong thế giới này lại chẳng quan trọng đối với chúng ta	trang 06
Liên kết bởi cùng một âu lo	09
Thánh Phanxicô thành Assisi	10
Lời kêu gọi của tôi	12

Chương một

Cái đang xảy ra trong ngôi nhà chúng ta

I- Ô nhiễm và biến đổi khí hậu	16
- Ô nhiễm, rác rưởi và văn hóa thải bỏ	16
- Khí hậu như tài sản chung	17
II- Vấn đề “nước”	20
III- Việc mất sự đa dạng sinh học	22
IV- Huy hoại phẩm chất nhân sinh và suy thoái xã hội	27
V- Bất bình đẳng khắp hành tinh	29
VI- Sự yếu ớt của các phản ứng	33
VII- Những ý kiến khác biệt	36

Chương hai

Tin mừng của việc sáng tạo

I- Ánh sáng do niềm tin mang đến	38
II- Sự khôn ngoan của các trình thuật kinh thánh	39
III- Màu nhiệm của vũ trụ	46
IV- Sự điệp của từng thụ tạo trong sự hài hòa của toàn thể sáng tạo	50
V- Một sự hiệp thông hoàn vũ	53
VI- Cửa cải là để dùng chung	55
VII- Cái nhìn của Đức Giêsu	56

Chương ba

Gốc rễ nhân loại của cuộc khủng hoảng sinh thái

I- Công nghệ : khả năng sáng tạo và quyền lực	59
II- Toàn cầu hóa mô hình kỹ trị	61
III- Con khủng hoảng và các hậu quả của thuyết quy nhân tân thời	66
- Thuyết duy tương đối thực tiễn	69
- Cần phải bảo vệ lao động	71

- Canh tân sinh học từ việc nghiên cứu	74
--	----

Chương bốn

Một sinh thái học toàn vẹn

I- Sinh thái học môi trường, kinh tế và xã hội	79
II- Sinh thái học văn hóa	82
III- Sinh thái học của đời sống hằng ngày	84
IV- Nguyên tắc công ích	88
V- Sự công bằng giữa các thế hệ	89

Chương năm

Vài nét định hướng và hoạt động

I- Cuộc đối thoại về môi trường trong chính trị quốc tế	92
II- Cuộc đối thoại nhằm đến những chính sách quốc gia và địa phương mới	97
III- Đối thoại & minh bạch trong các tiến trình ra quyết định	101
IV- Chính trị và kinh tế trong cuộc đối thoại vì sự viên mãn của con người	104
V- Các tôn giáo trong cuộc đối thoại với các khoa học	109

Chương sáu

Giáo dục và linh đạo môi sinh

I- Tin vào một kiểu sống khác	112
II- Giáo dục cho 1 sự liên kết giữa nhân loại và môi trường	114
III- Hoán cải môi sinh học	118
IV- Niềm vui và an bình	121
V- Tình yêu dân sự và chính trị	124
VI- Những dấu chỉ bí tích và sự nghỉ ngơi để cử hành	126
VII- Thiên Chúa Ba Ngôi và tương quan giữa các thụ tạo	129
VIII- Nữ vương của mọi tạo vật	131
IX- Bên kia mặt trời	132
Lời kinh cho trái đất chúng ta	133
Lời kinh của Kitô hữu cùng với tạo vật	134
<i>Chú thích</i>	136

1. “Laudato si’, mi’ Signore” - Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con”, thánh Phanxicô thành Assisi từng hát lên như thế. Trong bài thánh ca xinh đẹp này, ngài từng nhắc cho chúng ta nhớ: ngôi nhà chung của chúng ta cũng như là một người chị mà chúng ta được chia sẻ cuộc sống với, và như một người mẹ xinh đẹp mở rộng vòng tay đón lấy chúng ta. “Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con, vì người chị là mẹ đất của

chúng con, vốn nâng đỡ lẫn chi phối chúng con và sản xuất nhiều loại quả khác nhau, với hoa thơm và cỏ lạ” [1]

2. Người chị này đang kêu gào vì những thiệt hại chúng ta gây ra cho chị, do sử dụng vô trách nhiệm và lạm dụng các tài sản Thiên Chúa đã đặt trong chị. Chúng ta đã lớn lên với ý nghĩ rằng mình từng là người sở hữu và thống trị chị, được quyền khai thác chị. Bạo lực có trong trái tim con người bị thương tích vì tội lỗi, cũng tỏ mình ra qua các triệu chứng bệnh tật mà chúng ta nhận thấy trong đất, nước, khí và nơi các sinh vật. Chính vì thế, trong số những kẻ nghèo bị bỏ rơi và bị đối xử tàn tệ nhất, có trái đất bị bóc lột và bị tàn phá của chúng ta, nó “đang rên siết và quằn quại trong cơn sinh nở” (Rm 8, 22). Chúng ta quên rằng chính chúng ta cũng là tro bụi (x. St 2,7). Thân xác của chúng ta cũng được cấu tạo từ những yếu tố của hành tinh; khí của nó cho chúng ta thở và nước của nó cho chúng ta sống cũng như được phục hồi.

Không gì trong thế giới này lại chẳng quan trọng đối với chúng ta.

3. Hơn năm mươi năm trước, lúc thế giới chao đảo bên bờ một cơn khủng hoảng hạt nhân, thánh Giáo hoàng Gioan XXIII đã viết một Thông điệp, trong đó ngài không chỉ muốn loại bỏ một cuộc chiến tranh, mà còn muốn truyền đạt một đề nghị hòa bình. Ngài đã ngỏ sứ điệp của mình *Pacem in terris – Hòa bình trên thế giới* “cho các tín hữu khắp vũ hoàn” mà còn thêm “cũng như cho mọi người thiện chí”. Hiện tại, khi đối mặt với sự hủy hoại môi trường toàn cầu, tôi muốn ngỏ lời với mỗi con người đang sống trên hành tinh. Trong Tông huấn *Evangelii gaudium – Niềm vui Tin Mừng*, tôi đã viết cho các thành phần trong Giáo hội, nhằm khởi động một tiến trình canh tân truyền giáo mà đang diễn tiến. Trong Thông điệp này, tôi đặc biệt xin đối thoại với mọi người về ngôi nhà chung của chúng ta.

4. Tám năm sau thông điệp *Pacem in terris*, vào năm 1971, Chân phước Giáo hoàng Phaolô VI đã nhắc tới vấn đề sinh thái, khi trình bày nó như một cơn khủng hoảng, “một hậu quả bi thảm” của hoạt động bất kiểm soát của con người. “Bằng việc khai thác thiên nhiên thiếu suy nghĩ, con người liều mạng tàn phá nó và đến lượt mình trở thành nạn nhân của việc tàn phá này” [2]. Ngài cũng đã nói với Tổ chức Lương nông Quốc tế (FAO) về “hiệu ứng những tác dụng của nền văn minh công nghiệp, vốn có nguy cơ dẫn tới một thảm họa sinh thái đích thực”, bằng cách nhấn mạnh đến “sự khẩn cấp và sự cần thiết thay đổi triệt để trong thái độ của nhân loại”, vì “những tiến bộ khoa học lạ lùng nhất, những thành tích kỹ thuật đáng kinh ngạc nhất, sự tăng trưởng kinh tế kỳ diệu nhất, nếu như chúng không đi kèm theo một sự tiến bộ xã hội và luân lý đích thực, thì rốt cuộc sẽ quay lại chống con người” [3].

5. Thánh Gioan-Phaolô II đã chăm lo đề tài này, với một sự chú tâm ngày càng lớn. Trong thông điệp đầu tiên của mình, ngài đã cảnh báo rằng con người hình như “không nhận ra những ý nghĩa nào khác trong môi trường thiên nhiên của mình ngoài ý nghĩa sử dụng và tiêu thụ lập tức” [4]. Tiếp đến, ngài đã kêu gọi toàn cầu hãy có một sự hoán cải về mặt sinh thái [5]. Nhưng đồng thời, ngài khiến nhận thấy người ta dấn thân quá ít trong việc “bảo vệ những điều kiện luân lý cho một “sinh thái học nhân bản” đích thực [6]. Sự tàn phá môi trường của con người rất trầm trọng, vì không những Thiên Chúa đã trao cho con người thế giới này, nhưng sự sống của nó cũng là một quà tặng cần phải được bảo vệ khỏi mọi hình thức hư hoại. Mọi ý chí bảo vệ và cải thiện thế giới

giả thiết phải có những thay đổi sâu xa trong “các kiểu sống, các mô hình sản xuất và tiêu thụ, các cơ cấu quyền lực đã được thiết lập và đang chi phối các xã hội hôm nay” [7]. Việc phát triển con người cách đích thực mang một tính cách luân lý và giả thiết sự tôn trọng trọn vẹn đối với con người, nhưng nó cũng phải chú ý đến thế giới tự nhiên và đến “bản tính của mỗi hữu thể và các liên hệ hỗ tương của nó trong một hệ thống hoàn chỉnh” [8]. Vì thế khả năng riêng của con người là biến đổi thực tại, phải được triển khai trên nền tảng vạn vật là quà tặng Thiên Chúa đã ban từ nguyên thủy [9].

6. Vị tiền nhiệm của tôi, Đức Bênêdictô XVI đã lặp lại lời mời “loại bỏ những nguyên nhân thuộc cơ cấu của các rối loạn chức năng trong kinh tế thế giới và sửa lại các mô hình tăng trưởng xem ra không có khả năng bảo đảm sự tôn trọng môi trường” [10]. Ngài đã nhắc lại rằng người ta không thể phân tích thế giới chỉ bằng cách cô lập một trong các phương diện của nó, vì “quyền sách của thiên nhiên chỉ có một và không thể chia cắt”, nó đặc biệt bao gồm môi trường, sự sống, tính dục, gia đình và các liên hệ xã hội. Vì thế, “việc hủy hoại môi trường liên hệ chặt chẽ với thứ văn hóa làm nên cộng đồng nhân loại” [11]. Đức Giáo hoàng Bênêdictô XVI đã đề nghị chúng ta thừa nhận rằng môi trường tự nhiên rải rác nhiều vết thương do thái độ vô trách nhiệm của chúng ta gây nên. Môi trường xã hội cũng có những vết thương của nó. Nhưng thật ra tất cả đều do cùng một điều xấu, đó là ý tưởng cho rằng không có những chân lý bất khả tranh luận hướng dẫn cuộc sống của chúng ta, và vì thế tự do của con người là vô giới hạn. Người ta quên rằng “con người không chỉ là một tự do tự tạo. Con người không tự tạo ra mình. Con người là tinh thần và ý chí, nhưng cũng là thiên nhiên” [12]. Với một nỗi quan tâm hiện phụ, Đức Giáo hoàng đã kêu gọi chúng ta nhận thức rằng tạo vật đang chịu nhiều tổn thất “ở đâu mà chính chúng ta là thảm cấp cuối cùng, ở đâu mà tất cả chỉ là sở hữu của chúng ta, bị chúng ta tiêu thụ cho riêng mình. Việc phung phí các tài nguyên của Sáng tạo khởi sự từ chỗ chúng ta không còn nhận ra một thảm cấp nào trên mình, nhưng chỉ còn nhìn thấy chính chúng ta” [13].

Liên kết bởi cùng một âu lo

7. Những đóng góp ấy của các vị Giáo hoàng thâm nhập suy tư của vô số khoa học gia, triết gia, thần học gia và các tổ chức xã hội vốn đã làm phong phú tư tưởng của Giáo hội về những vấn đề này. Nhưng chúng ta không thể bất biết rằng ngoài Giáo hội Công giáo, nhiều Giáo hội và cộng đoàn Kitô hữu khác – cũng như nhiều tôn giáo khác – đã nuôi dưỡng một mối quan tâm lớn lao và một suy tư quý hóa về những chủ đề vốn làm cho tất cả chúng ta bận lòng này. Để lấy một ví dụ đáng chú ý, tôi muốn nhắc đến nhận một phần sự đóng góp của Thượng phụ Đại kết thân yêu Barthôlômêô, người cùng chúng ta chia sẻ niềm hy vọng sự hiệp nhất trọn vẹn trong Giáo hội.

8. Thượng phụ Barthôlômêô đã đặc biệt nhắc đến việc mỗi người cần sám hối về những cách thức mình đã tác hại lên hành tinh, vì “trong mức độ ai nấy đều gây nên những tổn thất sinh thái nhỏ bé”, chúng ta đều được kêu gọi thừa nhận “sự góp phần lớn hay nhỏ của mình vào việc làm biến dạng và hủy hoại tạo vật” [14]. Về điểm này, ngài đã nhiều lần phát biểu một cách mạnh mẽ và đầy cổ vũ, kêu mời chúng ta thừa nhận những tội lỗi chống lại tạo vật : “Việc con người hủy hoại sự toàn vẹn của trái đất bằng cách gây ra sự biến đổi khí hậu, xóa bỏ khỏi trái đất những cánh rừng tự nhiên hay tàn phá những khu vực ẩm ướt của nó; việc con người đem đến thiệt hại cho đồng loại qua nhiều bệnh tật bằng cách làm ô nhiễm nước, đất, không khí và môi trường với những

chất gây uế tạp, tất cả những cái đó đều là tội lỗi” [15]. Vì “một tội ác chống lại tự nhiên là một tội ác chống lại chính chúng ta và là một tội lỗi chống lại Thiên Chúa” [16].

9. Đồng thời, Đức Barthôlômêô đã lôi kéo chú ý đến các gốc rễ đạo đức và thiêng liêng của các vấn đề môi trường, vốn đòi buộc chúng ta tìm ra nhiều giải pháp, không những nhờ kỹ thuật, nhưng còn qua một sự thay đổi từ phía con người, vì nếu không, chúng ta sẽ chỉ đương đầu với các triệu chứng. Ngài đã đề nghị chúng ta đi từ tiêu thụ sang hy sinh, từ tham lam sang quảng đại, từ phung phí sang khả năng chia sẻ, trong một sự khổ hạnh vốn “có nghĩa là học ban phát chứ không chỉ học từ chối. Đây là một cách yêu thương, dần dần đi từ cái tôi muốn sang cái mà thế giới của Thiên Chúa cần. Đây là việc giải thoát khỏi sợ hãi, ham hố và lệ thuộc” [17]. Ngoài ra là Kitô hữu, chúng ta còn được mời gọi “đón nhận thế giới như bí tích hiệp thông, như cách chia sẻ với Thiên Chúa và tha nhân ở mức độ toàn cầu. Đây là xác tín khiêm tốn của chúng ta: rằng cái thần linh và cái nhân loại gặp gỡ nhau ngay trong những chi tiết nhỏ nhất của chiếc áo không đường may của tạo vật Thiên Chúa, cho đến cả trong hạt bụi li ti của hành tinh chúng ta” [18].

Thánh Phanxicô thành Assisi

10. Tôi không muốn tiếp tục Thông điệp này mà không nại đến một gương mẫu tốt đẹp có khả năng động viên chúng ta. Tôi đã lấy tên của ngài như người hướng dẫn và nguồn cảm hứng lúc được chọn làm Giám mục thành Rôma. Tôi tin rằng thánh Phanxicô là mẫu gương tuyệt vời cho việc bảo vệ những gì yếu đuối và cho một sinh thái học toàn vẹn, được sống với niềm vui và sự chân thực. Đó là thánh bổn mạng của tất cả những ai nghiên cứu và làm việc chung quanh sinh thái học và cũng được nhiều người không phải là Kitô hữu yêu mến. Ngài đã biểu lộ một sự chú tâm đặc biệt đối với tạo vật của Thiên Chúa cũng như đối với những kẻ nghèo hèn và bị bỏ rơi. Ngài từng yêu và từng được yêu vì niềm vui của ngài, vì sự dân thân quảng đại của ngài và vì trái tim phổ quát của ngài. Đó là một nhà thần bí và là một lữ khách từng sống trong sự đơn sơ và hòa hợp tuyệt diệu với Thiên Chúa, với tha nhân, với thiên nhiên và với chính mình. Trong ngài, người ta thấy rõ mối quan tâm đối với thiên nhiên, sự công bằng đối với kẻ nghèo, việc dân thân cho xã hội và niềm bình an nội tâm đều bất khả phân ly đến độ nào.

11. Chúng tôi của ngài cũng cho chúng ta thấy: một sinh thái học trọn vẹn đòi hỏi phải mở ra với nhiều phạm trù vượt trên ngôn ngữ toán học hay sinh học, và hướng chúng ta đến yếu tính của con người. Y như những gì xảy ra khi chúng ta đâm yêu một người, mỗi lần thánh Phanxicô nhìn mặt trời, mặt trăng hay các con vật dù bé nhỏ nhất, phản ứng của ngài là ca hát và lôi kéo các tạo vật khác vào lời khen ngợi của mình. Ngài từng bước vào thông giao với tất cả tạo vật và thậm chí từng giảng cho cả loài hoa, “mời gọi chúng ca tụng Chúa, như thể chúng có lý trí” [19]. Phản ứng của ngài từng hơn một sự đánh giá kiêu tri thức hay tính toán kiêu kinh tế, vì đối với ngài bất cứ tạo vật nào cũng là một người chị người em, nối kết với ngài bằng nhiều mối dây thương mến. Đệ tử của Ngài là thánh Bônaventura từng thuật lại như sau: “Coi mọi vật đều có chung một nguồn gốc, ngài đã cảm thấy dâng trào một lòng âu yếm còn lớn lao hơn nữa và gọi các tạo vật dù bé nhỏ đến đâu, bằng cái tên anh hay chị” [20]. Không thể coi xác tín này như một thứ cảm xúc lãng mạn phi lý, vì nó có nhiều hệ quả trên các

quan niệm xác định thái độ của chúng ta. Nếu chúng ta đến gần thiên nhiên và môi trường mà không mở lòng để ngạc nhiên và thán phục như thế, nếu chúng ta không còn nói thứ ngôn ngữ của tình huynh đệ và của vẻ đẹp trong mối liên hệ của chúng ta với thế giới, thì các thái độ của chúng ta sẽ là những thái độ của kẻ thống trị, của kẻ tiêu thụ hay của kẻ khai thác các tài nguyên, không có khả năng xác định giới hạn cho các lợi ích tức thời của mình. Ngược lại, nếu chúng ta cảm thấy mình được liên kết chặt chẽ với tất cả những gì hiện hữu, thì sự điều độ và mối ưu tư bảo vệ sẽ tự nhiên trào ra. Sự nghèo khó và khắc khổ của thánh Phanxicô đã không phải là một thứ khổ hạnh thuần túy bề ngoài, nhưng là một điều gì triệt để hơn: một sự từ chối biến thực tại thành đối tượng đơn thuần để sử dụng và thống trị.

12. Mặt khác, thánh Phanxicô, rất trung thành với Thánh Kinh, đề nghị chúng ta thừa nhận thiên nhiên như một quyền sách lộng lẫy trong đó Thiên Chúa nói với chúng ta và mạc khải cho chúng ta một cái gì đó về vẻ đẹp và lòng tốt của Người: “Vì các thợ tạo càng lớn lao đẹp đẽ thì càng giúp nhận ra Đấng tạo thành” (Kn 13,5) và “những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua công trình của Người” (Rm 1, 20). Vì thế, thánh Phanxicô đã xin tu viện luôn chừa ra một mảnh vườn không canh tác, để ở đó cỏ dại mọc lên, sao cho những khâm phục chúng có thể nâng tư tưởng lên với Chúa, tác giả của bao vẻ đẹp như vậy [21] Vũ trụ còn hơn là một vấn đề phải giải quyết, nó là một màu nhiệm vui để chúng ta chiêm ngắm trong hân hoan và khen ngợi.

Lời kêu gọi của tôi

13. Thách thức khẩn thiết phải bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta bao gồm mối ưu tư liên kết cả gia đình nhân loại vào việc tìm kiếm một sự phát triển lâu dài và trọn vẹn, vì chúng ta biết mọi vật đều có thể thay đổi. Đấng Sáng Tạo không bỏ rơi chúng ta, chẳng bao giờ Người thoái lui trong dự án tình yêu của Người, Người không hối hận vì đã tạo nên chúng ta. Nhân loại còn khả năng cộng tác để xây dựng ngôi nhà chung của chúng ta. Tôi mong chào đón, động viên và cảm ơn tất cả những ai làm việc trong nhiều lãnh vực khác nhau của hoạt động con người, để bảo đảm bảo vệ ngôi nhà mà chúng ta cùng chia sẻ. Đáng biết ơn đặc biệt những ai đang mạnh mẽ đấu tranh để đương đầu với các hậu quả bi đát của việc thoái biến môi sinh trên đời sống những người nghèo nhất trong thế giới. Giới trẻ yêu cầu chúng ta phải thay đổi. Họ tự hỏi làm sao có thể chủ trương xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn, mà không nghĩ đến khủng hoảng môi sinh và đến các đau khổ của những kẻ bị loại trừ.

14. Tôi khẩn khoản mời gọi một cuộc đối thoại mới về cách thức chúng ta xây dựng tương lai của hành tinh. Chúng ta cần một cuộc hoán cải vốn kết hợp chúng ta tất cả, vì sự thách đố môi trường mà chúng ta đang trải qua và các gốc rễ nhân loại của nó đều liên quan đến chúng ta và động chạm tới chúng ta hết thảy. Phong trào sinh thái toàn cầu đã đi một con đường dài, đáng đánh giá cao, và nó đã sinh ra nhiều hiệp hội công dân vốn đã giúp mọi người ý thức. Tiếc thay, nhiều cố gắng để tìm những giải pháp cụ thể cho khủng hoảng môi trường thường thất bại, không những vì sự chống đối của những kẻ quyền lực, nhưng còn vì sự thiếu quan tâm từ phía những kẻ khác. Những thái độ làm tắc nghẽn các con đường tìm giải pháp – ngay cả giữa những tín hữu – đi từ việc phủ nhận vấn đề tới thói dừng dưng, dễ dàng cam chịu hay tin tưởng mù quáng vào

các giải pháp kỹ thuật. Chúng ta cần một sự liên đới toàn cầu cách mới mẻ. Như các Giám mục Nam Phi đã khẳng định, “các tài năng và sự liên quan của *tất cả mọi người* đều cần thiết để sửa chữa những thiệt hại gây ra do các lạm dụng của con người, đi ngược lại tạo vật của Thiên Chúa” [22]. Tất cả chúng ta có thể cộng tác như những khí cụ của Thiên Chúa để bảo vệ tạo vật, mỗi người theo văn hóa, kinh nghiệm, các sáng kiến và các khả năng của mình.

15. Tôi hy vọng Thông điệp này, thêm vào Huấn quyền Xã hội của Giáo hội, sẽ giúp chúng ta nhận ra sự lớn lao, khẩn thiết và tốt đẹp của mỗi thách thức đang xuất hiện cho chúng ta. Trước tiên, tôi xin trình bày cách sơ lược các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng môi sinh hiện thời, để lưu tâm tới các thành quả tốt đẹp nhất của việc nghiên cứu khoa học khả dụng hôm nay, để cho thấy chiều sâu của nó và đưa ra một nền tảng cụ thể cho lộ trình luân lý và thiêng liêng tiếp theo. Từ bản trình bày sơ lược ấy, tôi sẽ lấy lại một vài lý lẽ xuất phát từ truyền thống Do thái-Kitô giáo, để tăng thêm sự mạch lạc cho việc dẫn thân của chúng ta vì môi sinh. Tiếp đến, tôi cố gắng đi tới các gốc rễ của hoàn cảnh hiện tại, để chúng ta không chỉ xét đến các triệu chứng nhưng còn đến các nguyên nhân sâu xa nhất. Như thế, chúng ta sẽ có thể đề nghị một khoa sinh thái học mà trong các chiều kích khác nhau của nó, sẽ đề cao vị trí đặc biệt của con người trong thế giới và những liên hệ của nó với thực tại bao quanh. Dưới ánh sáng của suy tư này, tôi mong đưa ra một vài đường nét lớn của đối thoại và hoạt động vốn liên hệ với mỗi người chúng ta cũng như với nền chính trị quốc tế. Cuối cùng, vì xác tín rằng mọi thay đổi đều cần đến nhiều động lực và một đường lối giáo dục, tôi xin đề nghị vài đường nét cho sự trưởng thành nhân bản, được cảm hứng từ kho tàng kinh nghiệm thiêng liêng Kitô giáo.

16. Dù mỗi chương đều có chủ đề riêng và phương pháp học đặc thù, nhưng từ một cách nhìn mới, đến phiên mình nó cũng lấy lại những câu hỏi/vấn đề quan trọng mà những chương trước đã đề cập. Đó đặc biệt là trường hợp của một vài trục xuyên suốt cả Thông điệp. Ví dụ mối liên hệ mật thiết giữa những người nghèo với sự mong manh của hành tinh; niềm xác tín rằng trong thế giới này tất cả đều liên kết với nhau; sự phê bình mô hình mới và nhiều hình thức quyền lực phát xuất từ kỹ thuật học; lời mời gọi tìm những cách thức khác để hiểu kinh tế và tiến bộ; giá trị riêng của từng tạo vật ; ý nghĩa nhân bản của sinh thái học; sự cần thiết của những thảo luận chân thành và chính trực; trách nhiệm nặng nề của chính trị quốc tế và địa phương ; văn hóa thải bỏ và lời đề nghị một kiểu sống mới. Những đề tài này không bao giờ khép lại cũng chẳng được bỏ qua một bên, nhưng chúng thường xuyên được lấy lại và phong phú hóa.

CÁI ĐANG XẢY RA TRONG NGÔI NHÀ CHÚNG TA

17. Những suy tư thần học hay triết học về tình trạng con người và vũ trụ có thể xem ra như một sứ điệp lặp đi lặp lại và trừu tượng, nếu như chúng không được tái trình bày từ một sự đối chiếu với bối cảnh hiện thời, trong những gì mới mẻ đối với lịch sử nhân loại. Vì thế, trước khi nhìn xem đức tin mang đến cách nào những động lực và những đòi hỏi mới trước thế giới mà chúng ta đang thuộc về, tôi xin đề nghị dừng lại một chút để xem xét cái gì đang xảy ra trong ngôi nhà chung của chúng ta.

18. Việc liên tục tăng tốc những thay đổi của nhân loại và của hành tinh, ngày nay liên kết với sự gia tăng nhịp độ sống và làm việc, trong cái mà một vài người gọi là “rapidación”. Dấu sự thay đổi nằm trong động năng của những hệ thống phức tạp, thì sự nhanh chóng mà các hoạt động của con người áp đặt lên nó hôm nay đi ngược với sự chậm chạp tự nhiên của tiến hóa sinh học. Thêm vào đó là các mục tiêu của sự thay đổi nhanh chóng và bền bỉ ấy không tất yếu nhắm vào lợi ích chung, vào sự phát triển lâu dài và trọn vẹn của con người. Sự thay đổi là một điều đáng ao ước, nhưng nó trở thành gây lo lắng khi đi đến chỗ làm hư hoại thế giới và phẩm chất sống của một phần lớn nhân loại.

19. Sau một thời gian tin tưởng vô lý vào sự tiến bộ và vào khả năng của con người, một phần xã hội đang bước vào một giai đoạn ý thức mạnh mẽ hơn. Người ta nhận thấy có một sự nhạy cảm tăng dần đối với môi trường cũng như với việc bảo vệ thiên nhiên, một mối quan tâm chân thành và đầy đau đớn đối với những gì đang xảy ra cho hành tinh chúng ta. Ta hãy làm một vòng – chắc chắn không đầy đủ – quanh các vấn đề ấy, vốn đang gợi lên nỗi bất an cho chúng ta, những vấn đề mà chúng ta không còn có thể chuồn xuống dưới thảm. Mục tiêu không phải là thâm nhập nhiều tin tức hay thỏa mãn sự hiếu kỳ của mình, nhưng là có một ý thức đau đớn, dám biến đổi những gì đang diễn ra trong thế giới thành nỗi khổ riêng và như thế là thừa nhận sự đóng góp mà mỗi người có thể mang lại.

I. Ô NHIỄM VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ô nhiễm, rác rưởi và văn hóa thải bỏ

20. Có nhiều hình thức ô nhiễm ảnh hưởng từng ngày đến con người. Việc phơi mình trước những chất ô nhiễm trong không khí sinh ra một loạt hậu quả trên sức khỏe – đặc biệt của những người nghèo nhất – gây nên hàng triệu cái chết trẻ. Những con người ấy bị bệnh, ví dụ vì hít thở bụi dày đặc đến từ việc đốt than củi mà họ dùng để nấu ăn hay để sưởi ấm. Thêm vào đó là sự ô nhiễm tác hại đến mọi người do các phương tiện giao thông, các loại khói công nghiệp, các kho trữ những chất góp phần axit hóa đất và nước, các loại phân bón, thuốc diệt côn trùng, diệt nấm mốc, diệt cỏ và các hóa chất nông nghiệp độc hại nói chung. Thứ kỹ thuật gắn liền với các lĩnh vực tài chính, tự cho mình là giải pháp độc nhất cho các vấn đề, thực tế không có khả năng nhìn thấy bí nhiệm của các liên hệ đa dạng vốn có giữa vạn vật, và vì thế đôi khi giải quyết một vấn đề lại tạo nên vấn đề khác.

21. Cũng phải xem xét sự ô nhiễm do các chất thải gây nên, kể cả các rác bần

nguy hiểm có mặt trong nhiều môi trường khác nhau. Mỗi năm có hằng trăm triệu tấn rác thải được sản xuất, mà phần đông không dễ phân hủy do tác nhân sinh học : chất thải gia đình và thương mại, chất thải do phá hủy, chất thải bệnh viện, điện tử và kỹ nghệ, những chất thải độc hại cao và phóng xạ cao. Trái đất, ngôi nhà chung của chúng ta, xem ra càng ngày càng trở nên một bãi rác khổng lồ. Tại nhiều nơi trên hành tinh, các người già tiếc nhớ những phong cảnh xưa mà nay thấy mình ngập rác rưởi. Như các rác thải công nghiệp lẫn các sản phẩm hóa học được sử dụng trong các thành phố và trong nông nghiệp có thể gây nên hậu quả tích tụ sinh học trong cơ thể của người dân chung quanh, điều này cũng vẫn xảy ra khi tỷ lệ hiện diện của một độc chất trong một nơi là thấp. Biết bao lần người ta chỉ đưa ra những biện pháp khi nhiều hậu quả không thể đảo ngược cho sức khỏe con người đã xảy ra rồi.

22. Những vấn đề ấy liên kết chặt chẽ với thứ văn hóa thải bỏ vốn ảnh hưởng đến những con người bị loại trừ cũng như những vật mau biến thành rác rưởi. Ví dụ hãy ý thức rằng phần lớn giấy sản xuất ra đã bị phung phí và không được tái chế. Cũng nên thừa nhận rằng hoạt động của các hệ sinh thái tự nhiên là mẫu mực : cây cỏ tổng hợp những chất nuôi dưỡng loài ăn cỏ ; loài này đến phiên mình lại nuôi dưỡng loài ăn thịt, loài ăn thịt cung cấp căn bã hữu cơ với số lượng lớn để sinh ra một thế hệ thực vật mới. Ngược lại, hệ thống công nghiệp vào cuối chu kỳ sản xuất và tiêu thụ, đã không phát triển khả năng hấp thu và tái sử dụng căn bã và rác thải. Người ta chưa đi đến chỗ chấp nhận một mô hình sản xuất vòng tròn, đảm bảo được tài nguyên cho mọi người cũng như cho những thế hệ tương lai, biết hạn chế tối đa việc sử dụng các tài nguyên không thể tái tạo, kiểm chế việc tiêu thụ chúng, tối đa hóa hiệu suất khai thác chúng, tái sử dụng và tái chế chúng. Tiếp cận vấn đề này sẽ là một cách chống lại thứ văn hóa thải bỏ mà cuối cùng gây tai họa cho cả hành tinh, nhưng chúng tôi nhận thấy rằng những tiến bộ theo chiều hướng này còn rất lâu mới đủ.

Khí hậu như tài sản chung

23. Khí hậu là một tài sản chung của mọi người và cho mọi người. Ở mức độ toàn cầu, đó là một hệ thống phức tạp, liên quan đến nhiều điều kiện thiết yếu của cuộc sống con người. Có một sự nhất trí khoa học rất vững chắc cho thấy rằng chúng ta đang đứng trước một sự đun nóng đáng ngại của hệ thống khí hậu. Suốt những thập niên vừa qua, việc đun nóng này đã đi kèm với việc liên tục dâng cao mức nước biển, ngoài ra khó mà không liên kết nó với việc gia tăng nhiều biến cố khí tượng thái quá; còn thêm sự kiện là người ta không thể gán một nguyên nhân xác định cách khoa học cho từng hiện tượng đặc thù. Nhân loại được kêu gọi phải ý thức việc cần thực hiện nhiều thay đổi kiểu sống, sản xuất và tiêu thụ, để chống lại việc đun nóng ấy hay ít nhất chống lại những nguyên nhân con người đã gây nên nó hay gia tăng nó. Vẫn biết có nhiều nhân tố khác (như hiện tượng núi lửa, những thay đổi quỹ đạo và trục của trái đất, chu kỳ mặt trời), nhưng nhiều nghiên cứu khoa học chỉ ra rằng phần lớn việc đun nóng toàn cầu trong những thập niên vừa qua là do sự tập trung quá lớn các loại khí gây hiệu ứng nhà kính (đi-ô-xít các-bon, mê-tan, ô-xít ni-tro-gen và nhiều loại khác) phát sinh chủ yếu do hoạt động của con người. Nếu cứ tập trung trong khí quyển, chúng sẽ ngăn sức nóng của các tia mặt trời phản chiếu bởi trái đất biến mất không gian. Điều này đặc biệt được củng cố do mô hình phát triển dựa trên việc sử dụng thái quá các chất đốt hóa thạch, vốn làm nên trái tim của hệ thống năng lượng thế giới. Sự kiện ngày càng thay đổi các

cách sử dụng đất đai, nhất là nạn phá rừng cho nông nghiệp, cũng có nhiều tác động.

24. Đến lượt mình, việc đun nóng có nhiều ảnh hưởng lên chu kỳ của thân khí. Nó tạo nên một vòng lẩn quẩn, làm cho hoàn cảnh trầm trọng thêm nữa, sẽ gây ảnh hưởng lên việc sử dụng các tài nguyên thiết yếu như nước uống, năng lượng cũng như việc sản xuất nông nghiệp của những vùng nóng nhất và sẽ gây nên việc tiêu diệt một phần sự đa dạng sinh học của hành tinh. Việc tan các khối băng của hai cực và của những vùng núi cao đe dọa giải phóng khí mê-tan với nguy cơ lớn, và việc phân hủy chất hữu cơ đông lạnh có thể làm gia tăng hơn nữa việc phát tán khí đi-ô-xít các-bon. Cũng vậy, việc biến mất các khu rừng nhiệt đới cũng làm tình trạng thêm trầm trọng, vì chúng góp phần làm dịu bớt việc biến đổi khí hậu. Sự ô nhiễm do đi-ô-xít các-bon tạo ra gia tăng tính a-xít của các đại dương, gây nguy hại cho chuỗi lương thực trong biển. Nếu xu hướng hiện tại vẫn tiếp tục, thế kỷ này có thể sẽ chứng kiến nhiều biến đổi khí hậu chưa từng có và sự tàn phá vô tiền khoáng hậu các hệ sinh thái, với nhiều hậu quả nặng nề cho chúng ta tất cả. Ví dụ việc dâng cao mực nước biển có thể tạo nhiều hoàn cảnh hết sức nặng nề nếu người ta tính đến sự kiện một phần tư dân số thế giới sống bên bờ biển hay rất gần biển, và phần lớn các đại đô thị đều nằm ở vùng duyên hải.

25. Việc biến đổi khí hậu là một vấn đề toàn cầu với nhiều hậu quả trầm trọng về môi trường, xã hội, kinh tế, phân phối cũng như chính trị, và làm nên một trong những thách thức quan trọng nhất hiện thời cho nhân loại. Những hậu quả tồi tệ có lẽ sẽ giáng xuống suốt các thập niên tới trên những nước đang phát triển. Nhiều người nghèo sống trong những nơi đặc biệt chịu ảnh hưởng của nhiều hiện tượng liên can tới việc nung nóng, và các phương tiện sinh sống của họ phụ thuộc mạnh mẽ vào những khu bảo tồn thiên nhiên và những dịch vụ của hệ sinh thái như nông nghiệp, ngư nghiệp và các tài nguyên rừng. Họ không có những hoạt động tài chính lẫn những tài nguyên khác, giúp họ thích nghi với các ảnh hưởng khí hậu cũng như đương đầu với các hoàn cảnh thảm hại, và họ cũng ít nhận được các dịch vụ xã hội lẫn sự bảo vệ. Ví dụ các biến đổi khí hậu cũng tạo nên những cuộc di trú của động vật và thảo mộc vốn không thể luôn thích ứng, và điều đó ảnh hưởng lên các phương tiện sản xuất của những người nghèo nhất vốn cũng bị buộc phải di cư với một sự bấp bênh lớn lao cho tương lai họ và tương lai con cái họ. Việc thêm lên số người di tản chạy trốn cảnh khốn cùng gia tăng do sự thoái biến môi trường thật là thảm; những kẻ di cư này không được công nhận là những người tỵ nạn bởi các thỏa ước quốc tế và họ phải mang gánh nặng cuộc sống trong sự bấp bênh trôi giạt chẳng có chút che chở pháp lý nào. Khổ thay, có một sự dửng dưng chung trước những thảm cảnh như thế vốn đang xảy ra lúc này trên nhiều phần khác nhau của thế giới. Sự thiếu phản ứng trước bi kịch này của anh chị em chúng ta là một dấu chỉ của việc đánh mất ý thức trách nhiệm đối với đồng loại vốn là nền tảng của mọi xã hội dân sự.

26. Rất đông kẻ nắm giữ nhiều tài nguyên và quyền lực kinh tế hay chính trị, xem ra chỉ nỗ lực giấu giếm các vấn đề hay che đậy các triệu chứng bằng cách thu nhỏ một vài tác động tiêu cực của việc biến đổi khí hậu. Nhưng nhiều triệu chứng cho thấy rằng các hậu quả ấy không ngừng xấu đi nếu chúng ta cứ duy trì các mô hình sản xuất và tiêu thụ như hiện nay. Vì thế phải khẩn cấp triển khai nhiều chính sách, để trong các năm tới, việc thải chất đi-ô-xít các-bon và nhiều khí ô nhiễm cao phải được giảm thiểu triệt để, chẳng hạn bằng cách thay thế việc sử dụng các chất đốt hóa thạch và gia tăng các

nguồn năng lượng tái tạo. Trong thế giới, việc tiếp cận các năng lượng sạch và tái tạo đang ở một mức độ hạn chế. Cũng cần phát triển nhiều kỹ thuật tích lũy thích hợp. Dù vậy, trong một số nước, nhiều tiến bộ bắt đầu có ý nghĩa đã được thực hiện, mặc dù còn lâu mới đạt tới một mức độ đầy đủ. Cũng đã có vài đầu tư vào các phương tiện sản xuất và chuyên chở sử dụng ít năng lượng và đòi hỏi ít nguyên liệu, như trong lĩnh vực xây dựng hay tu bổ nhà cửa để cải thiện hiệu quả năng lượng. Nhưng những thực hành tốt đẹp này còn lâu mới được phổ biến.

II. VẤN ĐỀ “NƯỚC”

27. Nhiều dấu chỉ khác về hoàn cảnh hiện tại liên hệ tới việc cạn kiệt các tài nguyên thiên nhiên. Chúng ta ý thức rõ rằng không thể duy trì mức độ tiêu thụ hiện thời của các nước phát triển nhất và của các khu vực giàu có nhất trong các xã hội, nơi thói quen xài phí và vứt bỏ đạt tới những mức chưa từng thấy. Các giới hạn tối đa của việc khai thác hành tinh đã bị vượt qua rồi mà chúng ta vẫn không thể giải quyết được vấn đề nghèo đói.

28. Nước sạch và uống được là một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu, vì nó cần thiết cho sự sống con người cũng như nâng đỡ các hệ địa sinh thái và thủy sinh thái. Những nguồn suối nước ngọt cung ứng cho các khu cấp nước, khu nông nghiệp, ngư nghiệp và cả kỹ nghệ. Trong một thời gian dài, dự trữ nước tương đối ổn định, nhưng ở nhiều nơi cầu vượt quá cung dài dài, với nhiều hậu quả nặng nề trong ngắn hạn lẫn dài hạn. Nhiều thành phố lớn, vốn cần một lượng nước dự trữ quan trọng, đang chịu nhiều thời kỳ giảm tài nguyên này, vốn không luôn luôn được quản lý một cách bình đẳng và bất thiên vị trong những lúc gay gắt. Việc thiếu nước máy được ghi nhận đặc biệt tại Phi Châu, nơi nhiều khu vực dân cư lớn không thể tiếp cận với nước uống trong lành, hay phải chịu đựng những cơn hạn hán, gây khó khăn cho việc sản xuất lương thực. Trong một số quốc gia, nhiều vùng xài nước một cách dư giả nhưng đồng thời lại có nhiều vùng khác thiếu nó cách trầm trọng.

29. Một vấn đề đặc biệt nghiêm trọng là vấn đề phẩm chất nước khả dụng cho những người nghèo, khiến gây nên nhiều cái chết mỗi ngày. Các bệnh tật liên can tới nước thường thấy nơi những người nghèo, kể cả những bệnh do các vi sinh vật và các chất hóa học gây nên. Tiêu chảy và dịch tả, vốn liên kết với các dịch vụ vệ sinh và với việc cung cấp nước không phù hợp để tiêu thụ là một nhân tố rõ ràng khiến trẻ em đau và chết. Các mạch nước ngầm ở nhiều nơi bị đe dọa bởi ô nhiễm gây ra do một vài hoạt động khai thác nông nghiệp và công nghiệp, nhất là trong những xứ không có điều chỉnh và kiểm soát đầy đủ. Chúng ta đừng chỉ nghĩ đến các bãi rác của những nhà máy. Các chất tẩy và các sản phẩm hóa học mà dân chúng sử dụng tại nhiều nơi trên thế giới tiếp tục đổ vào nhiều dòng sông, ao hồ và biển cả.

30. Trong khi phẩm chất nước khả dụng thường xuyên hư hỏng, nhiều nơi gia tăng xu hướng tư hữu hóa tài nguyên có hạn ấy, biến nó thành hàng hóa chịu các quy luật thị trường. Trong thực tế, *tiếp cận nước uống được và an toàn là một nhân quyền hàng đầu, cơ bản và phổ quát, vì nó quyết định sự sống còn của con người, và như thế là một điều kiện cho việc thực thi các nhân quyền khác.* Thế giới này mang một món nợ lớn lao đối với những người nghèo đã không có được nước uống, vì như thế là *từ khước không cho họ quyền sống vốn bắt rễ trong phẩm giá bất khả chuyển nhượng của họ.*

Món nợ này được giải quyết một phần qua nhiều đóng góp kinh tế quan trọng để cung cấp nước uống và vệ sinh cho những người nghèo khổ nhất. Nhưng người ta nhận thấy có sự phung phí nước không những trong các xứ đã phát triển mà còn trong các xứ kém phát triển có được nhiều nguồn dự trữ lớn. Điều này cho thấy vấn đề nước một phần cũng là vấn đề giáo dục và văn hóa, vì ý thức về sự trầm trọng của các thái độ ấy thiếu hẳn trong một bối cảnh bất công lớn lao.

31. Một sự thiếu nước trầm trọng sẽ gây nên việc tăng giá các lương thực cũng như giá các sản phẩm khác nhau vốn lệ thuộc vào việc sử dụng nước. Một vài nghiên cứu đã báo động khả năng thiếu nước trầm trọng trong vài thập niên tới, nếu người ta không cấp bách hành động. Các tác động trên môi trường có thể ảnh hưởng đến hàng tỷ con người, và có thể dự kiến rằng việc kiểm soát nước của những đại doanh nghiệp đa quốc sẽ trở thành một trong những nguồn xung khắc chính yếu của thế kỷ này [23].

III. VIỆC MẤT SỰ ĐA DẠNG SINH HỌC

32. Những tài nguyên của trái đất cũng là đối tượng phá hoại do quan niệm cho rằng kinh tế cũng như hoạt động thương mại và sản xuất đều dựa trên tính tức thời. Việc biến mất các khu rừng và nhiều thảo mộc khác đồng thời kéo theo việc biến mất các loài mà trong tương lai có thể là những tài nguyên hết sức quan trọng, không những đối với việc cung cấp thực phẩm nhưng còn đối với việc chữa lành bệnh tật và nhiều dịch vụ khác nhau. Các loài khác nhau chứa nhiều gen mà có thể là những tài nguyên chủ chốt để cung cấp trong tương lai cho một số nhu cầu của nhân loại hay để điều chỉnh một vài vấn đề của môi trường.

33. Nhưng không đủ nếu chỉ nghĩ đến các loài khác nhau chỉ như những “tài nguyên” có thể khai thác mà quên rằng chúng có một giá trị tự nội. Mỗi năm biến mất hàng nghìn loài thảo mộc và động vật mà chúng ta sẽ không còn có thể biết, mà con cái chúng ta sẽ không có thể thấy vì đã mất đi vĩnh viễn.

Đại đa số biến mất vì nhiều lý do gắn liền với một hoạt động của con người. Vì chúng ta, hàng ngàn loài sẽ không còn tồn vinh Thiên Chúa qua sự hiện hữu của chúng, và sẽ không thể chuyển thông cho chúng ta sứ điệp riêng của chúng. Chúng ta không có quyền làm như vậy.

34. Có lẽ, chúng ta bắn khoăn khi biết được sự diệt vong của một loài động vật có vú hay một loài chim, vì chúng được thấy rõ hơn. Nhưng các loài nấm, rong tảo, sâu bọ, côn trùng, bò sát và vô số vi sinh vật khác nhau cũng cần thiết cho sự vận hành tốt của các hệ sinh thái. Vài loài ít ỏi, thường khó nhận ra, đóng một vai trò cơ bản để tạo sự cân bằng cho một nơi. Đã hẳn con người phải can thiệp khi một hệ thống địa lý đi vào tình thế nguy kịch; nhưng ngày hôm nay, trong một thực tại quá phức tạp như thiên nhiên, mức độ can thiệp của con người lại như sau: các thảm họa lâu dài do con người gây ra đang kêu gọi một sự can thiệp mới từ phía họ, đến nỗi hoạt động của con người có mặt khắp nơi, với mọi nguy cơ mà điều đó bao hàm. Thường xuất hiện một vòng lẩn quẩn là sự can thiệp của con người nhằm giải quyết một khó khăn nhiều khi lại làm cho hoàn cảnh thêm trầm trọng. Ví dụ nhiều chim chóc và côn trùng vốn biến mất do các chất độc nông nghiệp được kỹ thuật tạo ra, thì hữu ích cho chính nền nông nghiệp đó và việc biến mất của chúng sẽ phải bị thay thế bằng một sự can thiệp kỹ thuật khác mà có lẽ sẽ sinh ra nhiều hậu quả tai hại khác nữa. Những nỗ lực của các khoa học gia và kỹ

thuật gia cố tìm cách mang đến nhiều giải pháp cho các vấn đề do con người tạo ra, đều đáng khen ngợi và đôi khi đáng thán phục. Nhưng khi nhìn vào thế giới, chúng ta nhận thấy rằng mức độ can thiệp của con người như thế, mà thường để phục vụ cho tài chính và chủ nghĩa tiêu thụ, làm cho thế giới chúng ta đang sống thật ra trở nên bớt phong phú và bớt xinh đẹp hơn, luôn giới hạn hơn và xám xịt hơn, trong khi cùng lúc sự phát triển của kỹ thuật và của các sản phẩm tiêu thụ tiếp tục tiến triển vô giới hạn. Như thế xem ra chúng ta muốn thay thế một vẻ đẹp bất khả thay thế và bất khả thu hồi bằng một vẻ đẹp khác do chúng ta tạo ra.

35. Khi phân tích ảnh hưởng lên môi trường của một xí nghiệp, người ta thường xem xét các hiệu quả trên đất, nước và khí, nhưng lại không luôn bao gồm một nghiên cứu cẩn thận về ảnh hưởng của nó lên sự đa dạng sinh học, như thể việc biến mất vài loài hoặc vài nhóm động vật hay thảo mộc là một cái gì đó ít quan trọng. Các con đường, các khu trồng trọt mới, các lưới rào, các đập chắn và các công trình xây dựng khác dần dần chiếm lấy các điểm phân bố và đôi khi phân mảnh chúng, khiến cho các quần thể động vật không còn có thể di trú hay di chuyển tự do, đến nỗi vài loài bị đe dọa tuyệt diệt. Cũng có nhiều cố gắng ngược lại có thể ít nhất giảm bớt ảnh hưởng của các công trình này –như việc tạo những hành lang sinh học– nhưng người ta nhận thấy sự chú ý và sự phòng ngừa như thế chỉ có trong một ít quốc gia. Khi khai thác kiểu thương mại một số loài, người ta đã không luôn nghiên cứu hình thức tăng trưởng của chúng, để tránh sự giảm thiểu quá mức của chúng, khiến gây nên sự mất quân bình trong hệ sinh thái.

36. Việc bảo vệ các hệ sinh thái giả thiết một cái nhìn vượt trên cái tức thời, vì khi người ta chỉ tìm một năng suất kinh tế nhanh chóng và dễ dàng, thì việc phòng giữ chúng thật sự chẳng khiến ai quan tâm. Nhưng giá của những thiệt hại do thói dừng dừng ích kỷ gây nên, còn cao hơn nhiều mỗi lợi ích kinh tế có thể thu được từ đó. Trong trường hợp vài loài biến mất hay bị thiệt hại nặng nề, chúng ta nói đó là những giá trị vượt trên mọi tính toán. Như thế chúng ta có thể thành những chứng nhân thính lặng cho bao bất công nặng nề, khi một số người chủ trương đạt được những môi lợi quan trọng bằng cách bắt phần còn lại của nhân loại, hiện tại cũng như tương lai, phải trả những phí tổn quá cao cho việc thoái biến môi trường.

37. Một vài quốc gia đã tiến triển trong việc bảo vệ hữu hiệu một số nơi và một số vùng –trên đất và trong biển– nơi người ta cấm mọi sự can thiệp của con người mà có thể thay đổi diện mạo của chúng hay làm hư hỏng cấu tạo nguyên thủy của chúng. Trong việc bảo vệ sự đa dạng sinh học, các chuyên gia nhấn mạnh việc cần phải chú tâm đặc biệt đến những vùng có nhiều loài khác nhau nhất, đến những loài đặc hữu hiếm hoi hay có một mức độ bảo vệ hữu hiệu kém cỏi. Vài nơi đòi hỏi một sự bảo vệ đặc biệt vì tầm quan trọng lớn lao của chúng đối với hệ sinh thái toàn cầu, hay vì chúng làm thành những dự trữ nước quan trọng và như thế bảo đảm cho nhiều dạng sống khác.

38. Ví dụ ta hãy nói đến các buồng phổi của hành tinh đầy đa dạng sinh học như vùng Amazonie và lưu vực sông Congo, hay những diện tích lớn chứa nước và các băng hà. Người ta không phải không biết đến tầm quan trọng của những địa điểm này đối với toàn thể hành tinh và đối với tương lai nhân loại. Các hệ sinh thái của các rừng nhiệt đới có sự đa dạng sinh học hết sức phức tạp gần như không thể thiết lập danh mục trọn vẹn, nhưng lúc các khu rừng này bị đốt cháy hay bị san bằng để phát triển những

khu canh tác thì trong vài năm vô số loài bị biến mất, khi chúng không biến thành những hoang địa khô cằn. Tuy nhiên, một sự quân bình tế nhị phải được đặt ra khi người ta nói về những nơi này, vì người ta cũng không thể bắt biết các lợi lộc kinh tế quốc tế khổng lồ, mà với cơ bảo vệ các nơi ấy, có thể phương hại đến các chủ quyền quốc gia. Thực tế, có nhiều “đề nghị quốc tế hóa vùng Amazonie mà chỉ phục vụ những lợi ích kinh tế của các công ty đa quốc” [24]. Thật đáng khen ngợi công việc của các cơ quan quốc tế và các tổ chức xã hội dân sự biết gây nhạy cảm cho dân chúng và biết cộng tác với tinh thần phê phán bằng cách cũng sử dụng các cơ chế áp lực hợp pháp, để mỗi chính quyền hoàn tất nhiệm vụ riêng biệt và bất khả chuyển giao là bảo vệ môi trường cũng như các tài nguyên tự nhiên của quốc gia mà không bán mình cho những lợi lộc bất chính địa phương hay quốc tế.

39. Việc thay thế hệ thực vật hoang dại bằng những vùng trồng cây lại mà thường là độc canh, không mấy khi là đối tượng cho một việc phân tích thích đáng. Thực vậy, việc thay thế này có thể gây ảnh hưởng trầm trọng cho một sự đa dạng sinh học mà các loại cây mới trồng không chấp nhận. Những khu vực ẩm ướt, bị biến thành đất canh tác, cũng mất đi sự đa dạng sinh học mà chúng đã từng đón nhận. Trong vài vùng duyên hải, việc biến mất các hệ sinh thái làm nên bởi các rừng sú vẹt gây nhiều lo lắng.

40. Các đại dương không những làm nên phần lớn nước của hành tinh, nhưng cũng làm nên phần lớn sự đa dạng các sinh vật mà nhiều loại trong đó chúng ta còn chưa biết và đang bị nhiều nguyên nhân khác đe dọa. Mặt khác, sự sống trên các sông, hồ, biển và đại dương, vốn nuôi sống phần lớn dân số địa cầu, đang thấy mình bị ảnh hưởng bởi việc khai thác hỗn loạn các nguồn cá, gây nên sự giảm thiểu triệt để của một vài loài. Nhiều hình thức đánh cá có chọn lọc, vốn phung phí các loài bị bắt, đang tiếp tục phát triển. Các sinh vật biển mà chúng ta không lưu tâm đến, đang bị đe dọa đặc biệt, như một vài dạng phiêu sinh vật làm nên một thành phần rất quan trọng trong chuỗi lương thực biển, chúng rất cần thiết cho những loài nuôi sống chúng ta.

41. Khi xâm nhập các vùng biển nhiệt đới và á nhiệt đới, chúng ta tìm thấy các rặng san hô; chúng tương đương với các khu rừng lớn của trái đất, vì chúng cho cư trú khoảng một triệu loài, gồm cá, cua, nhuyễn thể, bọt biển, rong tảo và nhiều loại khác. Nhiều rặng san hô trong thế giới nay đã cạn cỗi hay suy tàn dần: “Ai đã biến thủy giới kỳ diệu thành các nghĩa địa dưới biển mất hết sự sống và màu sắc?” [25] Hiện tượng này phần lớn là do sự ô nhiễm đã lan đến đại dương, hậu quả của việc phá rừng, của các kiểu độc canh nông nghiệp, của rác thải kỹ nghệ và của các phương pháp đánh cá mang tính hủy hoại, nhất là của các phương pháp sử dụng chất cyanure và thuốc nổ. Hiện tượng đó trầm trọng thêm do sự nâng cao nhiệt độ trong các đại dương. Tất cả điều này giúp chúng ta nhận thức rằng bất cứ hành động nào lên thiên nhiên cũng có thể có nhiều hậu quả mà thoát nhìn chúng ta không nghĩ đến, và rằng một vài hình thức khai thác tài nguyên được thực hiện với giá của một sự suy tàn mà cuối cùng chạm tới *cả đáy các đại dương*.

42. Cần đầu tư nhiều hơn nữa cho việc nghiên cứu để hiểu rõ hơn động ứng của các hệ sinh thái và phân tích trọn vẹn các thông số khác nhau của ảnh hưởng từ mọi biến đổi quan trọng của môi trường. Thật thế, mọi tạo vật đều liên kết với nhau, mỗi vật phải được nhận mạnh giá trị với tình yêu và thần phục, và xét như là những hữu thể, tất cả chúng ta đều cần đến nhau. Mỗi vùng đất đều có một trách nhiệm trong việc bảo vệ

gia đình này, và do đó cần kiểm kê chi tiết các loài mà nó đang cho trú ngụ, để phát triển nhiều chương trình và chiến lược bảo vệ, bằng cách chăm sóc phòng giữ đặc biệt các loài đang trên đường hủy diệt.

IV. HỦY HOẠI PHẨM CHẤT NHÂN SINH VÀ SUY THOÁI XÃ HỘI

43. Nếu chúng ta để ý đến sự kiện con người cũng là một thụ tạo của thế giới này, có quyền sống và quyền hạnh phúc, hơn nữa còn có một phẩm giá trời vượt; chúng ta không thể không xem xét các hậu quả của việc suy thoái môi trường, của mô hình phát triển hiện thời và của văn hóa thải bỏ trên cuộc sống con người.

44. Ngày nay, chẳng hạn chúng ta quan sát thấy sự tăng trưởng quá mức và hỗn loạn của nhiều thành phố vốn đã trở nên có hại cho cuộc sống tại đó, không những vì sự ô nhiễm do những chất thải độc gây ra, nhưng còn vì sự lộn xộn đô thị, những vấn đề vận tải và sự ô nhiễm do màu sắc lẫn tiếng ồn. Nhiều thành phố là những đại cấu trúc vô hiệu quả, tiêu thụ năng lượng và nước quá mức. Một vài khu phố, dù mới được xây dựng, đã đầy ứ và vô trật tự, chẳng có những không gian xanh đầy đủ. Các cư dân của hành tinh này không được tạo nên để sống mà luôn bị xâm lăng thêm mãi bởi xi-măng, nhựa đường, thủy tinh, kim loại, mất tiếp xúc thể lý với thiên nhiên.

45. Ở một vài nơi, tại thôn quê cũng như trong thành thị, việc tư nhân hóa các không gian đã khiến cho các công dân khó tiếp xúc với những khu vực đặc biệt xinh đẹp. Ở vài nơi khác, người ta tạo nhiều đô thị “sinh thái” chỉ để phục vụ một ít người, tránh không cho những kẻ khác bước vào làm rối loạn sự yên tĩnh giả tạo. Một thành phố đẹp và đầy không gian xanh được bảo vệ kỹ thường ở trong vài khu vực “an toàn”, nhưng rất ít thấy trong những khu vực ít tề chỉnh hơn, nơi sinh sống của những kẻ bị gạt ra bên lề xã hội.

46. Trong số những thành tố xã hội của việc thay đổi toàn cầu, có các hiệu quả của một vài canh tân kỹ thuật trên lao động, việc loại trừ khỏi xã hội, sự bất bình đẳng trong việc cung ứng và tiêu thụ năng lượng lẫn các dịch vụ khác, sự phân mảnh xã hội, sự gia tăng bạo lực và sự xuất hiện những hình thức gây hấn mới, việc buôn bán ma túy và việc gia tăng tiêu thụ các chất kích thích nơi giới trẻ, việc mất đi căn tính. Đó là những dấu chỉ giữa bao dấu chỉ khác cho thấy rằng sự tăng trưởng của hai thế kỷ gần đây, dưới mọi phương diện của nó, đã không mang ý nghĩa một sự tiến bộ đích thực trọn vẹn cũng như một sự cải thiện phẩm chất cuộc sống. Một số trong những dấu chỉ này đồng thời cũng là các triệu chứng của một sự suy thoái xã hội, một sự hủy bỏ âm thầm các mối dây hòa nhập và hiệp thông xã hội.

47. Thêm vào đó là động năng của các phương tiện truyền thông xã hội và của thế giới kỹ thuật số. Trở thành có mặt khắp nơi, chúng không cổ vũ việc phát triển một khả năng sống khôn ngoan, suy tư sâu xa và mẫn yêu quảng đại. Các đại diện nhân của quá khứ, trong bối cảnh này, hẳn gặp nguy cơ thấy mình triết của mình tắt dần giữa tiếng động của thông tin mà nay biến thành giải trí. Điều này đòi buộc chúng ta cố gắng để các phương tiện truyền thông đó biểu hiện một sự phát triển văn hóa mới của nhân loại, chứ không biểu hiện việc hủy hoại sự phong phú sâu xa nhất của loài người. Sự khôn ngoan đích thực, kết quả của suy tư, đối thoại và gặp gỡ cao thượng giữa con người, không thể đạt được bằng việc đơn thuần tích lũy các dữ kiện mà cuối cùng chỉ gây chán chê và làm lú lẫn, như một thứ ô nhiễm tinh thần. Đồng thời các liên hệ đích

thực với người khác có xu hướng bị thay thế -với đủ mọi thách thức mà điều đó bao hàm- bằng một kiểu thông giao qua mạng internet. Điều này cho phép chọn lựa hay loại bỏ những liên hệ theo ý chí tự do của chúng ta, từ đó nảy sinh một kiểu xúc cảm giả tạo mới, liên hệ với các thiết bị hơn là với con người và với thiên nhiên. Những phương tiện hiện thời cho phép chúng ta chuyển thông và chia sẻ nhiều kiến thức và nhiều tình cảm. Tuy nhiên, đôi khi chúng ngăn cản ta đi vào tiếp xúc trực tiếp với nỗi khổ, mối lo, niềm vui của kẻ khác và với sự phức tạp trong kinh nghiệm cá nhân của họ. Vì thế chúng ta chớ nên ngạc nhiên rằng cùng với sự cung cấp ngập tràn các sản phẩm ấy, đang phát triển một nỗi không thỏa mãn sâu xa và buồn thảm trong các tương quan liên vị hay một sự cô lập gây thiệt hại nhiều.

V. BẤT BÌNH ĐẲNG KHẮP HÀNH TINH

48. Môi trường nhân loại và môi trường tự nhiên cùng xuống cấp với nhau, và chúng ta sẽ không thể đương đầu cách thích hợp với sự suy thoái của môi trường, nếu không chú tâm đến các nguyên nhân có liên quan với việc suy thoái của con người lẫn xã hội. Thật vậy, sự hủy hoại môi trường và hủy hoại xã hội ảnh hưởng cách đặc biệt lên những gì yếu đuối nhất của hành tinh : “Kinh nghiệm chung của đời sống hằng ngày cũng như việc khảo sát khoa học cho thấy chính những người nghèo nhất phải chịu những hậu quả nặng nề nhất của mọi cuộc tấn công vào môi trường” [26]. Ví dụ sự cạn kiệt các nguồn dự trữ cá gây hại đặc biệt cho những ai sống bằng việc đánh cá thủ công mà không có những phương tiện để thay thế việc này; sự ô nhiễm nước đọng chạp đặc biệt đến những người nghèo khổ nhất, không có khả năng mua nước đóng chai, và việc nâng cao mức nước biển ảnh hưởng chủ yếu đến những cư dân duyên hải khó nghèo không nơi di chuyển tới. Tác động của các rối loạn hiện thời cũng biểu lộ nơi những cái chết sớm của nhiều người nghèo, trong các xung đột do thiếu tài nguyên gây ra và qua nhiều vấn đề khác vốn không có đủ chỗ trong các nhật ký của thế giới [27].

49. Tôi muốn lưu ý rằng người ta thường không có một ý thức rõ ràng về các vấn đề đang ảnh hưởng đặc biệt tới những kẻ bị loại trừ. Họ là đại bộ phận của hành tinh, hàng tỉ người. Ngày nay, họ có mặt trong các tranh luận chính trị và kinh tế quốc tế, nhưng hình như các vấn đề của họ chỉ được đặt ra như một thứ phụ lục, như một câu hỏi thêm vào vì bị bó buộc hay theo kiểu ngoài rìa, khi người ta không xem các vấn đề ấy như một thiệt hại phụ đơn thuần. Trong thực tế, khi hành động cụ thể, họ thường bị xếp vào chỗ cuối. Điều này một phần do sự kiện nhiều người chuyên nghiệp, hướng dẫn công luận, nhiều phương tiện truyền thông và nhiều trung tâm quyền lực đều ở xa họ, trong những khu đô thị biệt lập, không tiếp xúc trực tiếp các vấn đề của những kẻ bị loại trừ. Những người này sống và suy nghĩ từ sự thoải mái của một mức độ phát triển và một phẩm chất sống vượt quá tầm của đa số dân chúng toàn cầu. Việc thiếu tiếp xúc thể lý và gặp gỡ như thế, đôi khi được cổ vũ do sự phân tán trong các thành phố của chúng ta, giúp trấn an lương tâm và che khuất một phần thực tại nhờ nhiều phân tích quanh co. Điều này đôi khi chung sống với một với một diễn từ “xanh”. Nhưng ngày nay chúng ta không thể ngăn cản mình thừa nhận rằng một tiếp cận sinh thái học đích thực luôn biến thành một tiếp cận xã hội, vốn phải tích hợp công lý vào trong các thảo luận về môi trường, để lắng nghe tiếng gào thét của trái đất cũng như tiếng gào thét của người nghèo.

50. Thay vì giải quyết các vấn đề của người nghèo và nghĩ đến một thế giới khác

hắn, vài kẻ chỉ bằng lòng với việc đề nghị một sự hạn chế sinh sản. Không thiếu những áp lực quốc tế lên các nước đang phát triển: đó là đưa ra một số chính sách “sức khỏe sinh sản” như điều kiện cho những trợ giúp kinh tế. Nhưng “nếu đúng là việc phân bố không đều dân số và tài nguyên khả dụng tạo ra nhiều trở ngại cho việc phát triển và việc sử dụng lâu dài môi trường, vẫn phải công nhận rằng việc gia tăng dân số hoàn toàn tương hợp với một sự phát triển trọn vẹn và liên đới” [28]. Việc một số người kết án sự gia tăng dân số chứ không phải chủ nghĩa tiêu thụ quá đáng và chọn lọc là một cách tránh đương đầu với các vấn đề. Như thế, người ta chủ trương hợp pháp hóa mô hình phân phối hiện thời, trong đó một thiểu số tin rằng mình có quyền tiêu thụ trong một tỷ lệ không thể nào phổ cập cho tất cả, vì hành tinh thậm chí không thể có khả năng chứa rác thải của một kiểu tiêu thụ như vậy. Ngoài ra chúng ta biết rằng thiên hạ phung phí khoảng một phần ba lương thực được sản xuất, và rằng “khi người ta ném bỏ thức ăn, thì đó như thể là cướp đi lương thực từ bàn ăn của kẻ nghèo” [29]. Dù sao đi nữa, chắc chắn phải chú tâm đến sự mất cân bằng trong việc phân phối dân số trên lãnh thổ, ở mức độ quốc gia cũng như mức độ toàn cầu, vì sự gia tăng sức tiêu thụ sẽ dẫn đến nhiều hoàn cảnh phức tạp trong vùng, do các cụm vấn đề có liên hệ đặc biệt tới ô nhiễm môi trường, giao thông, tới xử lý rác thải, tới sự mất mát tài nguyên và phẩm chất cuộc sống.

51. Sự bất bình đẳng không chỉ tác động đến từng cá nhân, nhưng cũng đến cả toàn thể nhiều nước, và buộc phải nghĩ tới một thứ đạo đức trong các liên hệ quốc tế. Quả thế, có một “món nợ sinh thái học” thật sự đặc biệt giữa vùng Bắc và vùng Nam – liên can tới nhiều sự bất bình đẳng thương mại với nhiều hậu quả trên lãnh vực sinh thái cũng như tới việc sử dụng mất cân đối các tài nguyên thiên nhiên mà theo lịch sử là đã được thực thi bởi một vài nước. Việc xuất khẩu những thứ nguyên liệu khác nhau để thỏa mãn các thị trường của vùng Bắc công nghiệp hóa, đã tạo nhiều thiệt hại cho địa phương, như gây ô nhiễm do chất thủy ngân trong việc khai thác vàng hay do đi-ô-xít lưu huỳnh trong việc khai thác đồng. Phải đặc biệt tính tới việc sử dụng không gian môi sinh của cả hành tinh, khi có vấn đề trữ các chất thải khí vốn đã được tích tụ suốt hai thế kỷ và đã tạo ra một hoàn cảnh hiện tác động mọi quốc gia trên địa cầu. Sự đun nóng gây ra do việc tiêu thụ kinh khủng của vài nước giàu, có nhiều hậu quả trên các vùng nghèo nhất của trái đất, đặc biệt tại Phi Châu, nơi mà việc gia tăng nhiệt độ kèm với khô hạn đang gây ra nhiều sự tàn phá làm thiệt hại đến năng suất các loại cây trồng. Thêm vào đó là những thiệt hại gây ra do việc xuất khẩu sang các nước đang phát triển những chất thải cứng cũng như những chất lỏng độc hại và qua hoạt động gây ô nhiễm của các doanh nghiệp vốn được phép làm trong các nước kém phát triển những gì họ không thể làm trong các nước cấp vốn cho họ. “Chúng tôi nhận thấy rằng các doanh nghiệp năng hành động như thế đều là các công ty đa quốc, họ làm tại đây điều người ta không cho phép làm trong các nước đã phát triển hay còn gọi là thế giới thứ nhất. Thường thường, khi dừng các hoạt động của chúng và rút lui, các doanh nghiệp ấy để lại những khoản nợ lớn lao về con người và môi trường, như thất nghiệp, nhiều đám dân không sức sống, sự cạn kiệt một vài dự trữ tự nhiên, việc phá rừng, sự bắn cùng hóa nông nghiệp và ngành chăn nuôi địa phương, nhiều hồ sâu, nhiều đồi trọc, nhiều con sông bị ô nhiễm và một vài công trình xã hội mà người ta không thể duy trì” [30].

52. Món nợ bên ngoài của các nước nghèo đã trở thành một công cụ kiểm soát,

nhưng nó không giống với món nợ sinh thái học. Bằng nhiều cách khác nhau, các dân tộc đang phát triển, nơi có nhiều dự trữ quan trọng nhất của sinh quyển, tiếp tục nuôi dưỡng sự phát triển của các nước giàu nhất, bằng cái giá của hiện tại và tương lai của họ. Đất của những nước nghèo ở vùng Nam thường phì nhiêu và ít bị ô nhiễm, nhưng việc sở hữu các của cải và các tài nguyên để thỏa mãn các nhu cầu sinh tử thì bị cấm đoán đối với họ bởi một hệ thống các tương quan thương mại và hệ thống sở hữu quái ác từ trong cơ cấu. Các nước đã phát triển cần góp phần thanh toán món nợ này, bằng việc giới hạn cách có ý nghĩa sự sử dụng năng lượng không thể tái tạo và mang nhiều tài nguyên đến cho những nước cần nhất, để hỗ trợ các chính sách và các chương trình phát triển lâu dài. Những vùng và những nước nghèo nhất có ít khả năng hơn để chấp nhận các mô hình mới hầu giảm thiểu ảnh hưởng của các hoạt động con người trên môi trường, vì họ không được đào tạo để triển khai các tiến trình cần thiết và họ cũng chẳng có khả năng cang đáng phí tổn cho việc này. Vì thế, cần phải giữ cho sáng suốt ý thức này là trong việc biến đổi khí hậu, có nhiều trách nhiệm khác nhau và – như các Giám mục Hoa Kỳ đã phát biểu – “phải tập trung đặc biệt vào các nhu cầu của những người nghèo khổ, yếu đuối và những người bị thương tổn, trong một cuộc tranh cãi vốn thường bị các lợi ích của những kẻ hùng mạnh nhất chế ngự” [31]. Cần củng cố ý thức này là chúng ta chỉ là một gia đình nhân loại duy nhất. Không có biên giới lẩn tránh cản chính trị hay rào cản xã hội nào được phép tách lẻ chúng ta, và vì thế cũng chẳng có chỗ cho việc toàn cầu hóa sự dửng dưng vô cảm.

VI. SỰ YẾU ỚT CỦA CÁC PHẢN ỨNG

53. Các hoàn cảnh ấy gây nên những tiếng rên siết của chị trái đất, liên kết với tiếng rên siết của những kẻ bị bỏ rơi trên gian trần, trong một sự gào thét đòi hỏi chúng ta phải có một hướng khác. Chưa bao giờ chúng ta lại ngược đãi và gây hại cho ngôi nhà chung của chúng ta như trong hai thế kỷ qua. Nhưng chúng ta được kêu gọi làm khí cụ của Thiên Chúa Cha, để hành tinh của chúng ta trở nên như Người đã mơ ước khi sáng tạo nó, và để đáp ứng dự phóng của Người (về một thế giới) hòa bình, xinh đẹp và viên mãn. Vấn đề là chúng ta chưa có thứ văn hóa cần thiết để đối mặt với cơn khủng hoảng này; và cần phải xây dựng nhiều quyền lãnh đạo biết vạch ra những con đường vừa đáp ứng được những nhu cầu của các thế hệ hiện tại vừa bao gồm tất cả mọi người, mà không gây hại cho các thế hệ tương lai. Cần phải tạo ra một hệ thống chuẩn mực bao hàm nhiều giới hạn không thể vượt qua và đảm bảo việc bảo vệ các hệ sinh thái, trước khi những hình thức quyền lực mới xuất phát từ mô hình kinh tế-kỹ thuật rút cục san bằng không những chính trị, mà cả tự do và công lý.

54. Sự yếu ớt của phản ứng chính trị quốc tế thật lạ lùng. Sự từng phục của chính trị trước công nghệ và các nền tài chính lộ rõ trong sự thất bại của các Hội nghị thượng đỉnh thế giới về môi trường. Có quá nhiều lợi lộc riêng tư, và mỗi lợi kinh tế rất dễ dàng đi đến chỗ vượt thắng công ích và thao túng thông tin để khỏi thấy các dự phóng của nó bị ảnh hưởng. Trong chiều hướng này, Tài liệu Aparecida yêu cầu rằng “trong các cuộc can thiệp trên các tài nguyên tự nhiên, chớ để ưu thắng các lợi ích của những nhóm kinh tế đang tàn phá một cách phi lý các nguồn sống” [32]. Sự liên minh giữa kinh tế và kỹ thuật rút cuộc sẽ bỏ qua một bên cái gì không nằm trong lợi ích trực tiếp của cả hai. Như thế người ta chỉ hy vọng nghe được một vài tuyên bố hời hợt, một vài hành động từ thiện lẻ loi, thậm chí nhiều nỗ lực để cho thấy có một sự nhạy cảm đến môi trường,

khi trong thực tế, mọi toan tính của các tổ chức xã hội nhằm thay đổi mọi sự sẽ bị xem như một sự phiền hà gây ra do những kẻ không tưởng lãng mạn hay như một sự chướng ngại cần phải lẩn tránh.

55. Dần dần một số quốc gia có thể ghi nhận nhiều tiến bộ quan trọng, sự phát triển các cách kiểm soát hữu hiệu hơn và một cuộc chiến đấu chân thành hơn chống lại sự hư hoại. Có nhiều nhạy cảm sinh thái học hơn từ phía quần chúng, dù điều ấy không đủ để thay đổi các thói quen tiêu thụ có hại, vốn xem ra không nhường bước nhưng lại gia tăng và phát triển. Đề nêu một ví dụ đơn giản, đó là điều xảy ra với việc gia tăng sử dụng và gia tăng cường độ của các máy điều hòa. Khi tìm một lợi nhuận trực tiếp, các thị trường càng kích cầu hơn nữa. Nếu có ai từ bên ngoài quan sát xã hội hành tinh, sẽ rất kinh ngạc trước một động thái như thế, vốn đôi khi xem ra là hành vi tự tử.

56. Trong lúc ấy, các quyền lực kinh tế tiếp tục biện minh cho hệ thống toàn cầu hiện tại, trong đó đang ưu thắng một tư biện và một sự tìm kiếm lợi nhuận tài chính vốn có xu hướng bất biết mọi bối cảnh cũng như các hậu quả trên nhân phẩm và môi trường. Như thế, rõ ràng là sự suy thoái môi trường cũng như sự suy thoái con người và suy thoái đạo đức đều liên hệ mật thiết với nhau. Nhiều người sẽ nói rằng họ không cố ý thực hiện nhiều hành vi vô đạo đức, vì sự sao nhãng thường xuyên cắt khỏi chúng ta lòng can đảm giải trình thực tế của một thế giới hữu hạn. Vì thế mà ngày nay “tất cả những gì mong manh như môi trường chẳng hạn, đều vô phương tự vệ trước các lợi ích của thị trường được thần thánh hóa, được biến thành quy luật tuyệt đối” [33].

57. Có thể thấy trước rằng, đối diện với sự cạn kiệt một số tài nguyên, đang dần dần hình thành một kịch bản thuận lợi cho nhiều cuộc chiến tranh mới, được nguy trang thành những yêu sách cao thượng. Chiến tranh luôn luôn gây ra nhiều thiệt hại nặng nề cho môi trường cũng như cho sự phong phú văn hóa của các dân tộc, và các nguy cơ sẽ trở nên khủng khiếp, khi người ta nghĩ đến các vũ khí hạt nhân cũng như các vũ khí sinh học. Quả thế, “bất chấp việc các thỏa ước quốc tế cấm chiến tranh hoá học, vi trùng và sinh học, trên thực tế, việc nghiên cứu vẫn tiếp tục trong các phòng thí nghiệm để phát triển nhiều vũ khí tấn công mới có thể thay đổi các dạng quân bình tự nhiên.” [34]. Chính trị cũng được đòi hỏi phải có một sự chú ý lớn lao hơn để phòng và chống các nguyên nhân khả dĩ gây ra nhiều xung khắc mới. Nhưng chính quyền lực liên kết với các lãnh vực tài chính lại chống lại nỗ lực này mạnh nhất và các dự án chính trị thường không có tầm nhìn rộng rãi. Tại sao hôm nay người ta lại muốn duy trì một quyền lực vốn sẽ để lại trong lịch sử cái kỷ niệm về sự bất lực can thiệp của nó khi từng có lúc khẩn cấp và cần thiết phải can thiệp?

58. Trong một số nước, có nhiều tấm gương thành công tích cực trong việc cải thiện môi trường, như làm sạch một số con sông bị ô nhiễm suốt nhiều thập kỷ, trồng lại các cánh rừng bản địa, làm đẹp các phong cảnh nhờ nhiều công trình sạch hóa môi trường, nhờ nhiều dự án xây dựng nhà cửa có giá trị thẩm mỹ cao, hay còn nữa, nhờ nhiều tiến bộ trong việc sản xuất năng lượng không gây ô nhiễm, trong việc cải thiện sự chuyên chở công cộng chẳng hạn. Các hành động này không giải quyết được các vấn đề toàn cầu, nhưng chúng cũng xác nhận rằng con người còn có khả năng can thiệp cách tích cực. Vì con người đã được tạo dựng để yêu mến, nên giữa các giới hạn của nó, tất yếu bật lên nhiều cử chỉ quảng đại, liên đới và lưu tâm.

59. Nhưng đồng thời, một khoa sinh thái học hời hợt hay bề ngoài cũng đang phát triển, nó củng cố một thái độ mơ mơ màng màng nào đó và một thói vô trách nhiệm đầy hí hửng. Như điều thường xảy đến trong những thời kỳ khủng hoảng sâu xa, vốn đòi hỏi nhiều quyết định can đảm, chúng ta bị cám dỗ nghĩ rằng những gì đang diễn ra thì không chắc chắn lắm. Nếu chúng ta chỉ nhìn sự vật trên bề mặt, bên kia một vài dấu chỉ hữu hình về ô nhiễm và suy thoái, thì hình như chúng không trầm trọng mấy và hành tinh có thể tồn tại lâu dài trong những điều kiện như hiện nay. Thái độ lửng lơ này cho phép chúng ta tiếp tục duy trì các kiểu sống, kiểu sản xuất và tiêu thụ của chúng ta. Đó là cách con người thu xếp để nuôi dưỡng mọi thói xấu tự hủy diệt: bằng cách cố gắng không nhìn thấy chúng, chiến đấu để không thừa nhận chúng, bằng cách trì hoãn những quyết định quan trọng, hành động như thể đã chẳng có chuyện gì.

VII. NHỮNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

60. Cuối cùng, ta hãy thừa nhận rằng có nhiều cách nhìn và đường hướng tư tưởng khác nhau đã được triển khai về hiện trạng và về những giải pháp khả dĩ. Ở một đầu, nhiều người ủng hộ bằng mọi giá huyền thoại tiến bộ và quả quyết rằng các vấn đề sinh thái học sẽ được giải quyết một cách đơn giản nhờ nhiều áp dụng kỹ thuật mới, không cần những cân nhắc về đạo đức lẫn những thay đổi cơ bản. Ở đầu kia, nhiều kẻ khác nghĩ rằng qua bất cứ sự can thiệp nào của mình, con người cũng chỉ có thể hăm dọa và làm hại hệ sinh thái toàn cầu. Vì thế, cần thu hẹp sự hiện diện của con người trên hành tinh và ngăn cấm mọi kiểu can thiệp từ nó. Giữa hai thái cực này, nên suy nghĩ đến nhiều kịch bản khả dĩ cho tương lai, vì không phải chỉ có một lối thoát duy nhất. Điều này sẽ khiến sinh ra nhiều đóng góp khác nhau, có thể đi vào một cuộc đối thoại nhắm đến những câu trả lời trọn vẹn.

61. Trên nhiều vấn đề cụ thể, theo nguyên tắc, Giáo hội không có lý do để đưa ra một tiếng nói dứt khoát, trái lại Giáo hội hiểu rằng phải lắng nghe, rồi cổ vũ cuộc tranh luận lương thiện giữa các khoa học gia, trong niềm tôn trọng các ý kiến khác biệt. Nhưng chỉ cần nhìn thực tế cách thành thật thì thấy rằng ngôi nhà chung của chúng ta đang bị hư hỏng nặng. Đức hy vọng mời gọi chúng ta thừa nhận rằng luôn có một lối ra, rằng chúng ta luôn có thể xác định lại mũi tàu, luôn có thể làm một điều gì đó để giải quyết các vấn đề. Tuy nhiên, nhiều triệu chứng về một điểm gãy đổ xem ra đã thấy được, xét vì tốc độ nhanh chóng của những biến đổi và của sự hư hoại. Chúng biểu lộ ra vừa trong nhiều thảm họa thiên nhiên cấp vùng vừa trong nhiều khủng hoảng xã hội hay cả khủng hoảng tài chánh, vì rằng các vấn đề của thế giới không thể được phân tích hay giải thích cách đơn lẻ. Một số vùng đang đặc biệt lâm nguy và, bất cần mọi dự đoán kiểu thuyết tai họa, chắc chắn hệ thống thế giới hiện thời dưới nhiều phương diện không còn có thể bảo vệ được nữa, vì chúng ta đã ngừng suy nghĩ đến các mục đích của hành động con người : “Nếu đưa mắt nhìn qua các vùng của hành tinh, sẽ thấy ngay rằng nhân loại đã không đáp ứng sự mong chờ của Thiên Chúa.” [35]

CHƯƠNG HAI

TIN MỪNG CỦA VIỆC SÁNG TẠO

62. Tại sao trong bản văn này, được gởi đến cho mọi người thiện chí, lại đưa vào một chương trung dẫn nhiều xác tín đức tin ? Tôi biết rõ rằng trong các lãnh vực chính trị và tư tưởng, một số người mạnh mẽ loại bỏ ý tưởng về một Đấng Tạo Hóa, hay xem đó là không quan trọng, đến độ đẩy vào trong lãnh vực phi lý sự phong phú mà các tôn giáo có thể công hiến cho một sinh thái học trọn vẹn và cho một sự phát triển nhân loại tròn đầy. Nhiều lần khác, người ta xem các tôn giáo chỉ là một thứ văn hóa thấp kém, chỉ đáng được chiếu cố khoan dung. Tuy nhiên, khoa học và tôn giáo, vốn đề ra nhiều kiểu tiếp cận thực tại khác biệt nhau, có thể bước vào một cuộc đối thoại quan trọng và phong phú cho cả hai.

I. ÁNH SÁNG DO NIỀM TIN MANG ĐẾN

63. Khi tính đến sự phức tạp của cơn khủng hoảng sinh thái học và vô vàn nguyên nhân của nó, chúng ta phải công nhận rằng các giải pháp không thể đến từ một cách thế giải thích và biến đổi thực tại duy nhất. Cũng cần nhờ tới các tài sản văn hóa khác nhau của các dân tộc, đến nghệ thuật và thi ca, đến đời sống nội tâm và linh đạo. Nếu chúng ta thật sự tìm cách xây dựng một sinh thái học cho phép chúng ta khôi phục những gì mình đã hủy hoại, thì lúc ấy không một ngành khoa học nào và không một hình thức khôn ngoan nào được bỏ qua, cả khôn ngoan tôn giáo với ngôn ngữ riêng của nó. Hơn nữa, Giáo hội Công giáo sẵn lòng đối thoại với tư tưởng triết học và điều đó đã giúp Giáo hội sản sinh được nhiều tổng hợp khác nhau giữa đức tin và lý trí. Về những gì liên quan đến các vấn đề xã hội, điều ấy có thể nhận thấy trong sự phát triển giáo huấn xã hội của Giáo hội; giáo huấn này được mời gọi phong phú hóa thêm mãi từ những thách thức mới.

64. Mặt khác, cho dầu Thông điệp này mở lòng đối thoại với tất cả mọi người để cùng nhau tìm những con đường giải thoát, ngay từ đầu tôi vẫn muốn cho thấy rằng làm sao các xác tín của đức tin công hiến cho các Kitô hữu cũng như các tín đồ khác nhiều động lực quan trọng để bảo vệ thiên nhiên và các anh chị em yếu đuối nhất. Nếu nguyên sự kiện làm người đã thúc đẩy loài người phải chăm sóc môi trường mà mình thuộc về, thì các Kitô hữu càng biết rõ rằng bổn phận của họ bên trong tạo vật và trách nhiệm của họ đối với thiên nhiên và đối với Đấng Sáng Tạo là một thành phần của đức tin họ”[36]. Vì thế, một điều tốt lành cho nhân loại và cho thế giới là chúng ta, những tín hữu, nhận rõ hơn nữa các dân thân sinh thái học xuất phát từ các xác tín của chúng ta.

II. SỰ KHÔN NGOAN CỦA CÁC TRÌNH THUẬT KINH THÁNH

65. Không lập lại ở đây toàn bộ thần học về Sáng tạo, chúng ta tự hỏi các đại trình thuật Thánh kinh nói gì về sự sáng tạo và về liên hệ giữa con người với thế giới.

Nơi trình thuật đầu tiên về công trình sáng tạo trong sách Sáng thế, chương trình của Thiên Chúa bao gồm việc sáng tạo con người. Sau khi tạo dựng con người, có câu nói : “Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp” (St 1,31). Thánh kinh dạy rằng mỗi con người đều được sáng tạo từ tình yêu, theo hình ảnh và giống Thiên Chúa (x. St 1,26). Khẳng định này cho chúng ta thấy phẩm giá rất lớn lao của từng con người, “vốn không chỉ là một vật nào đó, nhưng còn là một ai đó. Nó có khả năng biết mình, làm chủ mình, hiến mình cách tự do và bước vào thông hiệp với những người khác” [37]. Thánh Gioan-Phaolô II đã nhắc nhở rằng tình yêu rất đặc biệt mà Đấng Sáng Tạo dành cho từng con người, ban cho họ một phẩm giá vô biên [38]. Những ai dần thân bảo vệ nhân phẩm có thể tìm được trong niềm tin Kitô giáo những luận cứ sâu xa nhất cho sự dần thân này. Tuyệt vời biết bao niềm xác tín rằng sự sống của mỗi con người không chìm đi trong một hỗn mang vô vọng, trong một thế giới bị cai quản bởi ngẫu nhiên thuần túy hay bởi những chu kỳ cứ lặp đi lặp lại cách phi lý! Đấng Sáng Tạo có thể nói với mỗi người trong chúng ta : “Trước khi cho người thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết người” (Gr 1,5). Chúng ta đã được cứu mang trong trái tim của Thiên Chúa, và vì thế, “mỗi người trong chúng ta là kết quả của một tư tưởng của Thiên Chúa. Mỗi người trong chúng ta đều được muốn, mỗi người đều được yêu và mỗi người đều cần thiết.” [39].

66. Các trình thuật về việc tạo dựng nơi sách Sáng thế chứa đựng trong ngôn ngữ biểu tượng và kể chuyện của chúng nhiều giáo huấn sâu xa về cuộc sống con người và thực tại lịch sử của họ. Các trình thuật này gợi ý rằng cuộc sống con người dựa trên ba mối liên hệ căn bản, gắn kết mật thiết với nhau: liên hệ với Thiên Chúa, với tha nhân và với đất đai. Theo Thánh kinh, ba liên hệ sinh tử này đã bị cắt đứt không chỉ bên ngoài, nhưng cả bên trong chúng ta. Sự gãy đổ này là tội lỗi. Sự hài hòa giữa Tạo Hóa, nhân loại và toàn thể tạo vật đã bị phá hủy bởi sự kiện chúng ta đã muốn thay thế vị trí của Thiên Chúa, bằng cách từ chối công nhận mình như những thụ tạo hữu hạn. Sự kiện này cũng đã làm biến tính sứ mệnh “thống trị” mặt đất (x. St 1, 28) “cày cấy và canh giữ đất đai” (x. St 2,15). Hậu quả là liên hệ hài hòa từ nguyên thủy giữa con người với thiên nhiên đã trở thành xung đột (x. St 3,17-19). Vì lý do đó, thật ý nghĩa khi sự hòa hợp mà thánh Phaxicô Assidi từng sống với vạn vật đã được giải thích như một cách truyền chữa sự đổ vỡ này. Thánh Bonaventura từng nói rằng qua việc hòa giải trọn vẹn với tất cả mọi thụ tạo, thánh Phaxicô cách nào đó đã trở lại với tình trạng vô tội nguyên thủy” [40]. Thay vì theo tấm gương này, tội lỗi hôm nay tự biểu lộ với tất cả sức mạnh tàn phá của nó trong những cuộc chiến tranh, dưới nhiều hình thức bạo lực và ngược đãi, trong việc bỏ rơi những gì mong manh yếu đuối nhất, trong những cuộc tấn công vào thiên nhiên.

67. Chúng ta không phải là Thiên Chúa. Trái đất có trước chúng ta và đã được ban cho chúng ta. Điều này cho phép trả lời một kết án đưa ra chống lại tư tưởng Do Thái-Kitô giáo : đã có nói rằng từ trình thuật Sáng thế mời gọi “thống trị” trái đất (x. St 1,28), người ta hấn cổ vũ việc khai thác thiên nhiên cách thô bạo khi trình bày một hình ảnh con người như kẻ thống trị và hủy diệt. Đây không phải là cách giải thích Thánh kinh đúng đắn, như Giáo hội hiểu. Nếu đúng là đôi khi, Kitô hữu chúng ta đã giải thích sai Thánh kinh, ngày nay chúng ta phải mạnh mẽ từ bỏ ý tưởng cho rằng từ sự kiện được sáng tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa và từ nhiệm vụ làm chủ trái đất, chúng ta

được một quyền thống trị tuyệt đối trên các tạo vật khác. Cần phải đọc các văn bản Thánh kinh trong văn mạch của chúng, với một sự chú giải thích hợp, và phải nhớ rằng chúng mời gọi chúng ta “cày cấy” và “canh giữ” khu vườn của thế giới (x. St 2,15). Đang khi “cày cấy” có nghĩa là cày xới, khai hoang hay tác động, thì “canh giữ” có nghĩa là bảo vệ, che chở, giữ gìn, chăm sóc, trông chừng. Điều này bao hàm một liên hệ hỗ tương giữa con người với thiên nhiên. Mỗi cộng đoàn có thể lấy ra từ đất lành những gì cần thiết cho mình để sống, nhưng cũng có nhiệm vụ bảo vệ nó và bảo đảm duy trì sự phì nhiêu của nó cho thế hệ tương lai; vì rốt cục “Chúa làm chủ trái đất thuộc” (Tv 245,1), “làm chủ cõi đất và mọi loài trong đó” (Đnl 10,14). Vì lý do ấy, Thiên Chúa phủ nhận mọi ý đồ sở hữu tuyệt đối : “Đất thì không được bán đứt, vì đất là của Ta, còn các người chỉ là ngoại kiều, là khách trọ nhà Ta” (Lv 25,23).

68. Trách nhiệm như thế đối với một trái đất thuộc về Thiên Chúa, bao hàm việc con người được phú ban sự thông minh phải tôn trọng các định luật của thiên nhiên và các quân bình tế nhị giữa những hữu thể của thế giới này, vì “Người ra lệnh, là hết thảy được tạo thành. Người định nơi cho tất cả đến muôn đời muôn thuở, ban truyền lề luật, luật đó chẳng hề qua” (Tv 148, 5b-6). Vì thế, pháp chế Thánh kinh nhấn nhá trong việc đề ra cho con người nhiều quy tắc khác nhau, không những trong liên hệ với đồng loại, nhưng cả trong liên hệ với các sinh vật khác : “Khi anh (em) thấy lừa hay bò của người anh em mình ngã trên đường, thì đừng bỏ mặc làm ngơ, nhưng phải giúp người anh em đỡ chúng dậy... Nếu trên đường đi, anh (em) gặp một tổ chim, ở trên bất cứ cây nào hay ở dưới đất, trong đó có chim con hoặc trứng, và chim mẹ đang ủ chim con hay ấp trứng, thì anh (em) không được bắt cả mẹ lẫn con” (Đnl 22,4.6). Trong viễn tượng này, sự nghỉ ngơi ngày thứ bảy không chỉ được đề nghị cho con người, nhưng cũng “để bò lừa của người được nghỉ ngơi” (Xh 23, 12). Như thế, chúng ta nhận thấy Thánh Kinh không khiến sinh ra một quy nhân thuyết độc tài bất quan tâm đến các tạo vật khác.

69. Trong khi có thể sử dụng vạn vật một cách có trách nhiệm, chúng ta được mời gọi thừa nhận rằng các sinh vật khác cũng có một giá trị riêng trước Thiên Chúa và “qua sự hiện hữu đơn giản của mình, chúng chúc tụng và tôn vinh” Người [41], vì “công trình Chúa làm Chúa được hân hoan” (Tv 104, 31). Chính vì phẩm giá độc nhất của mình và việc được ban lý trí, con người được kêu gọi tôn trọng tạo vật với các định luật nội tại của chúng, vì “Đức Chúa dùng khôn ngoan đặt nền cho trái đất” (Cn 3,19). Ngày nay Giáo hội không chỉ nói rằng các tạo vật khác hoàn toàn tùy thuộc vào thiện ích của con người, như thể chúng chẳng có giá trị tự nội nào và chúng ta có thể sử dụng chúng tùy ý. Vì thế các Giám Mục nước Đức đã dạy về các thụ tạo khác rằng “người ta có thể nói *sự hiện hữu ưu tiên hơn sự hữu ích*” [42]. Sách Giáo lý, một cách trực tiếp và mạnh mẽ, đã đặt lại vấn đề thuyết qui nhân lệch lạc: “Mỗi tạo vật đều có sự thiện hảo riêng của mình [...] Các thụ tạo khác nhau, được muốn trong hữu thể riêng của chúng, phản ánh mỗi vật mỗi cách một tia sáng của sự khôn ngoan và sự tốt lành vô biên của Thiên Chúa. Chính vì thế, con người phải tôn trọng sự tốt lành riêng của mỗi tạo vật để tránh sử dụng chúng một cách vô trật tự” [43].

70. Trong trình thuật về Cain và Abel, chúng ta thấy sự ganh tị đã dẫn Cain đến chỗ phạm bất công quá đáng đối với em mình. Đến lượt nó, điều này đã gây nên một sự cắt đứt liên hệ giữa Cain với Thiên Chúa và giữa Cain với mảnh đất mà anh ta đã bị đuổi khỏi. Đoạn văn này được tóm kết trong cuộc đối thoại bi thảm giữa Cain với Thiên

Chúa. Thiên Chúa hỏi : “Em người đâu ?” Cain trả lời y không biết và Thiên Chúa nhấn mạnh : “Người đã làm gì vậy ? Từ dưới đất, tiếng máu của em người đang kêu lên Ta. Giờ đây người bị nguyên rủa và bị đuổi ra khỏi mảnh đất màu mỡ” (St 4, 9-11). Sự chênh lệch trong trách nhiệm vun đắp và gìn giữ một mối liên hệ thích đáng với người bên cạnh, với người mà tôi có bốn phận chú tâm và che chở, sự chênh lệch đó phá vỡ mối liên hệ bên trong với chính tôi, với những kẻ khác, với Thiên Chúa và với trái đất. Khi mọi liên hệ này bị coi thường, khi công lý chẳng còn cư ngụ trái đất, thì Thánh kinh nói với chúng ta rằng toàn bộ sự sống gặp nguy hiểm. Đó là điều mà trình thuật về Noê dạy chúng ta, khi Thiên Chúa hăm dọa tiêu diệt nhân loại vì nó thường bất lực sống ngang tầm những đòi buộc về công lý và hòa bình : “Ta đã quyết định giờ tận số của mọi xác phàm, vì tại chúng mà đất đầy bạo lực” (St 6, 13). Trong các trình thuật cổ xưa ấy, vay mượn từ lối biểu tượng sâu xa, đã có mặt một xác tín hiện thời: tất cả đều liên kết với nhau và việc bảo vệ đích thực cho sự sống riêng của chúng ta cũng như cho mọi liên hệ của chúng ta với thiên nhiên không tách khỏi tình huynh đệ, sự công bằng cũng như lòng trung tín với kẻ khác.

71. Cho dầu “sự gian ác của con người quả là nhiều trên mặt đất” (St 6,5) và Thiên Chúa “hối hận vì đã làm ra con người trên mặt đất” (St 6,6), tuy thế Người đã quyết định mở một con đường cứu độ qua Noê, kẻ vẫn quang minh và công chính. Như thế, Người đã ban cho nhân loại khả năng thực hiện một khởi đầu mới : chỉ cần một kẻ tốt lành là có hy vọng! Truyền thống Thánh kinh xác lập rõ ràng rằng sự khôi phục ấy bao hàm việc tái khám phá và tôn trọng các chu kỳ được chính bàn tay Thiên Chúa ghi khắc vào trong thiên nhiên. Điều này có thể thấy, ví dụ trong luật ngày Sa-bát. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã ngưng mọi công trình của Người. Người đã ra lệnh cho Israen rằng mỗi ngày thứ bảy phải là một ngày nghỉ, ngày *Sa-bát* (x. St 2, 2-3 ; Xh 16, 23 ; 20, 10). Ngoài ra, một năm sa-bát cũng đã được thiết lập cho dân Israen và cho cả đất đai của họ cứ mỗi bảy năm (x. Lv 25, 1-4). Trong năm đó đất được hoàn toàn nghỉ ngơi; người ta không gieo cấy, chỉ thu hoạch những gì cần thiết để sống và tiếp khách (x. Lv 25, 4-6). Cuối cùng, sau bảy tuần năm, nghĩa là sau bốn mươi chín năm, Năm Toàn xá được cử hành, năm tha thứ tất cả và “ân xá cho mọi cư dân” (Lv 25,10). Việc phát triển pháp chế này đã tìm cách bảo đảm sự quân bình và bình đẳng trong các liên hệ giữa con người với đồng loại và với đất đai nơi mình từng sống và làm việc. Đồng thời đó cũng từng là sự công nhận rằng quà tặng đất đai, với các hoa trái của nó, thuộc về toàn dân. Những ai từng canh tác và gìn giữ đất đai phải chia sẻ hoa quả, đặc biệt cho các kẻ nghèo, các bà góa, các trẻ mồ côi và khách lạ : “Khi các người gặt lúa trong đất của các người, (các) người không được gặt tới sát bờ ruộng ; lúa gặt sót, (các) người không được mót. Vườn nho (các) người, (các) người không được hái lại, những trái rớt, (các) người sẽ bỏ lại cho người nghèo và ngoại kiều. Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các người” (Lv 19, 9-10).

72. Các Thánh vịnh năng mời gọi con người ta tụng Thiên Chúa Tạo Hóa, “Đấng trải mặt đất này trên làn nước bao la, muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương” (Tv 136,6). Nhưng chúng cũng mời gọi mọi tạo vật khác ca tụng Người: “Ca tụng Chúa đi, này vầng ô bóng nguyệt, ca tụng Người, muôn tinh tú rạng soi. Ca tụng Chúa đi, hỡi cử trùng cao vút, cả khối nước phía trên bầu trời. Nào ca tụng Thánh Danh Đức Chúa, vì Người ra lệnh, là hết thảy được tạo thành” (Tv 148, 3-5). Chúng ta hiện hữu không

chỉ nhờ quyền năng Thiên Chúa, nhưng cũng trước mặt Người và bên cạnh Người. Vì thế chúng ta thờ lạy Người.

73. Tác phẩm của các ngôn sứ thì mời gọi tìm lại sức mạnh trong những lúc khó khăn, bằng cách chiêm ngắm vị Thiên Chúa toàn năng đã tạo thành vũ trụ. Quyền lực vô biên của Thiên Chúa không khiến chúng ta trốn chạy tình âu yếm hiền phụ của Người, vì trong Người lòng mến thương và sự mạnh mẽ kết hợp với nhau. Thật vậy, mọi nền linh đạo lành mạnh cùng lúc bao hàm việc đón nhận tình yêu của Thiên Chúa và việc tin tưởng thờ lạy Đức Chúa vì quyền năng vô biên của Người. Trong Thánh Kinh, vị Thiên Chúa giải thoát và cứu độ, cũng chính là Đấng đã tạo dựng vũ trụ, và hai cách hành động thần linh này liên kết với nhau sâu sắc và chặt chẽ : “Lạy Đức Chúa, Chúa Thượng của con ! này Ngài đã tạo thành trời đất bằng sức mạnh vĩ đại và cách tay uy quyền của Ngài. Không có gì mà Ngài không làm được ! [...], Ngài đã dùng dầu lạ điêm thiêng, đã giương bàn tay mạnh mẽ và cánh tay uy quyền... mà đưa dân Ngài là Israel ra khỏi Ai Cập” (Gr 32, 17.21). “Đức Chúa là Thiên Chúa vĩnh cửu, là Đấng sáng tạo toàn cõi đất. Người không mệt mỏi, chẳng nhọc nhằn, trí thông minh của Người không dò thấu. Người ban sức mạnh cho ai mệt mỏi, kẻ kiệt lực, Người làm cho nên cường tráng.” (Is 40, 28b-29).

74. Kinh nghiệm cuộc lưu đày ở Babylon đã làm phát sinh một cơn khủng hoảng thiêng liêng vốn đã cổ vũ việc đào sâu niềm tin vào Thiên Chúa, nói rõ sự toàn năng sáng tạo của Người, để khích lệ dân tìm lại hy vọng trong hoàn cảnh khốn khổ của họ. Nhiều thế kỷ sau, trong một lúc thử thách và bách hại khác, khi đế quốc Rô-ma tìm cách áp đặt một sự thống trị tuyệt đối, các tín hữu đã tìm lại được an ủi và hy vọng bằng cách lớn lên trong niềm tin tưởng vào Thiên Chúa toàn năng, và họ từng ca hát : “Lạy Chúa là Thiên Chúa Toàn Năng, sự nghiệp Ngài thật lớn lao kỳ diệu ! Lạy Đức Vua trị vì muôn nước, đường lối Ngài quả chân thật công minh” (Kh 15,3). Nếu Người đã có thể sáng tạo vũ trụ từ hư vô, Người cũng có thể can thiệp trong thế giới này và chiến thắng sự dữ dưới mọi hình thức. Vì thế, sự bất công không phải là vô địch.

75. Chúng ta không thể có một linh đạo lãng quên Thiên Chúa toàn năng và sáng tạo. Bằng không, rốt cục chúng ta sẽ tôn thờ các quyền lực khác của thế giới, hay chính chúng ta sẽ chiếm chỗ của Chúa đến độ muốn giẫm lên thực tại do Người sáng tạo mà chẳng biết giới hạn nào. Cách thức tốt nhất để đặt con người đúng vị trí của mình và chấm dứt các tham vọng của nó muốn làm kẻ thống trị tuyệt đối trên trái đất, đó là đưa ra hình ảnh một người Cha Tạo Hóa và Chủ tể độc nhất của thế giới, vì nếu không, con người sẽ luôn có xu hướng áp đặt lên thực tại các luật lệ và lợi ích của mình.

III. MÀU NHIỆM CỦA VŨ TRỤ

76. Đối với truyền thống Do Thái-Kitô giáo, nói chữ “sáng tạo/tạo vật” là muốn nói nhiều hơn chữ “thiên nhiên”, vì có một liên hệ với dự phóng tình yêu của Thiên Chúa, trong đó mỗi tạo vật đều có một giá trị và một ý nghĩa riêng. Thiên nhiên thường được hiểu như một hệ thống mà người ta phân tách, tìm hiểu và quản lý, thế nhưng sáng tạo/tạo vật chỉ có thể được hiểu như một quà tặng đến từ bàn tay rộng mở của Cha mọi người, như một thực tại được soi sáng bởi thứ tình mời gọi chúng ta bước vào một sự hiệp thông hoàn vũ.

77. “Một lời Chúa phán làm ra chín tầng trời” (Tv 33,6). Câu đó như thể chỉ ra

cho chúng ta rằng thế giới phát xuất từ một quyết định chứ không từ hỗn mang hay ngẫu nhiên, và điều này nâng cao nó hơn nữa. Trong lời sáng tạo có một chọn lựa tự do được biểu lộ. Vũ trụ đã không nổi lên như kết quả của một quyền lực độc đoán, một biểu dương sức mạnh hay một ước muốn khẳng định mình. Sáng tạo thuộc trật tự tình yêu. Tình yêu của Thiên Chúa là lý do nền tảng của toàn thể sáng tạo : “Quả thế, Chúa yêu thương mọi loài hiện hữu, không ghê tởm bất cứ loài nào Chúa đã làm ra, vì giả như Chúa ghét loài nào, thì đã chẳng dựng nên nó” (Kn 11, 24). Mỗi tạo vật đều là đối tượng lòng âu yếm của Cha, Đấng ban cho nó một vị trí trong thế giới. Ngay cả sự sống phù du của hữu thể vô nghĩa nhất cũng là đối tượng của tình yêu Người, và trong ít giây hiện hữu ấy của nó, Người vẫn lấy tình yêu thương bao bọc nó. Thánh Basiliô Cả từng nói rằng Đấng Sáng Tạo là cũng là “lòng tốt vô bờ bến” [44], và Dante Alighieri từng nói đến “tình yêu chuyển động mặt trời và các ngôi sao” [45]. Vì thế từ những công trình đã được tạo dựng, người ta hướng lên “lòng thương xót đầy tình yêu của Người” [46].

78. Đồng thời, tư tưởng Do Thái-Kitô giáo cũng đã làm thiên nhiên mất tính chất huyền thoại. Dù không ngừng chiêm ngắm nó vì sự huy hoàng và bao la của nó, tư tưởng Do Thái-Kitô giáo đã không gán cho nó một tính chất thần linh nào. Như thế, việc dần dần của chúng ta đối với thiên nhiên càng được giải thích rõ. Việc quay về với thiên nhiên không được thực hiện với cái giá là tự do và trách nhiệm của con người, vì con người cũng thuộc thế giới với nhiệm vụ trau dồi các khả năng của mình để che chở nó và phát triển các tiềm năng của nó. Nếu chúng ta thừa nhận giá trị và sự mong manh của thiên nhiên và đồng thời những khả năng mà Tạo Hóa đã trao ban cho chúng ta, thì điều đó cho phép chúng ta hôm nay chấm dứt tân huyền thoại về tiến bộ vật chất vô giới hạn. Một thế giới mong manh, với một con người mà Thiên Chúa trao nhiệm vụ chăm sóc nó, chất vấn trí tuệ của chúng ta để nhận thấy chúng ta phải định hướng, trau dồi và giới hạn quyền lực của chúng ta như thế nào.

79. Trong vũ trụ này, được cấu thành bằng nhiều hệ thống mở vốn đi vào thông giao với nhau, chúng ta có thể khám phá ra vô số hình thức quan hệ và tham dự. Điều đó cũng khiến nghĩ đến toàn thể vũ trụ như một cái gì đó mở ra với sự siêu việt của Thiên Chúa, trong đó nó được phát triển. Đức tin cho phép chúng ta giải thích ý nghĩa và vẻ đẹp mầu nhiệm của những gì đang đến. Tự do con người có thể cống hiến sự đóng góp thông minh của mình cho một cuộc tiến hóa tích cực, nhưng nó cũng có thể là nguồn gốc của nhiều điều xấu mới, nhiều nguyên nhân đau khổ mới và nhiều suy thoái đích thực. Điều này gây nên lịch sử thú vị và bi thảm của con người, một lịch sử có khả năng biến thành việc triển khai sự giải phóng, tăng trưởng, cứu độ và yêu thương hay thành một con đường suy thoái và hủy hoại lẫn nhau. Vì thế, hành động của Giáo Hội là không chỉ cố gắng nhắc nhở bốn phận chăm sóc thiên nhiên, nhưng “đồng thời cũng phải đặc biệt bảo vệ con người khỏi tự hủy hoại”[47].

80. Tuy nhiên, Thiên Chúa, Đấng muốn hành động với chúng ta và tin tưởng vào sự cộng tác của chúng ta, cũng có thể rút ra cái gì đó tốt lành từ điều xấu chúng ta phạm, vì “Thánh Thần có một sức tưởng tượng vô biên, thuộc riêng Thần Trí, biết tiên liệu và giải quyết các vấn đề của những chuyện phạm nhân, kể cả những chuyện phức tạp nhất và khó xâm nhập nhất” [48]. Người đã muốn tự giới hạn chính mình cách nào đó khi sáng tạo ra một thế giới cần có sự phát triển, nơi nhiều sự vật mà chúng ta coi là

xấu xa, nguy hiểm hay là nguồn đau khổ, trong thực tế là những cơn đau đớn của sự chuyển dạ thúc giục chúng ta cộng tác với Đấng Tạo Hóa. [49]. Người hiện diện ở chỗ thâm sâu nhất của vạn vật, không điều kiện hóa sự độc lập của thụ tạo Người, và điều đó tạo ra sự độc lập chính đáng của các thực tại trần gian [50]. Sự hiện diện thần linh này, vốn đảm bảo cho sự trường tồn và phát triển của mọi hữu thể, “chính là sự tiếp tục hành động sáng tạo” [51]. Thần Khí Thiên Chúa đã đổ đầy vũ trụ nhiều tiềm năng cho phép rằng ngay giữa lòng tạo vật, một cái gì đó mới mẻ có thể xuất hiện: “Thiên nhiên không gì khác là sự hiểu biết một nghệ thuật nào đó, cụ thể là nghệ thuật thần linh in vào trong vạn vật và nhờ đó chính vạn vật chuyển động đến một cùng đích xác định. Như thể nghệ nhân đóng tàu có thể ban cho gỗ khả năng tự biến đổi chính nó để mang hình dạng con tàu.” [52].

81. Cho dù con người cũng giả thiết nhiều quá trình tiến hóa, nó cũng bao hàm một sự mới mẻ vốn không hoàn toàn giải thích được bằng sự tiến triển của các hệ thống mở khác. Mỗi người chúng ta tự thân đều có một căn tính cá nhân, có thể đi vào đối thoại với những kẻ khác và với chính Thiên Chúa. Khả năng suy tư, lý luận, sáng tạo, giải thích, sáng tác nghệ thuật cũng như nhiều khả năng độc đáo khác, cho thấy một tính cách đặc biệt, siêu vượt lãnh vực thể lý và sinh học. Sự mới mẻ về phẩm vốn bao hàm sự chỗi dậy của một hữu thể hữu ngã trong vũ trụ vật chất, giả thiết một hành động trực tiếp của Thiên Chúa, một lời mời gọi đặc biệt đi vào cuộc sống và vào tương quan anh-tôi, tôi-anh. Từ các trình thuật của Thánh Kinh, chúng ta nhận thấy con người là như một chủ thể, không bao giờ có thể bị giản lược vào phạm trù đối tượng.

82. Nhưng cũng sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng các sinh vật khác phải bị xem như các đối tượng thuần túy, chịu sự thống trị độc đoán của con người. Khi người ta đề nghị xem thiên nhiên chỉ như đối tượng hữu dụng, điều đó cũng có nhiều hậu quả quan trọng trên xã hội. Quan niệm củng cố sự tùy tiện của kẻ mạnh hơn đã cổ vũ cho nhiều sự bất bình đẳng, bất công và bạo lực vô biên trên phần đông loài người, vì những tài nguyên rất cục thuộc về kẻ đầu tiên đến hay có quyền lực nhất: người chiến thắng mang đi tất cả. Lý tưởng hòa hợp, công bằng, huynh đệ và hòa bình mà Đức Giêsu đề nghị, đối nghịch lại với một mô hình như thế, và trong niềm tôn trọng các giới chức thời mình, Người từng giải thích điều đó như sau : “Anh em biết : thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy : Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em” (Mt 20, 25-26).

83. Kết thúc cuộc hành trình của vũ trụ nằm nơi sự viên mãn của Thiên Chúa, vốn đã được đạt tới bởi Đức Kitô phục sinh, trực chính của quá trình thành thực vũ trụ [53]. Chúng ta như thế thêm một lập luận nữa để phủ nhận mọi thống trị chuyên chế và vô trách nhiệm của con người trên các thụ tạo khác. Mục đích tối hậu của các thụ tạo khác không phải là chúng ta. Nhưng tất cả chúng tiến tới với chúng ta và qua chúng ta, đến kết điểm chung là chính Thiên Chúa, trong một sự viên mãn siêu việt, nơi Đức Kitô phục sinh ôm lấy và soi sáng tất cả; vì con người, được phú ban trí tuệ và tình yêu, được lôi kéo bởi sự viên mãn của Đức Kitô, thì được kêu gọi để dẫn mọi thụ tạo trở về với Tạo Hóa của chúng.

IV. SỨ ĐIỆP CỦA TỪNG THỤ TẠO TRONG SỰ HÀI HÒA CỦA TOÀN THỂ SÁNG TẠO

84. Khi chúng ta nhấn mạnh rằng con người là hình ảnh của Thiên Chúa, điều đó không được khiến chúng ta quên rằng mỗi thụ tạo đều có một chức năng và chẳng thụ tạo nào dư thừa cả. Toàn bộ vũ trụ vật chất là một ngôn ngữ của tình thương Thiên Chúa, sự âu yếm vô tận của Người đối với chúng ta. Đất, nước, núi non – tất cả đều là sự mơn trớn của Thiên Chúa. Lịch sử tình thân của mỗi người với Thiên Chúa luôn diễn ra trong một không gian địa lý, vốn tự biến thành một dấu chỉ hoàn toàn cá nhân, và mỗi người trong chúng ta đều giữ trong ký ức những nơi mà khi nhớ lại thì tạo cho mình nhiều điều tốt đẹp. Ai đã lớn lên trong vùng núi, hay khi còn bé từng ngồi uống nước bên bờ suối, hay từng chơi trên một quảng trường của khu phố mình, khi trở về những nơi ấy, đều cảm thấy được kêu gọi tìm lại căn tính của mình.

85. Thiên Chúa đã viết một quyển sách hay “mà các từ chính là vô số tạo vật hiện diện trong vũ trụ” [54]. Các Giám mục Canada đã có lý khi nhấn mạnh rằng không có thụ tạo nào nằm ngoài sự biểu lộ ấy của Thiên Chúa : “Từ những toàn cảnh rộng lớn nhất cho đến dạng thức sống nhỏ bé nhất, thiên nhiên luôn là một nguồn thần phục và kính sợ. Ngoài ra, nó là một mạc khải liên tục về cái thần linh” [55]. Các Giám mục Nhật Bản, về phần mình, cũng đã nhắc lại một điểm đầy gợi ý: “Nghe mỗi thụ tạo hát lên bài thánh ca về sự hiện hữu của mình, đó là sống vui tươi trong tình yêu Thiên Chúa và trong hy vọng” [56]. Việc chiêm ngắm tạo vật như thế giúp chúng ta khám phá qua mỗi vật một giáo huấn mà Thiên Chúa muốn truyền cho chúng ta, vì “đối với tín hữu, chiêm ngắm tạo vật cũng là nghe một sứ điệp, một tiếng nói nghịch lý và thỉnh lặng” [57]. Chúng ta có thể khẳng định rằng “bên cạnh mạc khải đúng nghĩa chứa đựng trong Thánh kinh, cũng có một biểu lộ thần linh trong mặt trời chiếu rọi cũng như trong màn đêm buông xuống” [58]. Khi chú tâm đến biểu lộ này, con người học được cách nhận ra chính mình trong mối liên hệ với các thụ tạo khác : “Tôi diễn tả mình khi diễn tả thế giới; tôi khảo sát tính thánh thiêng của tôi khi tìm hiểu tính thánh thiêng của vũ trụ”. [59]

86. Toàn thể vũ trụ với vô số liên hệ của nó, cho thấy rõ hơn sự phong phú vô tận của Thiên Chúa. Thánh Tôma Aquinô từng khôn ngoan lưu ý rằng tính phong phú và đa dạng đều “xuất phát từ ý định của tác nhân tiên khởi”, Đấng đã muốn rằng “cái gì thiếu sót nơi mỗi vật để trình bày sự tốt lành thần linh, thì được bổ túc bằng những vật khác” [60] vì “một tạo vật duy nhất không đủ trình bày cách thích hợp” [61] sự tốt lành của Người. Vì thế, chúng ta phải nắm bắt sự đa dạng của vạn vật trong vô số liên hệ của chúng” [62]. Do đó người ta hiểu hơn tầm quan trọng và ý nghĩa của bất cứ thụ tạo nào, nếu chiêm ngắm nó trong toàn thể dự phóng của Thiên Chúa. Sách Giáo lý cũng dạy như vậy: “Sự tương thuộc của các thụ tạo là do ý muốn Thiên Chúa. Mặt trời và mặt trăng, cây trắc bá và bông hoa nhỏ, phượng hoàng và se sẻ : cảnh thiên hình vạn trạng và lớn nhỏ khác nhau của chúng nói lên rằng không thụ tạo nào tự đủ cho chính nó. Chúng chỉ hiện hữu trong sự lệ thuộc lẫn nhau, để bổ túc cho nhau và phục vụ lẫn nhau” [63].

87. Khi chúng ta ý thức rằng sự phản ánh Thiên Chúa tìm thấy trong tất cả những gì hiện hữu, thì trái tim cảm nghiệm ước muốn tôn thờ Thiên Chúa thay cho và cùng với mọi tạo vật của Người, như được diễn tả trong thánh ca xinh đẹp của thánh Phanxicô thành Assisi :

3 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,

với muôn tạo vật của Ngài,
 đặc biệt với Ông Anh Mặt Trời,
 Anh là ban ngày,
 nhờ Anh, Ngài soi chiếu chúng con,
 4 Anh đẹp và tỏa ánh rạng ngời,
 Anh là dấu chỉ về Ngài, lạy Đấng Tối Cao.
 5 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
 vì Chị Trăng và các ngôi sao
 mà Chúa đã dựng trong bầu trời:
 lung linh, quý giá và diễm lệ.
 6 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
 vì Anh Gió, vì Không khí và Mây trời,
 cảnh thanh quang và tứ thời bát tiết,
 nhờ chúng, Chúa nâng đỡ các tạo vật của Ngài.
 7 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
 vì Chị Nước, chị rất hữu ích và khiêm tốn,
 quý hóa và trong sạch.
 8 Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con,
 vì Anh Lửa,
 nhờ Anh, Chúa sáng soi đêm,
 Anh xinh đẹp và vui tươi,
 oai hùng và mạnh mẽ. [64]

88. Các Giám mục Braxin đã nhấn mạnh rằng toàn thể thiên nhiên ngoài việc biểu lộ Thiên Chúa, còn là một nơi để Người hiện diện. Trong mỗi thụ tạo, Thần Khí sống động của Người cư ngụ và mời gọi chúng ta quan hệ với Người [65]. Việc khám phá sự hiện diện ấy thúc đẩy chúng ta phát triển “những nhân đức sinh thái học” [66]. Nhưng khi nói lên điều ấy, chúng ta đừng quên rằng cũng có một khoảng cách vô biên giữa thiên nhiên với Tạo Hóa, và vạn vật của thế giới này không có được sự viên mãn của Thiên Chúa. Bằng không, chúng ta sẽ chẳng làm gì tốt đẹp cho các thụ tạo, vì chúng ta không nhận ra vị trí thật và riêng của chúng, và rốt cục chúng ta đòi hỏi không đúng phép nơi chúng những gì mà trong sự nhỏ bé của chúng, chúng không thể cho chúng ta.

V. MỘT SỰ HIỆP THÔNG HOÀN VŨ

89. Các thụ tạo của thế giới này không thể được xem như của vô chủ : “Lạy Chúa Tể là Đấng yêu sự sống, mọi loài đều là của Chúa” (Kn 11,26). Từ đó, đưa đến xác tín rằng vì được tạo dựng bởi cùng một Cha, chúng ta và mọi hữu thể trong vũ trụ đều nối

kết với nhau bằng nhiều dây vô hình và làm thành một loại gia đình phổ quát, một sự hiệp thông cao cả thúc đẩy chúng ta có một sự tôn trọng mang tính linh thánh, dịu dàng và khiêm nhu. Tôi muốn nhắc rằng “Thiên Chúa đã nối kết chúng ta cách chặt chẽ với thế giới quanh ta, đến độ việc hoang hóa đất đai cũng giống như một cơn bệnh đối với từng người, và chúng ta có thể khóc than trước việc diệt vong của một loài, như thể đó là một việc cắt cụt thân thể.” [67]

90. Điều đó không có nghĩa là mọi sinh vật đều bình đẳng, cũng chẳng rút khỏi con người giá trị đặc biệt của nó, một giá trị cùng lúc kéo theo một trách nhiệm kinh khủng. Điều đó cũng chẳng giả thiết việc thần hóa trái đất, cái việc tước khỏi chúng ta lời kêu gọi cộng tác với nó và bảo vệ sự mong manh của nó. Những quan niệm này rất cục tạo nên nhiều bất quân bình mới nhằm thoát khỏi thực tại đang chất vấn chúng ta. [68]. Đôi khi người ta nhận thấy một ám ảnh chối bỏ mọi sự ưu việt của con người, và đưa đến một cuộc đấu tranh cho các loài khác mà chúng ta không dấn thân vào để bảo vệ phẩm giá bình đẳng giữa mọi con người. Đúng là chúng ta phải quan tâm để các sinh vật khác không bị đối xử một cách vô trách nhiệm. Nhưng những bất bình đẳng lớn lao hiện có giữa chúng ta nên làm chúng ta đặc biệt phần nộ, vì chúng ta tiếp tục dung túng chuyện một số người cho mình xứng đáng hơn các kẻ khác. Chúng ta không còn nhận ra rằng một số người chết gí trong một sự cùng khổ hèn hạ, chẳng thực sự có khả năng thoát ra khỏi đó, trong khi nhiều kẻ khác thậm chí chẳng biết làm gì với cái mình sở hữu, kiêu hãnh phô trương sự ưu việt tự gọi của mình, và để lại đằng sau lưng một mức phung phí không thể phổ cập hóa mà không hủy diệt cả hành tinh. Chúng ta tiếp tục chấp nhận trong thực tế rằng một số cảm thấy mình là người hơn những kẻ khác, như thể họ đã được sinh ra với những quyền lợi lớn lao hơn.

91. Cảm thức kết hợp mật thiết với các hữu thể khác của thiên nhiên không thể đích thực, nếu như đồng thời không có trong tâm sự trù mến, cảm thông và lo lắng cho những người khác. Sự thiếu nhất quán là hiển nhiên từ phía kẻ chiến đấu chống việc buôn bán các con thú đang trên đường tuyệt diệt, nhưng vẫn hoàn toàn đứng dưng trước việc buôn người, không quan tâm đến những kẻ nghèo hay ra sức triệt hạ một người mà mình chẳng thích. Điều này gây nguy cho ý nghĩa của việc chiến đấu vì môi trường. Không phải tình cờ mà trong bài ca về tạo vật, nơi thánh Phanxicô chúc tụng Thiên Chúa vì muôn thụ tạo của Người, ngài đã thêm điều này : “Xin ngợi khen Ngài, lạy Chúa của con, vì những ai tha thứ do mến yêu Ngài”. Tất cả đều liên kết với nhau. Vì thế cần phải có một sự quan tâm đến môi trường kết hợp với một tình yêu chân thành đối với mọi người, và một sự dấn thân kiên vững đối với những vấn đề của xã hội.

92. Mặt khác, khi trái tim đích thực mở ra cho một sự hiệp thông hoàn vũ, thì không có gì lẫn chẳng có ai bị loại ra khỏi tình huynh đệ ấy. Vì thế, cũng đúng là sự đứng dưng hay độc ác đối với các tạo vật khác của thế giới này cuối cùng luôn mở rộng cách này hay cách nọ tới việc đối xử với những người khác. Trái tim chỉ có một, và thói khốn nạn khiến chúng ta hành hạ một con vật, cũng sớm bộc lộ trong mối tương quan với những người khác. Mọi sự độc ác trên bất cứ thụ tạo nào “đều nghịch với phẩm giá con người” [69]. Chúng ta không thể cho rằng mình yêu nhiều, nếu chúng ta loại khỏi các mối quan tâm của mình một phần thực tại. “Bình an, công lý và bảo vệ tạo vật là ba đề tài tuyệt đối liên kết với nhau, chẳng thể tách biệt để xét riêng, bằng không sẽ lại rơi vào chủ thuyết giản lược” [70]. Tất cả đều liên kết với nhau, và xét như là những con

người, tất cả chúng ta kết hợp với nhau như anh chị em trong một cuộc hành hương tuyệt diệu, quần lay nhau bởi tình yêu mà Thiên Chúa đem đến cho mỗi thụ tạo của Người và cũng âu yếm nối kết chúng ta với anh mặt trời, chị mặt trăng, em sông và mẹ đất.

VI. CỦA CẢI LÀ ĐỂ DÙNG CHUNG

93. Ngày hôm nay, tín hữu lẫn phi tín hữu, chúng ta đều đồng ý về việc trái đất chủ yếu là một gia sản chung mà hoa quả của nó mọi người đều được hưởng. Đối với các tín hữu, điều đó trở nên vấn đề trung thành đối với Đấng Sáng Tạo, vì Thiên Chúa đã tạo dựng thế giới này cho tất cả. Vì thế, mọi tiếp cận sinh thái học phải hội nhập vào một viễn ảnh xã hội có chú ý đến các quyền lợi căn bản của những kẻ bất hạnh nhất. Nguyên tắc “quyền tư hữu lệ thuộc mục đích dùng chung của của cải” và từ đó “mọi người đều có quyền sử dụng chúng” là “luật vàng” cho thái độ xã hội và là “nguyên tắc đầu tiên của mọi trật tự đạo đức xã hội” [71]. Truyền thống Kitô giáo đã chẳng bao giờ công nhận quyền tư hữu là tuyệt đối hay bất khả xâm phạm, và nó đã nhấn mạnh chức năng xã hội của mọi hình thức tư hữu. Thánh Gioan-Phaolô II đã mạnh mẽ nhắc lại giáo lý này khi khẳng định rằng : “Thiên Chúa đã tặng trái đất cho toàn thể loài người để nó nuôi sống mọi thành viên của nhân loại, *không loại trừ cũng chẳng ưu tiên cho ai*” [72]. Đó là những lời cô đọng và mạnh mẽ. Ngài đã nhấn mạnh rằng “một kiểu phát triển không tôn trọng và cổ vũ các quyền con người, cá nhân và xã hội, kinh tế và chính trị, kể cả những quyền của các quốc gia và dân tộc, sẽ không xứng đáng với con người” [73]. Một cách hết sức rõ ràng, ngài đã giải thích rằng : “Dĩ nhiên, Giáo hội bảo vệ quyền tư hữu, nhưng cũng dạy không kém rõ ràng rằng trên mọi sở hữu luôn đè nặng một quyền sai áp xã hội, để các của cải phục vụ việc sử dụng chung mà Thiên Chúa đã định cho chúng” [74]. Vì thế ngài đã nhắc lại rằng “không được phép quản lý quà tặng này theo cách mọi của cải ấy chỉ làm lợi cho một số người, vì đó chẳng phù hợp với ý định Thiên Chúa” [75]. Điều này sẽ nghiêm túc đặt lại vấn đề những thói quen bất công của một phần nhân loại. [76].

94. Người giàu cũng như người nghèo đều có phẩm giá bằng nhau, vì “cả hai đều được Đức Chúa tạo dựng” (Cn 22,2), “Sang hay hèn đều do Người tạo tác” (Kn 6,7) và “Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt” (Mt 5,45). Điều đó có nhiều hệ quả thực tiễn như các Giám mục Paraguay đã trình bày : “Mọi nông dân đều có quyền tự nhiên là sở hữu một mảnh đất hợp lý, nơi họ có thể dựng nhà ở, làm việc để nuôi gia đình và được an toàn sinh sống. Quyền này phải được bảo đảm, để việc thực hiện nó không trở thành ảo tưởng nhưng đích thực. Điều đó có nghĩa là ngoài danh nghĩa sở hữu, người nông dân còn phải được dựa vào các phương tiện giáo dục kỹ thuật, tín dụng, bảo hiểm và việc thương mại hóa” [77].

95. Môi trường là một của cải chung, gia sản của toàn thể nhân loại, dưới trách nhiệm chung của mọi người. Ai chiếm hữu một cái gì đó, thì chỉ để quản lý vì ích lợi của tất cả. Nếu không làm như thế, chúng ta khiến lương tâm của mình ra nặng trĩu vì phủ nhận sự sống của những người khác. Chính vì thế, các Giám mục Tân Tây Lan đã tự hỏi giới luật “chớ giết người” có nghĩa gì, khi “hai mươi phần trăm dân số địa cầu tiêu thụ các tài nguyên theo kiểu cướp của các nước nghèo và các thế hệ tương lai, những gì họ cần để tồn tại.” [78]

VII. CÁI NHÌN CỦA ĐỨC GIÊSU

96. Đức Giêsu lấy lại niềm tin của Thánh kinh vào Thiên Chúa Sáng Tạo và nêu bật một sự kiện căn bản : Thiên Chúa là Cha (x. Mt 11, 25). Trong các cuộc đối thoại với môn đệ mình, Đức Giêsu từng mời gọi họ thừa nhận mối liên hệ phụ tử mà Thiên Chúa có với mọi thụ tạo của Người, và từng nhắc nhở họ với một sự âu yếm cảm động rằng mỗi thụ tạo quan trọng ra sao trong mắt Thiên Chúa : “Năm con chim sẻ chỉ bán được hai hào, phải không ? Thế mà không một con nào bị bỏ quên trước mặt Thiên Chúa” (Lc 12, 6). “Hãy xem chim trời : chúng không gieo, không gặt, không tích thu vào kho ; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng” (Mt 6, 26).

97. Chúa đã từng có thể kêu mời những kẻ khác chú ý tới vẻ đẹp có trong thế giới, vì chính Người đã luôn tiếp xúc với thiên nhiên và có một sự chú tâm đầy mến thương và kinh ngạc đối với nó. Khi rảo qua mỗi một góc xó của mảnh đất mình, Người đều dừng lại để chiêm ngắm vẻ đẹp mà Cha Người đã tung vãi, và mời các môn đệ nhận ra trong vạn vật một sứ điệp thần linh : “Ngước mắt lên mà xem, đồng lúa đã chín vàng đang chờ ngày gặt hái” (Ga 4,35). “Nước Trời cũng giống như chuyện hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. Tuy nó là loài nhỏ nhất trong tất cả các hạt giống, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ lớn nhất ; nó trở thành một cây.” (Mt 13, 31-32).

98. Đức Giêsu từng sống hòa hợp trọn vẹn với tạo vật, và mọi kẻ khác đều ngạc nhiên về điều đó: “Ông này là người thế nào mà cả gió và biển cũng tuân lệnh ?” (Mt 8,27). Người đã chẳng xuất hiện như một nhà khổ hạnh xa lìa thế gian hay một kẻ thù đối với những điều dễ chịu của cuộc sống. Người từng nói về chính mình : “Con Người đến, cũng ăn cũng uống như ai, thì thiên hạ lại bảo : đây là tay ăn nhậu” (Mt 11, 19). Người từng tách khỏi các triết thuyết khinh rẻ thân xác, vật chất và mọi thứ của thế gian này. Tuy nhiên, các thuyết nhị nguyên độc hại ấy đã đi đến chỗ có một ảnh hưởng quan trọng nơi một số tư tưởng gia Kitô giáo suốt dòng lịch sử và đã làm méo mó Tin Mừng. Đức Giêsu từng lao động với đôi bàn tay, tiếp xúc trực tiếp hằng ngày với vật chất được Thiên Chúa tạo dựng, để với tay nghề của mình tạo dáng cho nó. Thật đáng kinh ngạc là phần lớn cuộc đời Người đã dành cho công việc ấy trong một cuộc sống đơn sơ, chẳng gọi lên sự thán phục nào : “Ông ta không phải là bác thợ con bà Maria sao ?” (Mc 6,3). Người đã thánh hóa công việc theo cách ấy và đã ban cho nó một giá trị đặc biệt đối với sự trưởng thành của chúng ta. Thánh Gioan-Phaolô II từng dạy rằng “khi chịu đựng lao nhọc của việc làm trong sự kết hiệp với Đức Ki-tô chịu đóng đinh, con người cộng tác một cách nào đó với Con Thiên Chúa vào việc cứu chuộc” [79].

99. Đối với cách hiểu của Ki-tô giáo về thực tại, định mệnh của toàn thể tạo vật đi qua mầu nhiệm Đức Kitô vốn đã hiện diện từ nguyên thủy mọi sự : “Tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng nhờ Người và cho Người” (Cl 1,16). Lời tựa của Tin mừng thánh Gioan (1,1-18) cho thấy hoạt động sáng tạo của Đức Kitô trong tư cách Lời thần linh (Logos). Thế nhưng lời tựa này gây kinh ngạc khi quả quyết rằng Lời ấy “đã trở nên người phàm” (Ga 1,14). Một Ngôi trong Ba Ngôi Thiên Chúa đã xen mình vào vũ trụ thụ tạo bằng cách liên kết số phận mình với nó cho đến thập giá. Từ nguyên thủy thế giới, nhưng với cách thức đặc biệt từ cuộc Nhập thể, mầu nhiệm Chúa Kitô hoạt động một cách bí mật trong toàn thể thực tại tự nhiên mà chẳng vì thế ảnh hưởng lên sự độc lập của nó.

100. Tân Ước không chỉ nói với chúng ta về Đức Giêsu tại thế với mỗi tương quan cụ thể và dễ thương của Người với thế giới. Nó cũng cho thấy Người như Đấng Phục sinh và Chúa vinh hiển, hiện diện với vương quyền phổ quát của Người trong toàn thể thụ tạo: “Vì Thiên Chúa đã muốn làm cho tất cả sự viên mãn hiện diện ở nơi Người, cũng như muốn nhờ Người mà làm cho muôn vật được hòa giải với mình. Nhờ máu Người đổ ra trên thập giá, Thiên Chúa đã đem lại bình an cho mọi loài dưới đất và muôn vật trên trời” (x. Cl 1,19-20). Điều này ném chúng ta vào cuối thời gian, khi Chúa Con sẽ trao lại mọi sự cho Chúa Cha và “như vậy, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài” (x. Cr 15, 28). Theo cách thức ấy, mọi tạo vật của trần gian này không còn xuất hiện trước mặt chúng ta như một thực tại thuần túy tự nhiên, vì Đấng Phục Sinh bao trọn chúng cách mầu nhiệm và hướng chúng đến một định mệnh viên mãn. Ngay cả hoa đồng nội và chim trời mà Người đã chiêm ngắm cách kinh ngạc thán phục với đôi mắt nhân loại của mình, thì bây giờ lại được tràn đầy sự hiện diện sáng láng của Người.

CHƯƠNG BA

GỐC RỄ NHÂN LOẠI CỦA

CUỘC KHỦNG HOẢNG SINH THÁI

101. Mô tả các triệu chứng của cơn khủng hoảng sinh thái ích lợi gì nếu chúng ta không nhận thức được gốc rễ nhân loại của nó. Có một cách hiểu về cuộc sống và hoạt động con người bị lệch lạc và đi ngược với thực tại đến độ gây hại cho nó. Tại sao chúng ta không thể dừng lại để suy nghĩ về điều ấy ? Trong suy tư này, tôi đề nghị chúng ta tập trung vào kiểu hình kỹ trị đang nổi trội cũng như vào vị trí của con người và hoạt động của nó trong thế giới.

I. CÔNG NGHỆ : KHẢ NĂNG SÁNG TẠO VÀ QUYỀN LỰC

102. Nhân loại đã bước vào một thời kỳ mới trong đó sức mạnh công nghệ đặt chúng ta ở ngã ba đường. Chúng ta là những người thừa kế của hai thế kỷ có nhiều đợt sóng thay đổi lớn: máy hơi nước, đường sắt, điện tín, điện khí, xe hơi, máy bay, các kỹ nghệ hóa chất, y khoa tân tiến, thông tin học, và gần đây hơn, cách mạng kỹ thuật số, việc nghiên cứu người máy, các công nghệ sinh học và các công nghệ siêu nhỏ. Đúng là phải vui mừng trước các tiến bộ đó và hào hứng trước các khả năng to lớn mà những điều mới lạ không ngừng đó mở ra cho chúng ta, vì “khoa học và công nghệ là một sản phẩm kỳ diệu do năng lực sáng tạo của con người, một quà tặng của Thiên Chúa”[81]. Việc biến đổi thiên nhiên vì những mục tiêu hữu ích là một đặc điểm của nhân loại ngay từ đầu, và như thế, kỹ thuật “diễn tả xu hướng của tâm trí con người là dần dần vượt qua một số điều kiện giới hạn của vật chất” [82]. Công nghệ đã đem phương dược chữa trị vô số điều dữ từng làm hại và giới hạn con người. Chúng ta không thể không đánh giá cao và quý chuộng sự tiến bộ kỹ thuật, nhất là trong y khoa, công nghệ ứng dụng và các phương tiện liên lạc. Làm sao không thừa nhận mọi cố gắng của nhiều khoa học gia và kỹ thuật gia vốn đã mang đến nhiều cái để chọn lựa cho một sự phát triển lâu dài.

103. Khoa học công nghệ, nếu được định hướng đúng, không những có thể sản xuất nhiều vật thực sự quý giá để cải thiện phẩm chất sống của con người, từ các vật

dụng trong nhà tới các phương tiện chuyên chở lớn lao, những cây cầu, những dinh thự, những nơi công cộng, nhưng còn có khả năng sản sinh cái đẹp và “phóng” con người đang chìm trong thế giới vật chất vào lãnh vực cái đẹp. Người ta có thể phủ nhận vẻ đẹp của một chiếc máy bay hoặc vài nhà chọc trời hay không ? Có nhiều tuyệt phẩm hội họa và âm nhạc được thực hiện nhờ sử dụng các công cụ kỹ thuật mới. Như thế, trong việc tìm kiếm vẻ đẹp từ phía người sản sinh kỹ thuật và nơi người chiêm ngắm vẻ đẹp này, thể hiện một bước nhảy vào một sự viên mãn nào đó của riêng con người.

104. Nhưng chúng ta cũng không thể bắt biết rằng năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học, thông tin học, kiến thức về ADN của chúng ta và nhiều khả năng khác mà chúng ta đã thủ đắc, đang trao cho chúng ta một quyền lực kinh khủng. Đúng hơn, chúng ban cho những ai có kiến thức, nhất là có quyền lực kinh tế để sử dụng chúng, một ảnh hưởng đáng kinh ngạc trên toàn thể nhân loại lẫn cả thế giới. Chưa bao giờ nhân loại có được quyền lực như thế trên chính mình, và không gì bảo đảm rằng nhân loại sẽ luôn sử dụng nó đúng đắn, nhất là nếu người ta nghĩ đến cách nó đang được nhân loại sử dụng. Chỉ cần nhớ tới những quả bom nguyên tử được thả ngay giữa thế kỷ XX, cũng như đến việc đại triển khai kỹ thuật kiểu phô trương của chủ nghĩa Phát xít, Cộng sản và nhiều chế độ độc tài để tiêu diệt hàng triệu người, cũng không quên rằng ngày nay chiến tranh có nhiều công cụ luôn gây chết thêm mãi. Quyền lực như thế đang nằm và sẽ có thể nằm trong những bàn tay nào ? Thật liều mạng kinh khủng nếu nó nằm trong tay một phần nhỏ của nhân loại.

105. Người ta có xu hướng tin rằng “mỗi sự gia tăng sức mạnh tự nó là một “tiền bộ”, một độ cao hơn về an ninh, hữu ích, phúc lợi, sinh lực, viên mãn các giá trị” [83], như thể thực tại, thiện và chân tự nhiên nổi lên từ chính sức mạnh kỹ thuật và kinh tế. Thực tế, “con người hiện đại đã không nhận được sự giáo dục cần thiết để sử dụng đúng quyền lực của mình” [84], vì sự tiến bộ kỹ thuật bao la đã không đi kèm với việc phát triển con người về trách nhiệm, giá trị và lương tâm. Mỗi thời đại đều có khuynh hướng phát triển ít sự tự ý thức về các giới hạn của mình. Chính vì thế, có thể ngày nay nhân loại không ý thức về sự trầm trọng của những thách đố đang xuất hiện, và “khả năng con người sử dụng sai quyền lực của mình chẳng ngót lớn dần” khi “không có những qui tắc cho tự do, nhưng chỉ có những cái được cho là cần thiết: ích lợi và an ninh” [85]. Con người không hoàn toàn tự trị. Tự do của nó bị ảnh hưởng khi tự do này phó mình cho những lực mù quáng của vô thức, của những nhu cầu trực tiếp, của ích kỷ, của bạo lực. Theo nghĩa này, con người là trần trụi, bị phó mặc cho quyền lực ngày càng lớn mạnh của mình, mà không có những yếu tố để kiểm soát nó. Con người có thể sử dụng nhiều cơ chế hời hợt, nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng ngày nay nó thiếu một nền đạo đức vững chắc, một văn hóa và một linh đạo thực sự giới hạn nó và khiến nó sáng suốt hy sinh quên mình.

II. TOÀN CẦU HÓA MÔ HÌNH KỸ TRỊ

106. Vấn đề cơ bản lại khác, còn sâu xa hơn nữa: đó là cách mà nhân loại, trên thực tế, đã đảm nhận công nghệ và sự phát triển của nó với *một mô hình thuần nhất và đơn chiều*. Trong mô hình này, nổi bật một quan niệm về chủ thể cho rằng chủ thể này, trong tiến trình hợp lô-gích và thuần lý, từ từ ôm lấy và như thế chiếm hữu đối tượng nằm ở bên ngoài. Chủ thể này tự bày tỏ trong việc xây dựng phương pháp khoa học với sự thực nghiệm nó, một phương pháp mà đã rõ ràng là một kỹ thuật chiếm hữu, thống

trị và biến đổi. Đó như thể là chủ thể đứng trước một cái gì đấy vô hình dạng, hoàn toàn sẵn sàng để bị thao tác. Sự can thiệp của con người trên thiên nhiên đã luôn được xác nhận, nhưng trong thời gian dài, nó như có một đặc tính là đi kèm, là uốn mình theo các khả năng mà chính vạn vật cống hiến. Đó đã từng là việc đón nhận những gì mà thực tại tự nhiên tự nó cho phép, như thể đưa tay ra. Ngược lại, bây giờ, cái khiến quan tâm chính là rút ra tất cả những gì có thể từ vạn vật bằng việc áp đặt bàn tay con người mà bất biết hay quên đi chính thực tại của cái có trước mắt mình. Vì thế, tại sao con người và vạn vật đã ngừng đưa tay thân ái cho nhau để đi vào một cuộc đụng đầu. Từ đó người ta dễ dàng tiến tới ý tưởng về một sự tăng trưởng vô biên, bất giới hạn, vốn đã làm say mê các kinh tế gia, tài chính gia và kỹ thuật gia. Điều đó giả thiết một sự đối trá về tính khả dụng vô hạn của các tài nguyên hành tinh, đưa đến việc “vắt ép” nó đến tận các giới hạn hay thậm chí vượt quá các giới hạn. Đúng là tiền giả định sai lầm khi cho rằng “có một khối năng lượng và tài nguyên vô giới hạn có thể sử dụng, rằng việc tái tạo chúng là có thể ngay tức khắc, và các hiệu quả tiêu cực do việc thao túng trật tự tự nhiên có thể dễ dàng xóa sạch” [86].

107. Vì thế, người ta có thể nói rằng ở nguồn gốc của nhiều khó khăn của thế giới hiện tại, trước tiên có xu hướng –không luôn ý thức rõ– muốn biến phương pháp luận và nhiều mục tiêu của khoa học kỹ thuật thành một mô hình hiểu biết vốn điều kiện hóa cuộc sống của con người và vận hành của xã hội. Các hiệu quả của việc áp dụng khuôn mẫu này cho tất cả thực tại con người lẫn xã hội có thể được nhận thấy trong sự suy thoái của môi trường, nhưng điều đó chỉ là một dấu hiệu của chủ nghĩa giản lược vốn ảnh hưởng đến cuộc sống con người và xã hội trong mọi chiều kích. Phải công nhận rằng các sản phẩm của kỹ thuật không trung tính, vì chúng tạo một khuôn khổ mà rất cục điều kiện hóa các kiểu sống và hướng các khả năng xã hội theo các lợi ích của những nhóm quyền lực được xác định. Một vài lựa chọn có vẻ mang tính công cụ thuần túy, thật ra là những lựa chọn theo kiểu sống xã hội mà người ta muốn phát triển.

108. Không được phép nghĩ rằng có thể bảo vệ một mô hình văn hóa khác và sử dụng kỹ thuật như công cụ thuần túy, vì hôm nay mô hình kỹ trị đã trở nên ưu thắng, tới độ khó bỏ qua các nguồn lực của nó và càng khó hơn nữa để sử dụng chúng mà không bị lô-gích của chúng chế ngự. Đã trở thành một phản-văn hóa khi chọn một kiểu sống với nhiều mục tiêu có thể độc lập ít ra một phần với kỹ thuật, với các giá của nó, cũng như với quyền lực toàn cầu hóa và quần chúng hóa của nó. Trong thực tế, kỹ thuật có xu hướng tìm thấu tất cả trong lô-gích sắt máu của mình, và con người nắm được kỹ thuật “biết rằng phân tích cho rõ ràng, cái quan trọng trong kỹ thuật không phải là sự hữu dụng hay sự thoải mái, nhưng là thống trị: một sự thống trị theo nghĩa cực đoan nhất của từ này” [87]. Và vì thế, “nó tìm cách nắm bắt các yếu tố của thiên nhiên, cũng như các yếu tố của cuộc sống con người” [88]. Khả năng quyết định, sự tự do đích thực nhất và không gian cho một khả năng sáng tạo của các cá nhân, đều bị thu hẹp lại.

109. Mô hình kỹ trị cũng có khuynh hướng thực thi sự thống trị của nó trên kinh tế và chính trị. Kinh tế đảm nhận tất cả sự phát triển kỹ thuật tùy theo lợi nhuận, không chú tâm đến các hậu quả tiêu cực có thể xảy ra cho con người. Tài chính bóp nẹt kinh tế đích thực. Các bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã không được giữ lại, và người ta cũng chậm trễ ý đến các bài học của sự hư hoại môi trường. Trong một vài hội, người cho rằng kinh tế hiện thời và kỹ thuật sẽ giải quyết mọi vấn đề môi trường.

Người ta cũng quả quyết, với ngôn ngữ ít hàn lâm, rằng các vấn đề đói và khổ trong thế giới sẽ được giải quyết cách đơn giản nhờ việc tăng trưởng thị trường. Đây không phải là vấn đề hiệu lực của các lý thuyết kinh tế, mà có lẽ không ai hôm nay dám bảo vệ, nhưng là việc thực sự thiết đặt chúng trong sự phát triển kinh tế. Những ai không khẳng định điều đó bằng lời thì lại ủng hộ nó trong các sự kiện, khi một mức độ sản xuất đúng đắn, một sự phân bố của cải tốt hơn, một sự bảo vệ môi trường đầy trách nhiệm và các quyền của những thế hệ tương lai xem ra chẳng làm họ bận tâm. Thái độ của họ cho thấy mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận là đủ. Nhưng thị trường tự nó không bảo đảm cho việc phát triển con người trọn vẹn, cũng như cho việc hội nhập xã hội. [89]. Trong lúc chờ đợi, chúng ta có một “sự phát triển thái quá, trong đó tiêu thụ và phí phạm đi cùng nhau, một sự tương phản không thể chấp nhận với những hoàn cảnh thường xuyên cùng khôn và mất nhân phẩm”[90]; và các định chế kinh tế cũng như các chương trình xã hội cho phép những người nghèo khổ nhất thường xuyên tiếp cận các tài nguyên căn bản, không được dựng nên cách nhanh chóng. Người ta đã không chú ý đủ đến các gốc rễ sâu xa của những rối loạn hiện thời vốn có liên hệ đến chiều hướng, mục đích, ý nghĩa và bối cảnh xã hội của sự tăng trưởng kỹ thuật và kinh tế.

110. Việc chuyên môn hóa chính công nghệ bao hàm một khó khăn lớn để nhìn được toàn bộ. Việc phân mảnh các kiến thức thì dùng để thực hiện các áp dụng cụ thể, nhưng thường khiến đánh mất ý thức về tổng thể, về các liên hệ vốn có giữa vạn vật, về một chân trời rộng rãi vốn trở thành không quan trọng. Chính điều đó ngăn cản việc tìm ra nhiều con đường thích hợp để giải quyết các vấn đề phức tạp nhất của thế giới hiện tại, nhất là những vấn đề của môi trường và của những người nghèo, là những vấn đề không thể được đề cập bằng một cái nhìn duy nhất hay theo một kiểu quan tâm duy nhất. Một khoa học muốn đưa ra nhiều giải pháp cho các vấn đề lớn lao, cần phải quan tâm tới tất cả những gì mà sự hiểu biết đã sinh ra trong các lãnh vực khác của kiến thức, bao gồm cả triết học và đạo đức xã hội. Nhưng đây là một thói quen khó theo hôm nay. Vì thế, nhiều chân trời luân lý đích thực để tham chiếu không còn có thể được nhận ra nữa. Cuộc sống đang bị bỏ mặc cho những hoàn cảnh bị điều kiện hóa bởi kỹ thuật được hiểu như phương tiện chính yếu để giải thích sự hiện hữu. Trong thực tế cụ thể đang chất vấn chúng ta, nhiều triệu chứng xuất hiện cho thấy sai lầm này, như sự suy thoái môi trường, nỗi lo âu khắc khoải, việc đánh mất ý thức về sự sống và về việc sống chung. Như thế, người ta một lần nữa thấy rằng “thực tại cao hơn ý tưởng” [91].

111. Văn hóa sinh thái không thể bị giản lược vào một loạt giải đáp khẩn cấp và manh mún cho các vấn đề đang xuất hiện mà có liên quan đến sự suy thoái môi trường, sự cạn kiệt các dự trữ thiên nhiên và sự ô nhiễm. Nó nên là một cái nhìn khác, một tư tưởng, một chính sách, một chương trình giáo dục, một kiểu sống và một linh đạo làm nên một sự đối kháng trước sự tiến triển của mô hình kỹ trị. Bằng không, ngay cả những sáng kiến sinh thái học tốt đẹp nhất rốt cục đều có thể bị nhốt trong chính cái lô-gích được toàn cầu hóa. Chỉ tìm một phương thuốc kỹ thuật cho mỗi vấn đề môi trường nổi lên, đó là cô lập hóa các sự vật vốn đan kết nhau trong thực tại, và đó là tự che giấu những vấn đề đích thực và sâu xa nhất của hệ thống toàn cầu.

112. Tuy nhiên, có thể mở rộng cái nhìn lần nữa, và tự do của con người có khả năng giới hạn kỹ thuật, định hướng nó cũng như đặt nó phục vụ một kiểu tiến bộ khác, lành mạnh hơn, nhân bản hơn, xã hội hơn và toàn vẹn hơn. Sự giải thoát khỏi mô hình

kỹ trị ưu thắng trên thực tế đã xảy ra trong vài cơ hội, tỉ như khi nhiều cộng đồng các nhà sản xuất nhỏ chọn những hệ thống sản xuất ít ô nhiễm hơn bằng cách ủng hộ một kiểu sống, kiểu hạnh phúc và kiểu đồng cư không theo chủ nghĩa tiêu thụ; hoặc khi kỹ thuật được ưu tiên hướng đến cách giải quyết các vấn đề cụ thể của những kẻ khác, với niềm đam mê giúp họ sống với phẩm giá nhiều hơn và đau khổ ít hơn; cũng như khi ý hướng sáng tạo cái đẹp và việc chiêm ngắm nó đi đến chỗ vượt qua quyền lực đối tượng hóa để thành một kiểu cứu thoát được thực hiện trong cái đẹp và trong con người chiêm ngắm cái đẹp. Nhân tính đích thực, vốn mời gọi thực hiện một tổng hợp mới, xem ra cư ngụ giữa nền văn minh kỹ thuật gần như theo cách khó nhận ra, như sương mù len vào dưới một cánh cửa đóng kín. Dù gì đi nữa, phải chăng đó là một hứa hẹn thường trực vọt ra như một sự phản kháng bền bỉ của cái gì chân thực ?

113. Mặt khác, xem ra con người không còn tin vào một tương lai hạnh phúc, họ chẳng mù quáng đặt tin tưởng vào một ngày mai tốt hơn từ những điều kiện hiện tại của thế giới và những khả năng kỹ thuật. Họ ý thức rằng các tiến triển của khoa học và kỹ thuật không tương đương với các tiến triển của nhân loại và của lịch sử, và họ nhận thấy rằng những con đường cơ bản cho một tương lai hạnh phúc thì khác hẳn. Tuy nhiên, họ không vì thế mà nghĩ rằng phải từ khước những khả năng do công nghệ cống hiến. Nhân loại đã thay đổi một cách sâu xa, và việc tích tụ không ngừng những vật mới mẻ xác nhận một sự chóng qua mau tàn dẫn chúng ta vào một hướng duy nhất, nằm trên bề mặt sự vật. Việc chúng ta dừng lại để tìm lại chiều sâu của cuộc sống trở nên khó khăn. Nếu đúng là ngành kiến trúc phản ánh tinh thần của một thời đại, các đại công trình và các chuỗi gia cư biểu lộ tinh thần của kỹ thuật toàn cầu hóa, nơi mà sự mới mẻ thường xuyên của các sản phẩm kết hợp với một sự chán ngán nặng nề. Chúng ta chớ cam chịu điều ấy và chớ từ bỏ việc tự vấn về các mục đích và về ý nghĩa của mọi sự. Bằng không, chúng ta sẽ hợp thức hóa hoàn cảnh hiện tại và sẽ luôn cần thêm mãi những thế phẩm để chịu đựng sự trống rỗng.

114. Điều đang xảy đến trong lúc này đặt chúng ta trước việc phải khẩn cấp tiến tới trong một cuộc cách mạng văn hóa can đảm. Khoa học và kỹ thuật không phải trung tính, nhưng từ đầu cho đến cuối một tiến trình, có thể bao hàm nhiều ý hướng và khả năng khác nhau, và chúng có thể được định hình bằng nhiều cách khác biệt. Không ai muốn trở lại thời kỳ hang động, tuy thế cần đi chậm lại để nhìn vào thực tại một cách khác, thu nhận những tiến triển tích cực và lâu dài, đồng thời thu hồi các giá trị và các mục đích lớn lao vốn đã bị phá vỡ bởi một sự cuồng nhiệt hoang tưởng tự đại.

III. CƠN KHỦNG HOẢNG VÀ CÁC HẬU QUẢ CỦA THUYẾT QUY NHÂN TÂN THỜI

115. Thuyết quy nhân tân thời, một cách nghịch lý, đã đi đến chỗ đặt lý luận kỹ thuật lên trên thực tại, vì con người “không còn cảm thức rằng thiên nhiên là một quy tắc có giá trị, và rằng nó cống hiến cho mình một nơi trú ẩn sống động. Không với những giả định tiên quyết, cách khách quan, con người thấy thiên nhiên dưới hình thức một không gian và một chất liệu cho một công trình mà người ta ném vào đó tất cả, chẳng cần biết hậu quả như thế nào” [92]. Với cách thức này, giá trị mà thế giới có trong chính mình bị yếu đi. Nhưng nếu con người không tái khám phá vị trí đích thực của mình, nó sẽ không hiểu rõ chính mình và cuối cùng phản lại thực tại của mình... “Không chỉ có trái đất đã được Thiên Chúa ban cho con người vốn phải sử dụng nó

trong sự tôn trọng ý hướng nguyên thủy, tốt lành khi nó được tặng ban; nhưng con người cũng được Thiên Chúa ban cho chính mình và vì thế phải tôn trọng cơ cấu tự nhiên và luân lý mà mình đã được phú ban” [93].

116. Trong thuyết/tính tân thời, đã có một sự quy nhân quá đáng mà dưới nhiều hình thức khác, hôm nay vẫn tiếp tục hủy hoại mọi quy chiếu chung và mọi toan tính củng cố các liên hệ xã hội. Vì thế đã đến lúc lại phải chú tâm tới thực tại với các giới hạn mà nó áp đặt, những giới hạn này, đến phiên chúng, lại cống hiến khả năng phát triển con người và xã hội cách lành mạnh hơn và phong phú hơn. Một kiểu trình bày không thích đáng về nhân học Kitô giáo có thể đã dẫn đến chỗ bệnh vực một quan niệm sai lầm về liên hệ giữa con người với thế giới. Một giấc mơ thống trị thế giới kiểu Prométhé đã năng được truyền lại và cho cảm tưởng rằng việc bảo vệ thiên nhiên là để cho những kẻ yếu đuối. Cách giải thích đúng đắn ý niệm con người như “chúa” của vũ trụ đúng ra là cách giải thích xem con người như quản lý có trách nhiệm. [94]

117. Sự thiếu quan tâm đến việc đo lường những thiệt hại gây ra cho thiên nhiên và những tác động lên môi sinh của các quyết định, chỉ là phản ánh rõ ràng nhất của việc thờ ơ thừa nhận sứ điệp mà thiên nhiên ghi khắc trong chính các cơ cấu của nó. Khi người ta không nhận ra, trong chính thực tại, giá trị của một người nghèo, của một bào thai người, của một con người sống trong tình trạng thiệt thòi bất lợi –nêu ra vài ví dụ vậy– người ta sẽ khó nghe được các tiếng kêu của chính thiên nhiên. Tất cả đều liên kết với nhau. Nếu con người tuyên bố mình tự trị đối với thực tại và tự đặt mình làm kẻ thống trị tuyệt đối, thì chính nền tảng cuộc sống của mình bị sụp đổ, vì “thay vì hoàn thành vai trò cộng tác viên của Thiên Chúa trong công trình sáng tạo, con người lại thế chỗ Thiên Chúa và cuối cùng gây nên sự phản kháng của thiên nhiên” [95].

118. Hoàn cảnh này đưa chúng ta vào một chứng tâm thần phân liệt triển miên, đi từ việc tôn vinh kỹ trị vốn không thừa nhận giá trị riêng của các hữu thể khác, đến phản ứng phủ nhận tất cả giá trị đặc biệt của con người. Nhưng người ta không thể bỏ qua nhân tính được. Sẽ không có liên hệ mới nào với thiên nhiên mà chẳng có một con người mới. Không có sinh thái học mà chẳng có nhân học thích ứng. Khi con người bị xem chỉ như một hữu thể giữa các hữu thể khác, phát xuất từ các trò chơi của ngẫu nhiên hay một thuyết tiền định vật lý, thì “ý thức trách nhiệm của nó có nguy cơ giảm nhẹ trong các tâm trí”[96]. Một thuyết quy nhân lệch lạc không nhất thiết được nhường chỗ cho thuyết “quy sinh”, vì điều đó sẽ bao hàm việc đưa vào một sự bất quân bình mới chẳng những không giải quyết mà còn gây thêm các vấn đề khác nữa. Người ta không thể đòi hỏi từ con người một sự dấn thân tôn trọng đối với thế giới, nếu không công nhận và cùng lúc đề cao các khả năng đặc biệt của nó như tri thức, ý chí, tự do và tinh thần trách nhiệm.

119. Việc phê phán chủ thuyết quy nhân lệch lạc cũng không được đưa vào bình diện thứ yếu giá trị các liên hệ giữa con người. Nếu cơn khủng hoảng môi sinh là sự phát lộ hay biểu hiện bên ngoài của cơn khủng hoảng luân lý, văn hóa và tinh thần của thời hiện đại, chúng ta không thể đòi hỏi chăm sóc mối liên hệ của chúng ta với thiên nhiên và môi trường, mà không lành mạnh hóa mọi liên hệ nền tảng của con người. Khi tư tưởng Kitô giáo đòi buộc một giá trị đặc biệt cho con người, giá trị cao hơn các thụ tạo khác, điều đó đưa đến việc tăng giá trị cho mỗi con người và kéo theo sự thừa nhận những kẻ khác. Việc mở lòng ra cho “một cái nhĩ” có khả năng biết, yêu và đối thoại,

tiếp tục là sự cao quý lớn lao của con người, Vì thế, để có một liên hệ thích hợp với thế giới thụ tạo, thì không cần phải làm yếu đi chiều kích xã hội của con người cũng như chiều kích siêu việt của nó, sự mở lòng ra của nó cho “cái nhĩ” thần linh. Thật vậy, người ta không thể xem xét một mối liên hệ với môi trường tách biệt khỏi liên hệ với những người khác và với Thiên Chúa. Đó sẽ là một chủ nghĩa cá nhân lãng mạn, nguy trang thành vẻ đẹp sinh thái học và là một sự đóng kín gây ghệt thở trong chính mình.

120. Vì tất cả đều liên hệ với nhau, nên việc bảo vệ thiên nhiên cũng không tương hợp với việc biện minh cho chuyện phá thai. Một con đường giáo dục để đón nhận những người yếu đuối chung quanh chúng ta, mà đôi khi quấy rầy và không thích hợp, xem ra không thể thực hành nếu người ta không bảo vệ bào thai người, cho dầu việc nó đến gây phiền toái và nhiều khó khăn. “Nếu cá nhân và xã hội mất đi sự nhạy cảm trong việc đón nhận một sự sống mới, lúc ấy, nhiều hình thức đón nhận khác mà hữu ích cho đời sống xã hội cũng bị khô cạn”[97].

121. Việc phát triển một tổng hợp mới vượt quá những biện chứng giả tạo của các thế kỷ gần đây đang treo lơ lửng. Chính Kitô giáo, khi giữ mình trung thành với căn tính của mình và với kho tàng chân lý mình đã nhận từ Đức Giêsu Kitô, luôn suy nghĩ lại về mình và diễn tả lại mình trong cuộc đối thoại với những hoàn cảnh lịch sử mới, và như thế làm nổi bật sự mới mẻ vĩnh cửu của mình. [98].

Thuyết duy tương đối thực tiễn

122. Một thuyết qui nhân sai lạc sinh ra một kiểu sống sai lạc. Trong Tông huấn *Evangelii gaudium* – Niềm vui Tin Mừng, tôi đã nói đến chủ nghĩa duy tương đối thực tiễn vốn đặc trưng cho thời đại của chúng ta mà “còn nguy hiểm hơn chủ nghĩa duy tương đối giáo thuyết” [99]. Khi tự đặt mình vào trung tâm, con người rút cục ban tính ưu tiên tuyệt đối cho các quan tâm tùy hoàn cảnh của mình, và mọi cái còn lại đều trở thành tương đối. Vì thế, chẳng đáng ngạc nhiên chuyện cùng với sự hiện diện khắp nơi của mô hình kỹ trị và việc tôn thờ quyền lực vô hạn của con người, đang phát triển nơi con người thuyết duy tương đối ấy, vốn cho rằng tất cả những gì không trực tiếp phục vụ các lợi ích cá nhân tức thời thì chẳng quan trọng. Trong đó có một lô-gích giúp chúng ta hiểu rằng làm sao một vài thái độ gây suy thoái môi trường đồng thời gây suy thoái xã hội, lại nuôi sống cho nhau.

123. Văn hóa của chủ nghĩa duy tương đối là chính thứ bệnh lý đẩy con người đến chỗ khai thác tha nhân và đối xử với người đó như một đồ vật thuần túy, buộc họ lao động khổ sai hay biến họ thành nô lệ vì mang nợ. Đó chính là lô-gích thúc đẩy việc khai thác tình dục trẻ em hay bỏ rơi những người lớn tuổi chẳng còn phục vụ cho các lợi ích của mình. Đó cũng là lô-gích nội tâm của kẻ nói : “Chúng ta hãy để cho các sức mạnh vô hình của thị trường điều chỉnh kinh tế, vì các ảnh hưởng của nó trên xã hội và thiên nhiên là những thiệt hại không thể tránh được”. Nếu không có những chân lý khách quan cũng như những nguyên tắc vững chãi bên ngoài việc thực hiện các dự phóng cá nhân và sự thỏa mãn các nhu cầu tức thời – thì lúc ấy việc buôn người, tội phạm có tổ chức, việc buôn bán ma túy, buôn bán kim cương máu và da những con thú đang trên đường tuyệt chủng, có thể có những giới hạn nào? Chẳng phải chính lô-gích duy tương đối biện minh việc mua các cơ phận của những người nghèo để bán chúng hoặc dùng chúng làm thí nghiệm, hay biện minh việc loại bỏ các em bé, vì chúng không

đáp ứng ước muốn của cha mẹ chúng sao? Chính lô-gích “dùng rồi quăng” tạo ra quá nhiều rác thải, chỉ vì điên cuồng khao khát tiêu thụ quá mức cần thiết thực sự. Vì thế, chúng ta không thể nghĩ rằng các dự án chính trị và sức mạnh luật pháp sẽ đủ để tránh những thái độ tác động lên môi trường, vì khi văn hóa biến chất và người ta không còn công nhận chân lý khách quan hay những nguyên tắc phổ quát giá trị nào, thì luật lệ chỉ được hiểu như những áp đặt độc đoán và như những chướng ngại cần lẩn tránh mà thôi.

Cần phải bảo vệ lao động

124. Trong bất cứ sự tiếp cận nào của một sinh thái học toàn vẹn không loại trừ con người, cần phải hội nhập giá trị của lao động, giá trị đã được thánh Gioan-Phaolô II khai triển cách khôn ngoan trong Thông điệp *Laborem exercens*. Chúng ta hãy nhớ lại rằng, theo trình thuật Thánh Kinh về sáng tạo, Thiên Chúa đã đặt con người vào khu vườn vừa mới tạo lập (x. St 2,15), không những để gìn giữ (bảo vệ) những gì hiện hữu, nhưng còn để chăm sóc sao cho nó sinh hoa kết quả. Như thế, những công nhân và những nghệ nhân “bảo đảm một sự sáng tạo vĩnh cửu” (Hc 38, 34 LXX). Trong thực tế, sự can thiệp của con người nhằm cẩn thận phát triển thụ tạo là hình thức tương xứng nhất để chăm sóc nó, vì bao hàm việc tự coi mình như công cụ của Thiên Chúa để giúp xuất hiện các khả năng mà chính Người đã đặt vào trong vạn vật : “Thiên Chúa làm cho đất trở sinh được liệu ; những thứ đó, người khôn chẳng dám coi thường” (Hc 38, 4).

125. Nếu chúng ta thử xét xem đâu là các tương quan thích đáng giữa con người với thế giới chung quanh, thì thấy ngay sự cần thiết phải có một quan niệm đúng đắn về lao động, vì nếu chúng ta nói về liên hệ của con người với vạn vật, sẽ xuất hiện câu hỏi về ý nghĩa và mục đích của hoạt động con người trên thực tại. Chúng ta không chỉ nói đến lao động chân tay hay lao động trên đất đai, nhưng đến mọi hoạt động bao hàm sự thay đổi nào đó đối với những gì hiện hữu, từ việc xây dựng một nghiên cứu xã hội cho đến dự án phát triển kỹ thuật. Bất cứ hình thức lao động nào cũng giả thiết một quan niệm về một liên hệ mà con người có thể hay phải thiết lập với đồng loại mình. Linh đạo Kitô giáo, với lòng thán phục chiêm ngắm tạo vật như chúng ta tìm thấy nơi thánh Phanxicô Assisi, cũng đã phát triển một sự hiểu biết phong phú và lành mạnh về lao động, như chúng ta có thể thấy, ví dụ, trong cuộc sống của chân phước Charles de Foucauld và các môn đệ của ngài.

126. Chúng ta cũng hãy thu nhận một cái gì đó từ truyền thống dài của lối sống đan tu. Lúc khởi đầu, một cách nào đó, lối sống này từng cổ vũ sự trốn chạy thế gian, thử tránh thoát sự suy đồi nơi thành thị. Vì thế tại sao các đan sĩ đã đi tìm hoang địa, vì xác tín rằng đây là nơi thích hợp để nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa. Sau đó, thánh Bênêdictô thành Nursia đã đề nghị các tu sĩ của mình nên sống thành cộng đoàn, liên kết lời cầu nguyện và việc đọc sách thánh với lao động chân tay (“*Ora et labora*” – “Cầu nguyện và lao động”). Việc đưa vào lao động chân tay, thấm nhuần ý nghĩa thiêng liêng như thế, từng mang tính cách mạng. Người ta đã học cách tìm sự trưởng thành và sự thánh hóa trong việc kết hợp chiêm niệm với lao động. Cách thức sống lao động kiểu này khiến chúng ta chú tâm và tôn trọng môi trường hơn, làm cho mối liên hệ của chúng ta với thế giới thấm nhuần sự điều độ lành mạnh.

127. Chúng ta nói rằng “con người là tác giả, trung tâm và mục đích tất cả đời sống kinh tế-xã hội” [100]. Dù vậy, khi khả năng chiêm ngắm và tôn trọng bị hư hoại

nơi con người, các điều kiện liền được tạo ra để làm ý nghĩa lao động bị biến dạng [101]. Phải luôn nhớ rằng, con người có “khả năng trở thành tác nhân có trách nhiệm cho sự thoải mái vật chất của mình, cho tiến bộ luân lý và sự triển nở thiêng liêng của mình” [102]. Lao động phải là nơi của sự phát triển cá nhân đa dạng ấy, nơi nhiều chiều kích cuộc sống có liên quan: óc sáng tạo, sự phóng chiếu về tương lai, việc phát triển các khả năng, việc thực hành các giá trị, sự thông giao với kẻ khác, một thái độ thờ phượng. Vì thế, trong thực tế xã hội toàn cầu hiện thời, bên kia các lợi ích hạn chế của các doanh nghiệp và một tính hợp lý kinh tế đáng bàn cãi, “người ta cần tiếp tục xem việc mọi người có được việc làm là mục tiêu ưu tiên” [103].

128. Chúng ta được mời gọi lao động từ khi được tạo dựng. Người ta chớ tìm cách cho tiến bộ kỹ thuật ngày càng thay thế lao động con người, vì như thế, chính nhân tính sẽ hư hỏng. Lao động là một điều cần thiết, là một phần ý nghĩa của cuộc sống trên trái đất này, đường đi đến trưởng thành, phát triển con người và thể hiện bản thân. Trong chiều hướng ấy, giúp người nghèo tiền bạc phải luôn là một giải pháp tạm thời để đương đầu với những trường hợp khẩn cấp. Mục tiêu lớn nên luôn là giúp cho họ có một đời sống xứng đáng nhờ lao động. Thế nhưng chiều hướng kinh tế đã cổ vũ một kiểu tiến triển kỹ thuật nhằm giảm thiểu các chi phí sản xuất bằng cách giảm bớt các chỗ làm vốn được thay bằng máy móc. Đây là một minh họa thêm nữa về cách mà hoạt động của con người có thể quay ra chống lại chính họ. Việc giảm bớt chỗ làm “cũng có một tác động tiêu cực trên bình diện kinh tế ngang qua việc xói mòn dần dần “tư bản xã hội”, nghĩa là toàn bộ các liên hệ tín nhiệm, tin cậy và tôn trọng các quy tắc cần thiết cho mọi cuộc sống chung dân sự” [104]. Rốt cục, “*phí tổn con người cũng luôn là phí tổn kinh tế*, và những rối loạn chức năng kinh tế luôn kéo theo những phí tổn con người” [105]. Ngưng đầu tư vào con người để đạt lợi nhuận tức thời hơn là một chuyện kinh doanh rất xấu cho xã hội.

129. Để có thể tạo công ăn việc làm, cần kích thích một nền kinh tế cổ vũ sự đa dạng sản xuất và sự sáng tạo trong kinh doanh. Ví dụ có rất nhiều hệ thống cung cấp lương thực nông thôn với quy mô nhỏ đang tiếp tục nuôi sống phần lớn dân số toàn cầu, bằng cách sử dụng một tỷ lệ nhỏ đất lẫn nước, và ít sinh ra rác thải, dù đó là trên những mảnh ruộng lúa, vườn cây bé tí, hay đặc biệt nhờ săn bắn, hái lượm và đánh cá thủ công. Những nền kinh tế quy mô, đặc biệt trong lãnh vực nông nghiệp, rốt cục buộc các nông dân nhỏ phải bán đất hay phải bỏ lối canh tác truyền thống của họ. Những cố gắng của một số người để phát triển các hình thức sản xuất đa dạng khác, cuối cùng cũng nên vô ích vì gặp nhiều khó khăn trong việc bước vào các thị trường khu vực hay toàn cầu, hay vì hạ tầng cơ sở buôn bán và chuyên chở chỉ phục vụ cho các doanh nghiệp lớn. Các nhà chức trách có quyền và trách nhiệm đưa ra nhiều biện pháp để nâng đỡ rõ ràng và vững chắc cho các nhà sản xuất nhỏ và cho việc sản xuất đa dạng. Để có một tự do kinh tế mà tất cả mọi người thực sự hưởng được, đôi khi có thể cần đặt nhiều giới hạn cho những kẻ có nhiều phương tiện và quyền lực tài chính hơn. Một tự do kinh tế chỉ nói thật to đang khi các điều kiện thực tế lại ngăn chặn nhiều người tiếp cận nó cách cụ thể và chuyện có được việc làm trở nên xấu đi, thì tự do kinh doanh ấy trở thành một bài diễn văn mâu thuẫn, bôi nhọ chính trị. Hoạt động kinh doanh vốn là một ơn gọi cao quý hướng về việc sản xuất của cải và cải thiện thế giới cho mọi người, có thể là một cách thức rất phong phú để kích thích sự phát triển cho vùng nơi nó lập các dự án của

mình; nhất là khi người ta hiểu rằng việc tạo các chỗ làm là một phần không thể tránh của việc nó phục vụ công ích.

Canh tân sinh học từ việc nghiên cứu

130. Trong nhãn quan triết học và thần học về sự sáng tạo mà tôi đã tìm cách đề nghị, rõ ràng là con người, với lý trí và hiểu biết đặc thù của mình, không phải là một tác nhân bên ngoài, phải hoàn toàn bị loại bỏ. Tuy nhiên, dẫu con người có thể can thiệp lên thế giới thực vật và động vật và sử dụng chúng khi cần thiết cho sự sống của mình, sách *Giáo lý* dạy rằng các thí nghiệm trên thú vật đều chính đáng chỉ khi nào “chúng nằm trong các giới hạn hợp lý và góp phần vào việc chăm sóc hay cứu thoát nhân mạng” [106]. Sách *Giáo lý* mạnh mẽ nhắc lại rằng quyền lực con người có nhiều giới hạn và rằng “hành động làm đau đớn và giết thú vật một cách vô ích, đi ngược lại phẩm giá con người” [107]. Mọi việc sử dụng hay thí nghiệm “đòi buộc phải có một sự tôn trọng mang tính tôn giáo đối với sự toàn vẹn của tạo vật” [108].

131. Tôi muốn lấy lại ở đây lập trường quân bình của thánh Gioan-Phaolô II là nêu bật những thiện ích của các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vốn “biểu lộ sự cao quý của ơn gọi con người là tham gia cách có trách nhiệm vào hoạt động sáng tạo của Thiên Chúa trong thế giới”. Nhưng đồng thời ngài đã nhắc nhở rằng “không một sự can thiệp nào vào một lãnh vực của hệ sinh thái được miễn cho nó khỏi chú ý đến các hậu quả của nó trên những lãnh vực khác” [109]. Ngài từng nhấn mạnh rằng Giáo hội đánh giá cao sự đóng góp của “việc nghiên cứu và áp dụng sinh học phân tử, được bổ túc bằng nhiều môn khác như di truyền học và việc áp dụng nó như kỹ thuật trong nông nghiệp và công nghiệp” [110], cho dẫu ngài cũng quả quyết rằng “điều đó không được đưa đến một thao tác di truyền học bất phân biệt” [111], chẳng biết đến các hậu quả tiêu cực của những can thiệp ấy. Không thể nào kềm hãm sức sáng tạo của con người. Nếu người ta không thể cấm một nghệ sĩ phô bày khả năng sáng tác của mình, thì người ta cũng không thể ức chế những ai có nhiều khả năng đặc biệt để phát triển khoa học và kỹ thuật, tức là các khả năng Thiên Chúa đã ban để phục vụ tha nhân. Đồng thời người ta cũng không thể ngưng xác định luôn mãi hơn nữa các mục tiêu, các hiệu quả, bối cảnh và các giới hạn luân lý của hoạt động nhân loại ấy, vốn là một hình thức quyền lực bao hàm nhiều rủi ro cao.

132. Chính trong khung cảnh ấy mà ta nên đặt mọi suy tư chung quanh sự can thiệp của con người trên thực vật và động vật –mà hôm nay bao hàm nhiều biến đổi mang tính di truyền do công nghệ sinh học– trong mục đích khai thác các khả năng hiện diện trong thực tại vật chất. Việc đức tin tôn trọng lý trí đòi hỏi phải chú tâm đến cái mà chính khoa sinh học, được phát triển cách độc lập đối với lợi ích kinh tế, có thể chỉ dạy về các cơ cấu sinh học cũng như về các khả năng và các đột biến của chúng. Dù sao đi nữa, sự can thiệp chính đáng là sự can thiệp tác động lên tự nhiên “để giúp nó triển nở theo đường hướng của mình, đường hướng của sáng tạo, đường hướng do Thiên Chúa muốn” [112].

133. Thật khó để đưa ra một phán quyết chung về những phát triển trong việc chuyển đổi gen (OGM) thực vật hay động vật, cho những mục đích y học hay nông súc, vì chúng có thể rất khác nhau giữa chúng và đòi hỏi những cân nhắc khác nhau. Mặt khác, các nguy cơ không luôn luôn do chính kỹ thuật, nhưng do việc áp dụng nó không

thích hợp hay quá đáng. Trong thực tế, các đột biến gen đã thường và rất thường là do tự nhiên sinh ra. Ngay cả những đột biến do sự can thiệp của con người gây ra cũng không phải là một hiện tượng mới mẻ. Việc thuần dưỡng các động vật, việc lai giống giữa các loài và nhiều thực hành xa xưa mà được mọi người chấp nhận đều có thể đi vào trong những cân nhắc ấy. Phải nhớ rằng khởi điểm cho những phát triển khoa học về ngũ cốc chuyển đổi gen đã là việc quan sát một vi khuẩn sản xuất cách tự nhiên và tự động một thay đổi bộ gen của một thảo mộc. Nhưng trong thiên nhiên, các quá trình này có một nhịp điệu chậm, không thể so sánh với sự nhanh chóng mà các tiến bộ kỹ thuật hiện thời áp đặt, ngay cả khi các bước tiến này tiếp nối một sự phát triển khoa học của nhiều thế kỷ.

134. Dù thiếu những bằng chứng không thể bác bỏ về sự tổn thất mà các loài ngũ cốc chuyển gen có thể gây ra cho con người, và cho dù trong một vài vùng, việc sử dụng chúng là nguồn gốc cho một sự tăng trưởng kinh tế giúp giải quyết nhiều vấn đề, vẫn có nhiều khó khăn lớn lao không thể được tương đối hóa. Tại nhiều nơi, sau khi đưa vào những lối canh tác ấy, người ta nhận thấy một sự tập trung đất đai sản xuất vào tay một số ít người, do “việc biến mất dần dần những nhà sản xuất nhỏ; những người này, vì mất đất đai khai thác được, thấy mình bị buộc phải rút khỏi việc sản xuất trực tiếp” [113] Những người yếu đuối nhất trở thành những lao động bấp bênh, và nhiều công nhân nông nghiệp cuối cùng phải di trú đến những khu đô thị nghèo khổ. Việc mở mang diện tích các khu canh tác ấy phá hủy mạng lưới phức tạp của các hệ sinh thái, làm giảm đi sự đa dạng sản xuất và ảnh hưởng đến hiện tại lẫn tương lai của các nền kinh tế vùng. Trong nhiều nước, người ta thấy một xu hướng phát triển các thị trường độc quyền trong việc sản xuất các hạt giống và nhiều sản phẩm khác cần thiết cho việc trồng trọt chúng, và sự lệ thuộc còn trầm trọng hơn với việc sản xuất các hạt giống vô sinh mà cuối cùng buộc các nông dân phải mua chúng nơi các doanh nghiệp sản xuất.

135. Hẳn rằng cần có một sự chú tâm liên tục khiến ta xem xét mọi phương diện luân lý liên hệ. Vì thế cần phải bảo đảm một cuộc thảo luận khoa học và xã hội đầy trách nhiệm và rộng rãi, có khả năng quan tâm đến tất cả thông tin khả dụng và gọi sự vật theo đúng tên của chúng. Đôi khi, người ta không sử dụng mọi thông tin mà lại chọn lọc chúng theo những mối lợi riêng, mỗi lợi chính trị, kinh tế hay ý thức hệ. Từ đó khó đưa ra một đánh giá quân bình và thận trọng về những vấn đề khác nhau, bằng cách quan tâm đến mọi thông số có căn cứ. Cần phải có nhiều không gian thảo luận trong đó những ai, cách nào đó, có thể trực tiếp hay gián tiếp liên can (người trồng trọt, người tiêu thụ, các giới chức, các nhà khoa học, các người sản xuất hạt giống, các cư dân sống gần những cách đồng đã được xử lý và nhiều hạng người khác) có thể trình bày những vấn đề của họ hay tiếp cận được thông tin trọn vẹn và đáng tin để đưa ra nhiều quyết định có lợi cho công ích hiện tại và tương lai. Đây là một vấn đề môi trường phức tạp mà việc xử lý đòi hỏi một cái nhìn toàn vẹn dưới mọi phương diện của nó, và điều này ít nhất yêu cầu một nỗ lực lớn hơn để tài trợ các đường hướng nghiên cứu độc lập và liên ngành, có khả năng đem lại một ánh sáng mới mẻ.

136. Mặt khác, cũng khiến bận lòng việc một vài phong trào sinh thái vốn bảo vệ sự toàn vẹn của môi trường và đòi cách hợp lý một vài giới hạn cho việc nghiên cứu khoa học, đôi khi vẫn không áp dụng nguyên tắc ấy cho sự sống con người. Cách chung, người ta biện minh sự vượt qua mọi giới hạn khi làm nhiều thí nghiệm trên các

bào thai người còn sống. Người ta quên rằng giá trị bất khả nhượng của con người nằm bên kia cấp bậc phát triển của nó. Và lại, khi kỹ thuật bắt biết các nguyên tắc luân lý lớn lao, rốt cục sẽ coi bất cứ thực hành nào đều hợp pháp cả. Như chúng ta đã thấy trong chương này, kỹ thuật tách rời luân lý sẽ khó có khả năng tự giới hạn quyền lực của mình.

CHƯƠNG BỐN

MỘT SINH THÁI HỌC TOÀN VỆN

137. Xét rằng mọi sự đều liên kết với nhau chặt chẽ, và các vấn đề hiện tại đòi buộc một cái nhìn biết đề ý đến mọi khía cạnh của cuộc khủng hoảng toàn cầu, giờ tôi đề nghị chúng ta hãy dừng lại để nghĩ đến các thành tố khác nhau của một *sinh thái học toàn vẹn*, vốn rõ ràng có nhiều chiều kích nhân loại và xã hội.

I. SINH THÁI HỌC MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

138. Sinh thái học nghiên cứu các liên hệ giữa các cơ thể sống và môi trường nơi chúng phát triển. Điều này đòi hỏi phải ngồi lại để suy nghĩ và bàn thảo một cách thành thật các điều kiện sống và sống còn của một xã hội, để đặt lại vấn đề các mô hình phát triển, sản xuất và tiêu thụ. Không thừa khi nhấn mạnh sự kiện tất cả đều liên kết với nhau. Thời gian và không gian không độc lập với nhau, thậm chí các nguyên tử và các hạt cơ bản cũng không thể được xem xét riêng biệt. Y như mọi thành tố khác nhau của hành tinh – vật lý, hóa học và sinh học – liên kết với nhau, thì các loài sinh vật cũng làm thành một mạng lưới mà chúng ta chưa bao giờ ngưng nhận biết và hiểu rõ. Một phần lớn thông tin di truyền của chúng ta được chia sẻ bởi nhiều sinh vật. Vì thế tại sao các kiến thức phân mảnh và riêng lẻ có thể trở thành một hình thức dốt nát, nếu như chúng từ chối hội nhập vào một cái nhìn rộng rãi hơn về thực tại.

139. Khi nói “môi trường”, người ta đặc biệt ám chỉ một mối liên hệ vốn có giữa thiên nhiên và xã hội đang ở nơi đó. Điều này ngăn cản chúng ta quan niệm thiên nhiên như tách biệt khỏi chúng ta hay chỉ như một khung cảnh đơn giản của cuộc sống mình. Chúng ta bao gồm trong nó, là một phần của nó và chẳng chệch với nó. Các lý do khiến một nơi nào đó bị ô nhiễm đòi buộc một phân tích về sự vận hành của xã hội, kinh tế của nó, thái độ của nó và các cách hiểu của nó về thực tại. Xét vì tầm mức rộng lớn của những thay đổi, không còn có thể tìm ra một câu trả lời riêng biệt và độc lập cho mỗi phần của vấn đề. Điều cơ bản là tìm kiếm nhiều giải pháp toàn vẹn vốn chú ý đến các tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với nhau và với các hệ thống xã hội. Không có hai cơn khủng hoảng tách biệt nhau, một của môi trường và một của xã hội, nhưng chỉ có một cơn khủng hoảng xã hội-môi trường duy nhất và phức tạp. Những khả năng giải quyết đòi hỏi một sự tiếp cận trọn vẹn để chiến đấu với nghèo đói, để trả lại phẩm giá cho những kẻ loại trừ và đồng thời để bảo tồn thiên nhiên.

140. Vì các yếu tố phải quan tâm có số lượng lớn và sự đa dạng, nên khi xác định tác động của một sáng kiến cụ thể trên môi trường, cần phải trao cho những nhà nghiên cứu một vai trò trội vượt và dễ dàng hóa sự tương tác giữa họ, trong một sự tự do tìm hiểu lớn lao. Các nghiên cứu lâu bền này cũng nên giúp thừa nhận rằng làm sao các tạo vật khác nhau liên kết và tạo thành các đơn vị lớn hơn mà ngày nay chúng ta gọi là các “hệ sinh thái”. Chúng ta quan tâm đến chúng, không phải để xác định việc sử dụng chúng cách hợp lý, nhưng vì giá trị nội tại của chúng, độc lập với việc sử dụng này. Y như mỗi cơ thể tự thân đều tốt đẹp và đáng ca ngợi, vì đó là một sáng tạo của Thiên Chúa, thì cũng thế về toàn bộ hài hòa của các cơ thể trong một không gian xác định vốn hoạt động như một hệ thống. Cho dù không ý thức về điều đó, chúng ta vẫn lệ thuộc tổng thể này trong cuộc sống của chúng ta. Phải nhớ rằng các hệ sinh thái can thiệp vào việc bắt lấy khí điôxít cacbon, vào việc tẩy sạch nước, việc kiểm soát các bệnh tật và bệnh dịch, việc hình thành đất đai, việc phân hủy rác thải và vào nhiều dịch vụ khác mà chúng ta quên hay không biết. Nhiều người, để ý điều đó, tái khởi sự ý thức sự kiện chúng ta sống và hoạt động từ một thực tại đã được ban trước cho chúng ta, trước cả các khả năng và cuộc sống của chúng ta. Vì thế khi người ta nói đến một “việc sử dụng lâu dài”, phải luôn bao hàm trong đó khả năng tái tạo mỗi một hệ sinh thái trong nhiều lãnh vực và phương diện khác nhau của nó.

141. Mặt khác, sự tăng trưởng kinh tế đưa đến việc sản xuất nhiều thiết bị tự

động và đến việc “đồng nhất hóa” nhằm đơn giản hóa các thủ tục và giảm bớt các phí tổn. Vì thế cần một sinh thái học kinh tế, có khả năng buộc xem xét thực tại một cách rộng rãi hơn. Thật thế, “việc bảo vệ môi trường phải là thành phần của tiến trình phát triển và không thể được xét một cách đơn độc” [114]. Nhưng đồng thời, hiện nay cần phải có gấp một thuyết nhân bản tự thân biết nại đến nhiều kiến thức khác nhau, kể cả khoa kinh tế học, để có một cái nhìn tròn vẹn và bao quát. Ngày nay, việc phân tích các vấn đề môi trường không tách rời việc phân tích các bối cảnh con người, gia đình, lao động, đô thị và sự liên hệ của mỗi người với chính mình, mỗi liên hệ này sinh ra một cách thức xác định để đi vào liên hệ với kẻ khác và với môi trường. Có một liên hệ qua lại giữa các hệ sinh thái và giữa các lãnh vực khác nhau của tương tác xã hội, và như thế, một lần nữa ta thấy “toàn thể cao hơn thành phần” [115]

142. Nếu mọi sự đều liên kết với nhau, tình trạng các cơ chế của một xã hội cũng có nhiều hậu quả lên môi trường và lên phẩm chất cuộc sống con người : “Mọi tác hại đến sự liên đới và tình công dân đều gây nhiều tổn thất cho môi trường” [116]. Theo nghĩa này, sinh thái học xã hội cần phải có cơ chế và dần dần đạt đến những chiều kích khác nhau, đi từ nhóm xã hội sơ đẳng, gia đình, ngang qua cộng đồng địa phương và quốc gia, tới đời sống quốc tế. Bên trong mỗi một mức độ xã hội và giữa chúng với nhau, phát triển các định chế điều chỉnh các các liên hệ con người. Tất cả những gì làm tổn hại chúng đều có nhiều hậu quả tai hại, như đánh mất sự tự do hay gây ra bất công và bạo lực. Nhiều quốc gia theo nhau trên một mức độ cơ chế bấp bênh, với cái giá là khổ đau của quần chúng và vì ích riêng của những kẻ thu lợi từ tình trạng ấy. Trong nền hành chánh quốc gia cũng như trong nhiều biểu hiệu khác nhau của xã hội dân sự hay trong những liên lạc giữa công dân, người ta cũng rất thường nhận thấy nhiều thái độ tách xa lẽ luật. Những lẽ luật này có thể được viết đúng, nhưng vẫn thường là chữ chết. Người ta lúc ấy phải chăng có thể hy vọng rằng pháp chế và các qui tắc liên hệ tới môi trường thực sự có hiệu quả? Chẳng hạn chúng ta biết nhiều quốc gia, có một pháp chế rõ ràng để bảo vệ các cánh rừng, tiếp tục là những nhân chứng câm lặng cho việc thường xuyên vi phạm các lẽ luật đó. Ngoài ra, điều diễn ra trong một miền lại trực tiếp hay gián tiếp gây nhiều ảnh hưởng lên các miền khác. Chẳng hạn việc tiêu thụ ma túy trong các xã hội giàu sang gây nên một yêu cầu thường xuyên hay tăng dần về các sản phẩm ấy từ các vùng nghèo đói, nơi mà các lỗi ứng xử bị hủ hóa, nhiều cuộc sống bị hủy hoại và nơi mà môi trường cuối cùng bị suy thoái.

II. SINH THÁI HỌC VĂN HÓA

143. Cùng với gia sản thiên nhiên, có một gia sản lịch sử, nghệ thuật và văn hóa cũng bị hăm dọa. Nó làm nên căn tính chung của một nơi và là một nền tảng để xây dựng một thành phố có thể ở được. Đây không phải là vấn đề tàn phá hay xây dựng nhiều thành phố mới tự cho là mang tính sinh thái hơn song lại chẳng luôn dễ sống. Phải lưu tâm đến lịch sử, văn hóa và kiến trúc của một nơi, để duy trì căn tính nguyên thủy của nó. Vì thế sinh thái học cũng giả thiết việc bảo tồn các tài sản văn hóa của nhân loại theo nghĩa rộng của từ này. Cách trực tiếp hơn, việc đó đòi hỏi người ta chú ý tới các nền văn hóa địa phương khi phân tích các vấn đề liên hệ đến môi trường, bằng cách làm cho ngôn ngữ khoa học-kỹ thuật đối thoại với ngôn ngữ bình dân. Chính văn hóa, không những theo nghĩa các đài kỷ niệm của quá khứ, nhưng nhất là theo nghĩa sinh động, năng động và chia sẻ của nó, không thể bị loại trừ khi người ta nghĩ lại về

tương quan giữa con người với môi trường.

144. Cái nhìn duy tiêu thụ của con người, được khuyến khích bởi mớ bong bong của nền kinh tế toàn cầu hóa hiện thời, có xu hướng đồng nhất hóa các nền văn hóa và làm yếu đi sự đa dạng văn hóa bao la vốn là một kho tàng của nhân loại. Vì thế, chủ trương giải quyết mọi khó khăn thông qua các quy định giống nhau hay các can thiệp kỹ thuật, sẽ dẫn đến việc coi thường tính phức tạp của các vấn đề địa phương, vốn đòi hỏi sự can thiệp tích cực của các công dân. Những tiến trình mới hiện hành không luôn luôn có thể hội nhập vào nhiều lược đồ được thiết lập từ bên ngoài, nhưng phải đi từ chính nền văn hóa địa phương. Vì cuộc sống và thế giới rất năng động, nên việc bảo tồn thế giới cũng phải uyển chuyển và năng động. Các giải pháp thuần túy kỹ thuật gặp mỗi nguy là chỉ chú tâm đến những triệu chứng vốn không phản ánh các vấn đề sâu xa nhất. Cần phải bao gồm trong đó viễn ảnh các quyền của những đám dân lẫn những nền văn hóa, và như thế thì phải hiểu rằng việc phát triển một nhóm xã hội giả thiết một tiến trình lịch sử trong một bối cảnh văn hóa, và đòi hỏi từ phía các tác nhân xã hội địa phương một sự dân thân liên tục ở hàng đầu, *khởi từ văn hóa của riêng họ*. Ngay cả ý niệm phẩm chất cuộc sống cũng không thể được áp đặt, nhưng phải được quan niệm bên trong thế giới các biểu tượng và các thói quen riêng của mỗi nhóm người.

145. Nhiều hình thức tập trung cao nhằm khai thác và phá hoại môi trường, không những có thể làm cạn kiệt các tài nguyên sinh tồn của địa phương, mà cũng làm kiệt quệ những khả năng xã hội vốn đã cho phép một kiểu sống mà trong một thời gian dài, đã đem lại một căn tính văn hóa cũng như một ý nghĩa cho cuộc sống và sự sống chung. Việc biến mất một nền văn hóa cũng có thể nghiêm trọng hay nghiêm trọng hơn việc biến mất một loài động vật hay thực vật. Việc áp đặt một kiểu sống mang tính bá chủ liên kết với một cách sản xuất có thể còn tai hại hơn là việc biến đổi các hệ sinh thái.

146. Trong chiều hướng ấy, cần phải đặc biệt chú ý đến các cộng đồng bản địa và đến các truyền thống văn hóa của họ. Họ không làm thành một thiểu số đơn giản giữa bao nhóm người khác, nhưng phải trở thành những người đối thoại chính yếu, nhất là khi người ta phát triển các dự án lớn lao đụng chạm đến các không gian của họ. Thật thế, đối với các cộng đồng ấy, đất đai không phải là một tài sản kinh tế, nhưng là một hồng ân của Thiên Chúa và của tổ tiên họ đang an nghỉ tại đó, một không gian thiêng thánh, mà cùng với nó, họ cần tương tác để duy trì căn tính và các giá trị của mình. Khi ở trên các mảnh đất của mình, thì chính họ bảo tồn chúng tốt hơn cả. Tuy nhiên, tại nhiều phần trên thế giới, họ là đối tượng bị áp lực lìa bỏ đất đai của mình để bỏ không chúng cho nhiều dự án khai thác cũng như cho nhiều dự án nông nghiệp và ngư nghiệp vốn không chú tâm đến sự suy thoái thiên nhiên và văn hóa.

III. SINH THÁI HỌC CỦA ĐỜI SỐNG HẰNG NGÀY

147. Để nói đến một sự phát triển đích thực, phải bảo đảm thực hiện một sự cải thiện toàn vẹn trong phẩm chất sống của con người; và điều đó bao hàm việc phân tích không gian nơi con người đang sống. Khung cảnh bao quanh chúng ta ảnh hưởng trên cách chúng ta nhìn cuộc sống, cảm thức và hành động. Đồng thời, trong căn phòng, trong ngôi nhà của chúng ta, trên nơi làm việc và trong khu phố chúng ta, chúng ta sử dụng môi trường để diễn tả căn tính của mình. Chúng ta cố gắng thích ứng với môi

trường, và khi một môi trường trở nên mất trật tự, hỗn loạn hay bị ô nhiễm thì giác và thính giác, thì những kích thích quá đáng ấy thách thức chúng ta nỗ lực xây dựng một căn tính hòa nhập và hạnh phúc.

148. Thật đáng khen ngợi sức sáng tạo và lòng quảng đại của những người cũng như những nhóm có khả năng vượt lên các giới hạn của môi trường, bằng cách thay đổi các hậu quả tiêu cực của những điều kiện chung quanh và bằng cách học định hướng cuộc sống của họ giữa bấp bênh và hỗn độn. Ví dụ trong một vài nơi, mặt tiền các ngôi nhà bị hư hỏng nặng, vẫn có nhiều người, với lắm tự hào, chăm sóc kỹ nội thất của họ, hoặc cảm thấy dễ chịu vì sự chân thành và tình thân hữu của dân chung quanh. Cuộc sống xã hội tích cực và tốt đẹp của cư dân tỏa lan một ánh sáng trên một môi trường xem ra bất lợi. Đôi khi sinh thái học nhân bản mà những người nghèo có thể phát triển giữa biết bao giới hạn như thế thật đáng khen ngợi. Cảm giác ngột thở, sinh ra do việc chong chát cư dân trong nhiều chỗ ở và nhiều không gian mật độ cao, có thể được cân bằng nếu các liên hệ con người giữa những láng giềng sống chung được phát triển, nếu các cộng đoàn được tạo lập, nếu các giới hạn của môi trường được bù trừ trong mỗi con người vốn cảm thấy mình được đưa vào trong một mạng lưới hiệp thông và tương thuộc. Với cách thức ấy, bất cứ nơi nào cũng thôi là một hỏa ngục mà trở thành khung cảnh cho một cuộc sống xứng đáng.

149. Cũng rõ ràng là sự thiếu thốn cực độ mà người ta cảm nhận trong một vài nơi thiếu sự hòa hợp, không gian và những khả năng hội nhập, dễ khiến xuất hiện những thái độ bất nhân và việc thao túng con người bởi các tổ chức tội phạm. Đối với cư dân của các khu phố quá nghèo, việc mỗi ngày đi từ cảnh chen chúc sang sự vô danh xã hội—điều được cảm nghiệm trong các thành phố lớn— có thể gây nên cảm giác bị bật rễ, dễ có những thái độ chống xã hội và bạo lực. Tuy nhiên, tôi muốn nhấn mạnh đến sự kiện này là tình yêu mạnh hơn. Trong các điều kiện như thế, nhiều người có khả năng dệt những mối liên hệ tương thuộc và đồng cư, vốn biến đổi sự chen chúc thành cảm nghiệm cộng đồng, nơi nhiều bức tường của cái tôi bị phá vỡ và các rào cản của ích kỷ bị vượt qua. Chính kinh nghiệm cứu độ cộng đoàn này thường gây nên óc sáng tạo để cải thiện một tòa nhà hay một khu phố. [117].

150. Vì lẽ có tương quan giữa không gian và thái độ của con người, những ai dự tính xây dựng các tòa nhà, các khu phố, các không gian công cộng và các đô thị, cần có sự đóng góp của nhiều bộ môn giúp hiểu được các tiến trình, các biểu tượng và các thái độ của con người. Việc đi tìm cái đẹp của công trình dự tính không đủ, vì việc phục vụ một kiểu đẹp khác còn quý hơn: phẩm chất cuộc sống con người, sự thích nghi của họ với môi trường, việc gặp gỡ và tương trợ. Cũng vì thế mà các viễn ảnh của các công dân phải luôn bổ túc cho sự phân tích việc qui hoạch đô thị.

151. Cần phải chăm sóc các nơi công cộng, khung ngắm nhìn và các tín hiệu đô thị vốn gia tăng ý thức tương thuộc, cảm giác bám rễ và cảm thức “ở nhà” của chúng ta, trong cái thành phố đang cho chúng ta trú ngụ và kết hợp chúng ta lại. Các phần khác nhau của một thành phố cần phải được hòa nhập thật tốt và các cư dân phải có được một cái nhìn toàn cảnh, thay vì tự đóng kín mình trong một khu phố, từ chối sống cả thành phố như một không gian thực sự chia sẻ với những người khác. Mọi sự can thiệp vào cảnh quan đô thị hay thôn quê nên chú ý rằng các yếu tố khác nhau của một nơi làm nên một tổng thể được các cư dân cảm nhận như một khung cảnh liên kết chặt chẽ và

phong phú ý nghĩa. Như thế, những kẻ khác thôi làm người xa lạ và có thể tự cảm thấy thuộc về cái “chúng tôi” mà chúng ta đang cùng nhau xây dựng. Cũng vì lý do đó, trong môi trường thành phố cũng như môi trường đồng quê, nên bảo tồn một vài nơi tránh được những sự can thiệp của con người vốn thường xuyên biến đổi chúng.

152. Việc thiếu chỗ ở là chuyện trầm trọng tại nhiều phần của thế giới, vừa trong các vùng thôn quê vừa trong các thành phố lớn, vì ngân sách nhà nước thường chỉ bảo lãnh cho một phần nhỏ nhu cầu. Không những kẻ nghèo mà một phần lớn xã hội cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng để có được chỗ ở cho riêng mình. Việc sở hữu một căn hộ liên hệ chặt chẽ với phẩm giá của con người cũng như sự phát triển của các gia đình. Đây là một vấn đề trung tâm của sinh thái học nhân bản. Nếu nhiều khối hỗn loạn những ngôi nhà tạm bợ đã phát triển tại một nơi, thì vấn đề quan trọng là đô thị hóa các khu phố ấy, chứ không phải là tiêu hủy hay tổng xuất. Khi những người nghèo sống trong nhiều vùng ngoại ô ô nhiễm hay trong nhiều khối gia cư nguy hiểm, “nếu người ta phải tiến hành giải tỏa họ [...], thì để khỏi chồng chất thêm đau khổ, cần phải cung cấp trước một thông tin thích ứng, đưa ra nhiều chọn lựa về chỗ ở xứng đáng và trực tiếp bao hàm những người có liên hệ” [118]. Đồng thời óc sáng tạo nên hướng đến việc hội nhập các khu phố tạm bợ vào trong một thành phố niềm nở. “Đẹp dường nào các thành phố tốt biết vượt qua sự nghi ngờ bệnh hoạn và hội nhập những kẻ khác biệt nhau, biết biến sự hội nhập ấy thành một tác nhân mới cho sự phát triển. Đẹp biết bao những thành phố mà ngay cả trong kiến trúc của mình, đầy nhiều không gian tập hợp, tạo liên hệ và cổ vũ việc chấp nhận người khác” [119].

153. Phẩm chất cuộc sống trong thành phố liên hệ chặt chẽ với việc chuyên chở, vốn thường là một nguyên nhân gây nhiều đau khổ lớn lao cho các cư dân. Trong các thành phố, lưu thông nhiều chiếc ô-tô chỉ một hay hai người dùng. Điều này khiến cho việc giao thông ra khó khăn, mức ô nhiễm nâng cao, nhiều khối năng lượng bất tái tạo được tiêu thụ, và việc xây dựng nhiều đường xe phụ cũng như nhiều chỗ đậu xe tỏ ra cần thiết, làm hại cho mảng đô thị. Nhiều chuyên gia đồng ý rằng phải ưu tiên cho việc chuyên chở công cộng. Nhưng vài biện pháp cần thiết sẽ được chấp thuận cách hòa bình nhưng vất vả bởi xã hội nếu không cải thiện thực sự kiểu chuyên chở này, vì trong nhiều thành phố, nó đồng nghĩa với việc đối xử tệ hại với con người do sự lèn chặt, do những khó chịu hay do tần suất yếu của các dịch vụ và do sự mất an ninh.

154. Việc thừa nhận phẩm giá đặc biệt của con người nhiều lần nghịch lại với cuộc sống hỗn loạn mà con người phải trải qua trong các thành phố của chúng ta. Nhưng điều này chớ làm ta khỏi chú ý đến tình trạng bị bỏ rơi và quên lãng mà một số cư dân vùng thôn quê phải chịu, nơi các dịch vụ thiết yếu không đến, và nơi có nhiều công nhân bị đẩy vào tình trạng nô lệ, không có quyền lợi cũng như những viễn ảnh cho một cuộc sống xứng đáng hơn.

155. Sinh thái học nhân bản cũng bao hàm một cái gì đó rất sâu xa: liên hệ giữa cuộc sống con người với lề luật luân lý khắc ghi trong bản tính riêng của nó, liên hệ cần thiết để có thể tạo nên một môi trường xứng đáng hơn. Đức Bênêđictô XVI từng xác quyết rằng có một “sinh thái học của con người” vì “con người cũng có một bản tính mà mình phải tôn trọng và không thể thao túng tùy thích” [120] Theo nghĩa này, phải công nhận rằng thân xác chúng ta đặt chúng ta liên hệ trực tiếp với môi trường và với các sinh vật khác. Việc chấp nhận tư thân như hồng ân của Thiên Chúa là cần để đón

nhận và chấp nhận trọn cả thể giới như hồng ân của Cha và như ngôi nhà chung; trong khi lô-gích thống trị tư thân trở thành một lô-gích, đôi khi tinh tế, là thống trị tạo vật. Việc học đón nhận thân xác của mình, chăm sóc nó và tôn trọng các ý nghĩa của nó, cần thiết cho một sinh thái học nhân bản đích thực. Việc nhấn mạnh giá trị tư thân trong nữ tính hay nam tính cũng cần thiết để có thể nhận ra chính mình trong việc gặp gỡ với kẻ khác mình. Theo cách ấy, có thể vui mừng đón nhận hồng ân đặc thù là tha nhân, nam hay nữ, công trình của Thiên Chúa Tạo hóa, và làm phong phú cho nhau. Vì thế, thái độ cho rằng “phải xóa đi sự khác biệt phái tính, vì nó chẳng còn biết đương đầu như thế nào” [121] là thái độ không lành mạnh” [121].

IV. NGUYÊN TẮC CÔNG ÍCH

156. Sinh thái học toàn vẹn không thể tách rời khái niệm công ích, một nguyên tắc giữ vai trò trung tâm và hợp nhất trong đạo đức xã hội. Chính “toàn bộ các điều kiện xã hội cho phép các nhóm cũng như từng thành viên đạt được sự trọn hảo của mình cách toàn diện hơn và dễ dàng hơn” [122].

157. Công ích giả định trước sự tôn trọng con người xét như con người với những quyền lợi cơ bản và bất chuyển nhượng nhằm phát triển nó trọn vẹn. Công ích cũng đòi hỏi sự sung túc xã hội và sự phát triển những nhóm trung gian khác nhau, dựa theo nguyên tắc bổ trợ. Giữa những nhóm này, gia đình đặc biệt nổi bật như tế bào căn bản cho xã hội. Cuối cùng, công ích đòi hỏi bình an xã hội, nghĩa là sự ổn định và an toàn của một trật tự nào đó, vốn không thể thực hiện được nếu chẳng có sự chú tâm đặc biệt đến công bình phân phối, thứ công bình mà nếu bị vi phạm luôn tạo nên bạo lực. Toàn thể xã hội – và trong nó, cách đặc biệt là Nhà nước – có trách nhiệm bảo vệ và thăng tiến công ích.

158. Trong những điều kiện hiện tại của xã hội toàn cầu, nơi có biết bao bất bình đẳng và luôn có thêm mãi những con người bị loại trừ, bị tước đi các nhân quyền cơ bản, nguyên tắc công ích lập tức trở thành như hậu quả lô-gích và không thể tránh khỏi, một lời kêu gọi tình liên đới và một chọn lựa ưu tiên đối với những kẻ nghèo khổ nhất. Chọn lựa này bao hàm việc rút ra các hậu quả từ mục đích sử dụng chung của cải trái đất, nhưng, như tôi đã cố gắng giải thích trong tông huấn *Evangelii Gaudium –Niềm Vui Tin Mừng* [123] – nó đòi buộc trước tiên phải xem xét tất cả phẩm giá vô biên của những người nghèo dưới ánh sáng của những xác tín đức tin sâu xa nhất. Chỉ cần nhìn thực tế thì hiểu rằng chọn lựa này hiện là một đòi hỏi đạo đức căn bản để thực hiện công ích cách hữu hiệu.

V. SỰ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC THỂ HỆ

159. Ý niệm công ích cũng bao hàm các thể hệ tương lai. Các cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã cho thấy cách sống sượng những hậu quả tai hại gây ra do sự bất biết một định mệnh chung mà những người đến sau chúng ta không thể bị loại khỏi. Nếu chẳng có sự liên đới giữa các thế hệ, thì người ta không còn có thể nào nói đến việc phát triển bền vững. Khi nghĩ tới tình trạng trong đó chúng ta để lại hành tinh cho những thế hệ tương lai, thì chúng ta bước vào một lô-gích khác, lô-gích về quà tặng nhưng không mà chúng ta nhận và chuyển. Nếu trái đất được ban cho chúng ta, chúng ta không còn có thể chỉ nghĩ theo một tiêu chuẩn hiệu năng và hiệu suất vì lợi ích cá nhân được. Chúng ta không nói đến một thái độ chọn lựa, nhưng đến một vấn đề công

lý cơ bản, vì trái đất mà chúng ta lãnh nhận cũng thuộc về những ai sẽ tới. Các Giám mục Bồ Đào Nha đã khuyến khích đảm nhận nghĩa vụ công bằng này: “Môi trường nằm trong lô-gích của việc đón nhận. Đó là món tiền vay mà mỗi thế hệ đón nhận và phải chuyển lại cho những thế hệ tiếp nối” [124]. Một sinh thái học toàn vẹn có viễn ảnh rộng rãi này.

160. Loại thế giới nào chúng ta muốn để lại cho những ai tiếp nối chúng ta, cho những con trẻ đang lớn? Câu hỏi này không những dính dáng đến môi trường cách biệt lập, vì người ta không thể đặt vấn đề cách từng mẩu. Khi tự hỏi về thế giới mà mình muốn để lại, chúng ta đặc biệt nói đến phương hướng chung của nó, ý nghĩa và các giá trị của nó. Nếu câu hỏi căn bản này chẳng được suy xét kỹ, tôi không tin rằng các mối quan tâm của chúng ta về môi sinh có thể đạt những hiệu quả có ý nghĩa. Nhưng nếu câu hỏi này được đặt ra với lòng can đảm, nó nghiệt ngã dẫn chúng ta đến nhiều câu hỏi khác rất trực tiếp: tại sao chúng ta bước qua thế giới này? tại sao chúng ta đến với cuộc sống này? tại sao chúng ta làm việc và chiến đấu? tại sao thế giới này cần đến chúng ta? Chính vì thế, không đủ khi nói rằng chúng ta phải lo lắng cho thế hệ tương lai. Cần ý thức rằng cái đang lâm nguy, đó chính là phẩm giá của chúng ta. Chính chúng ta là những người đầu tiên có lợi khi để lại một hành tinh ở được cho nhân loại kế tục mình. Đây là một bi kịch cho chính chúng ta, vì điều đó đặt ý nghĩa việc chúng ta đi qua trên trái đất này vào trong khủng hoảng.

161. Những dự đoán kiểu thuyết tai biến không còn có thể bị xem xét với sự khinh bỉ hay mỉa mai. Chúng ta có thể để lại cho các thế hệ sau quá nhiều đồng đồ nát, hoang mạc và dơ bẩn. Nhịp độ tiêu thụ, xài phí và hủy hoại môi trường đã vượt quá các khả năng của hành tinh, đến độ kiểu sống hiện thời, vì không thể bền vững, chỉ có thể dẫn đến nhiều tai họa, như thực tế đã xảy ra cách định kỳ trong nhiều vùng khác nhau. Việc giảm bớt các hậu quả của sự bất quân bình hiện tại tùy thuộc vào cái chúng ta sẽ làm ngay, nhất là nếu chúng ta nghĩ đến trách nhiệm mà những người sẽ phải gánh lấy các hậu quả tồi tệ rồi đây gán cho chúng ta.

162. Việc khó coi trọng thách đố ấy có liên hệ với một việc hư hoại đạo đức và văn hoá, vốn đi theo sự hư hoại môi trường. Con người nam nữ hậu tân thời (hiện đại) gặp nguy cơ thường trực là trở thành ích kỷ một cách sâu xa, và nhiều vấn đề xã hội liên hệ đến viễn quan ích kỷ hiện tại vốn chú trọng cái tức thời, đến các khủng hoảng trong liên hệ gia đình và xã hội, đến những khó khăn trong việc thừa nhận kẻ khác. Rất nhiều khi, có một sự tiêu thụ tức thời và quá đáng của cha mẹ gây cho con cái những khó khăn ngày càng nhiều trong việc tậu một ngôi nhà và lập một gia đình. Ngoài ra, việc chúng ta khó suy nghĩ một cách nghiêm túc đến các thế hệ tương lai gắn liền với việc chúng ta khó mở rộng quan niệm của mình về các lợi ích hiện thời và tưởng nghĩ về những người bị loại ra khỏi sự phát triển. Đừng chỉ nghĩ đến những người nghèo của tương lai, hãy nhớ tới những người nghèo trong hiện tại vốn có ít năm sống trên trái đất này và không thể tiếp tục chờ đợi. Vì thế, “bên kia một sự liên đới trung thực giữa các thế hệ, luân lý khẩn cấp đòi buộc tái khẳng định một sự liên đới ngay trong thế hệ này” [125].

CHƯƠNG NĂM

VÀI NÉT ĐỊNH HƯỚNG VÀ HOẠT ĐỘNG

163. Tôi đã tìm cách phân tích hoàn cảnh hiện tại của nhân loại, vừa trong các rạn nứt quan sát được trên hành tinh chúng ta đang trú ngụ, vừa trong các nguyên nhân nhân loại sâu xa hơn của việc suy thoái môi trường. Cho dù quan sát ấy về thực tại đã tự nó cho chúng ta thấy phải thay đổi chiều hướng, và gọi lên cho chúng ta một số hành động, nay chúng ta hãy cố vạch ra những đường nét chính của cuộc đối thoại có thể giúp chúng ta ra khỏi vòng xoáy của việc tự huỷ mà chúng ta đang chìm vào.

I. CUỘC ĐỐI THOẠI VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

164. Từ giữa thế kỷ mới rồi, sau khi đã vượt thắng nhiều khó khăn, người ta càng có xu hướng quan niệm hành tinh như một quê hương và nhân loại như một dân tộc cùng trú ngụ một ngôi nhà chung. Việc thế giới tương thuộc không chỉ có nghĩa là phải hiểu rằng các hậu quả tai hại của những kiểu sống, kiểu sản xuất và tiêu thụ đều ảnh hưởng đến tất cả mọi người, nhưng nhất là phải lo sao để các giải pháp được đưa ra trong một viễn cảnh toàn cầu, chứ không chỉ bảo vệ lợi ích của vài quốc gia. Sự tương thuộc buộc chúng ta phải nghĩ đến *một thế giới duy nhất, một dự phóng chung*. Nhưng chính trí tuệ mà người ta bày tỏ để phát triển kỹ thuật cách ẩn tượng, không dễ tìm ra nhiều hình thức hữu hiệu của việc quản lý quốc tế, để giải quyết các khó khăn trầm trọng của môi trường và xã hội. Để đương đầu với các vấn đề cơ bản vốn không thể giải quyết nhờ các hoạt động của từng đất nước đơn lẻ, cần phải có một sự đồng thuận toàn cầu dẫn đến chỗ, ví dụ vậy, chương trình hóa một nền nông nghiệp bền vững và đa dạng, phát triển nhiều hình thức năng lượng có thể tái tạo và ít ô nhiễm, cổ vũ một hiệu suất năng lượng tốt hơn, một sự quản lý thích đáng hơn các tài nguyên rừng và biển, bảo đảm nước uống được cho mọi người.

165. Chúng ta biết rằng công nghệ dựa trên các nhiên liệu hóa thạch rất ô nhiễm – nhất là than đá, nhưng cũng là dầu hỏa, và trong một mức độ ít hơn, là khí đốt – cần phải được thay thế dần và không chậm trễ. Bao lâu chưa có sự phát triển mạnh mẽ các năng lượng có thể tái tạo, thì được phép lựa chọn bên ít tai hại hơn và nài đến những

giải pháp tạm thời. Tuy nhiên, trong cộng đồng quốc tế, người ta không đi đến nhiều thỏa thuận đầy đủ về trách nhiệm của những ai phải gánh lấy phí tổn của việc chuyển đổi năng lượng. Các thập niên gần đây, những vấn đề môi trường đã làm nảy sinh một cuộc tranh luận công khai rộng rãi vốn đã làm lớn lên trong xã hội dân sự nhiều không gian cho nhiều cam kết và một sự tận tâm quảng đại. Chính trị và kinh doanh phản ứng chậm chạp, chưa ngang tầm những thách thức toàn cầu. Trong chiều hướng này, đang khi nhân loại của thời hậu kỹ nghệ có lẽ sẽ bị xem như một trong những nhân loại vô trách nhiệm nhất của lịch sử, phải hy vọng rằng nhân loại của đầu thế kỷ XXI sẽ có thể ở trong các kỷ ức, vì đã đảm nhận các trách nhiệm nặng nề của mình với lòng quảng đại.

166. Phong trào sinh thái toàn cầu đã làm một hành trình lâu dài, được phong phú hóa nhờ các nỗ lực của nhiều tổ chức xã hội dân sự. Không thể nêu danh ở đây mọi tổ chức này, cũng như vạch lại lịch sử những đóng góp của họ. Nhưng nhờ vào một sự dân thân mạnh mẽ mà các vấn đề môi sinh đã ngày càng hiện diện trên nhật ký công cộng và đã trở thành một lời mời thường xuyên hãy suy nghĩ lâu dài. Tuy nhiên, các hội nghị thượng đỉnh toàn cầu những năm gần đây về môi sinh đã không đáp ứng được các mong chờ, vì do thiếu quyết định chính trị, chúng đã không đạt được nhiều thỏa thuận chung thật sự có ý nghĩa và hữu hiệu về môi trường.

167. Nên nêu lên Hội nghị thượng đỉnh về Hành tinh trái đất tại Rio de Janeiro vào năm 1992. Hội nghị đã công bố rằng “con người là trung tâm của những lo lắng liên quan đến phát triển lâu dài” [126]. Lấy lại các yếu tố của Tuyên bố Stockholm (1972), hội nghị đã công nhận việc cộng tác quốc tế để bảo tồn hệ sinh thái của toàn thể trái đất, việc đòi buộc những ai gây nên ô nhiễm phải cáng đáng trách nhiệm kinh tế về nó; công nhận nghĩa vụ đánh giá tác động lên môi trường của mọi xí nghiệp hay dự án. Hội nghị đã đề ra mục tiêu ổn định việc tích tụ khí gây hiệu ứng nhà kính trong khí quyển, để đảo lộn xu hướng nung nóng toàn cầu. Hội nghị cũng đã phác thảo một nhật ký với một chương trình hành động và một thỏa ước về sự đa dạng sinh học, đã tuyên bố nhiều nguyên tắc về rừng. Cho dầu Thượng đỉnh này đã thật sự mang tính canh tân và tiên tri cho thời đại mình, các thỏa thuận cũng đã ít được đem ra thực hiện, vì đã không thiết lập cơ chế thích hợp nào để kiểm soát, để định kỳ xét lại và để chế tài trong trường hợp thiếu sót. Các nguyên tắc đề ra còn đòi nhiều phương tiện vừa hữu hiệu vừa uyển chuyển để vận dụng cụ thể.

168. Trong số các kinh nghiệm tích cực, người ta có thể kể đến, ví dụ, Thỏa ước Bâle về sự kiểm soát việc chuyển vận xuyên biên giới các chất thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng, với một hệ thống tuyên bố, tiêu chuẩn và kiểm tra; người ta cũng có thể kể đến Thỏa ước về việc buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, với những đoàn kiểm tra việc tôn trọng nó cách hiệu quả. Nhờ Thỏa ước Vienne về việc bảo vệ tầng ozon và việc vận dụng nó qua Tuyên bố Montréal lẫn các bản văn bổ sung, vấn đề khí quyển này mỏng dần xem ra đang đi vào giai đoạn giải quyết.

169. Về việc bảo vệ sự đa dạng sinh học và việc hoang mạc hoá, các tiến bộ kém rõ ràng hơn nhiều. Về việc biến đổi khí hậu, các tiến bộ tiêc thay lại quá kém cỏi. Việc giảm bớt các loại khí gây hiệu ứng nhà kính đòi hỏi sự chân thật, can đảm và trách nhiệm, nhất là từ các nước hùng mạnh nhất và gây ô nhiễm nhất. Hội nghị Liên Hiệp

quốc về việc phát triển lâu dài, được gọi là Rio+20 (Rio de Janeiro 2012), đã đưa ra một Tài liệu chung kết dài và vô hiệu. Các thương lượng quốc tế không thể tiến tới cách có ý nghĩa vì lập trường của các quốc gia đặt quyền lợi riêng trên công ích chung. Những người sẽ đau khổ vì các hậu quả mà chúng ta cố gắng che đậy, sẽ nhắc nhở việc thiếu lương tâm và trách nhiệm này. Trong khi Thông điệp này được soạn thảo, cuộc tranh luận đã đạt tới một cường độ đặc biệt. Chúng ta, những tin hữu, không thể ngưng cầu xin Thiên Chúa cho có nhiều bước tiến tích cực trong các cuộc thảo luận hiện thời, sao cho các thế hệ tương lai không phải đau khổ vì các hậu quả do những sự trì hoãn bất cần.

170. Một vài chiến lược thải ít các khí gây ô nhiễm tìm cách quốc tế hoá các phí tổn môi sinh, với nguy cơ áp đặt lên các nước có ít tài nguyên nhiều cam kết nặng nề về việc giảm thải khí, tương đương với những cam kết của các nước công nghiệp hóa nhất. Việc áp đặt các biện pháp ấy đem tới tai hại cho các nước cần được phát triển nhiều nhất. Như thế là thêm vào một sự bất công mới dưới chiêu bài bảo vệ môi sinh. Như luôn xảy ra, sợi dây bị đứt ở điểm yếu nhất của nó. Biết rằng các hậu quả của việc biến đổi khí hậu sẽ được cảm nhận lâu dài, cho dầu nhiều biện pháp chặt chẽ hiện đang được đưa ra, một số quốc gia tài nguyên nghèo nàn sẽ cần sự giúp đỡ để thích ứng với các hậu quả đã xảy ra và tác hại lên nền kinh tế của họ. Vẫn biết có nhiều trách nhiệm chung nhưng khác biệt, chỉ vì như các Giám Mục Bolivia đã nêu bật, “các nước đã hưởng một mức độ công nghiệp hóa cao, với giá thải nhiều khí gây hiện tượng nhà kính, có một trách nhiệm lớn hơn trong việc mang đến giải pháp cho các vấn đề họ đã gây nên” [127].

171. Chiến lược mua và bán “tín chỉ các-bon” có thể gây nên một hình thức đầu cơ mới, và điều này sẽ không phục vụ việc giảm thải khí gây ô nhiễm trên toàn cầu. Hệ thống này xem ra là một giải pháp nhanh và dễ, dưới dáng vẻ một cam kết nào đó đối với môi trường, nhưng không hề bao hàm một sự thay đổi triệt để ngang tầm vóc với các hoàn cảnh. Ngược lại, nó có thể trở thành một mảnh khố cho phép bênh đỡ sự tiêu thụ quá tải của một số quốc gia và khu vực.

172. Những nước nghèo cần ưu tiên loại bỏ sự khốn cùng và phát triển xã hội cho cư dân của họ; dầu họ phải phân tích mức độ tiêu thụ quá đáng của vài khu vực ưu đãi trong dân chúng và kiểm soát sự tham nhũng. Vẫn biết họ phải phát triển nhiều hình thức sản xuất năng lượng ít gây ô nhiễm hơn, nhưng để làm thế, họ phải có thể dựa vào sự trợ giúp của những nước đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, với cái giá ô nhiễm hiện tại của hành tinh. Việc trực tiếp khai thác năng lượng phong phú của mặt trời đòi hỏi thiết lập nhiều cơ chế và sự hỗ trợ, sao cho các nước đang phát triển có thể tiếp cận được việc chuyển giao công nghệ, sự trợ giúp kỹ thuật, các nguồn tài chánh, nhưng luôn bằng cách chú ý đến những điều kiện cụ thể, vì “người ta không luôn đánh giá cách thích đáng sự tương hợp của các cơ sở hạ tầng với bối cảnh mà vì đó chúng đã được sáng nghĩ ra” [128]. Các phí tổn sẽ thấp nếu người ta so sánh chúng với những nguy cơ của việc biến đổi khí hậu. Nhưng dầu sao trước tiên vẫn là một quyết định luân lý, dựa trên tình liên đới giữa mọi dân tộc.

173. Xét vì sự mỏng dòn yếu đuối của các thẩm cấp địa phương, cần phải có những thỏa ước quốc tế được tôn trọng để có thể can thiệp cách hữu hiệu. Các liên hệ giữa các quốc gia/nhà nước phải bảo toàn được chủ quyền của mỗi nước, nhưng cũng

thiết lập được nhiều con đường đồng thuận để tránh được những thảm họa địa phương mà cuối cùng cũng động đến cả thế giới. Hiện thiếu những khuôn khổ điều hòa chung vốn áp đặt nhiều bó buộc và ngăn chặn nhiều thủ đoạn không thể chấp nhận, như việc vài doanh nghiệp và vài quốc gia hùng mạnh chuyển vào những nước khác nhiều rác thải và nhiều công nghệ gây ô nhiễm cao.

174. Chúng ta cũng hãy kể đến hệ thống quản lý các đại dương. Thật thế, cho dù đã có nhiều thoả ước quốc tế và khu vực, sự rải rác và thiếu vắng các cơ chế quy định, kiểm soát và chế tài nghiêm khắc rốt cục phá hủy mọi cố gắng. Vấn đề gia tăng rác thải biển và việc bảo vệ các vùng biển vượt quá các biên giới quốc gia tiếp tục đưa ra một thách đố đặc biệt. Rốt cục, phải có một thoả thuận về các chế độ quản lý cho một loạt cái mà người ta gọi là “*gia sản chung toàn cầu*”.

175. Chính lô-gích vốn cản trở việc đưa ra những quyết định triệt để nhằm đảo ngược xu hướng đun nóng toàn cầu, cũng không cho phép đạt tới mục tiêu xóa bỏ sự nghèo khổ. Cần một phản ứng toàn cầu đầy trách nhiệm hơn mà đồng thời bao hàm cuộc chiến đấu để giảm thiểu sự ô nhiễm, và để phát triển các nước lẫn các vùng nghèo. Thế kỷ XXI, đang khi duy trì một hệ thống cai trị thuộc các thời đại đã qua, là sân khấu cho việc suy yếu quyền lực của các Nhà nước quốc gia, nhất là vì chiều kích kinh tế và tài chính mang tính xuyên quốc gia có khuynh hướng ưu thắng trên chính trị. Trong bối cảnh ấy, sự chín muồi các định chế quốc tế trở nên cần thiết, chúng phải mạnh hơn, được tổ chức cách hữu hiệu, với nhiều quan chức được chỉ định cách công bằng bởi thoả thuận giữa các chính phủ quốc gia, và được ban cho quyền lực trừng phạt. Như Đức Bênêđictô đã quả quyết theo chiều hướng mà học thuyết xã hội của Giáo hội đã khai triển: “Để cai quản nền kinh tế thế giới, để lãnh mạnh hóa những nền kinh tế lâm cơn khủng hoảng, để bảo động sự trầm trọng thêm của nó và những bất quân bình lớn hơn, để tiến hành việc giải giới toàn vẹn đáng ao ước, để đi tới an ninh lương thực và hoà bình, để bảo đảm việc bảo vệ môi trường và để điều tiết các dòng chảy di cư, cần có *gấp một quyền lực chính trị toàn cầu đích thực* như vị tiền nhiệm của tôi là Thánh Gioan XXIII đã phác thảo.” [129]. Trong viễn cảnh này, ngoại giao mang một tầm quan trọng chưa từng có, để cổ vũ các chiến lược quốc tế biết tiên liệu các vấn đề trầm trọng hơn mà cuối cùng tác động đến mỗi người.

II. CUỘC ĐỐI THOẠI NHẪM ĐẾN NHỮNG CHÍNH SÁCH QUỐC GIA VÀ ĐỊA PHƯƠNG MỚI

176. Có kẻ thắng người thua không những giữa các nước, mà còn ngay giữa các nước nghèo, nơi phải nhận dạng nhiều trách nhiệm khác nhau. Vì thế, những vấn đề liên quan tới môi trường và phát triển kinh tế không còn có thể đặt ra chỉ từ những khác biệt giữa các nước, nhưng đòi buộc người ta phải chú ý đến các chính sách quốc gia và địa phương.

177. Đối mặt với việc có thể sử dụng cách vô trách nhiệm các khả năng con người, thì việc kế hoạch hóa, phối hợp, theo dõi và trừng phạt là những chức năng bắt buộc của mỗi Nhà nước. Làm thế nào một xã hội chuẩn bị và bảo vệ tương lai của mình trong một bối cảnh có nhiều đổi mới kỹ thuật thường xuyên? Luật thiết lập các quy tắc cho những thái độ có thể chấp nhận dưới ánh sáng của công ích, là một nhân tố hoạt động như một điều hòa viên quan trọng. Các giới hạn mà một xã hội lãnh mạnh, trưởng

thành và công hiệu phải áp đặt thì gắn liền với việc tiên liệu, với thói thận trọng, với các sự điều chỉnh thích đáng, với sự chăm chú theo dõi việc áp dụng các quy tắc, với cuộc chiến thống tham nhũng, với những hành động kiểm soát hữu hiệu các hiệu quả không ao ước xuất phát từ các tiến trình sản xuất, và với sự can thiệp đúng lúc trước các nguy cơ khó tiên đoán hay tiềm tàng. Có một sự giải thích luật tăng dần nhằm giảm bớt những hậu quả gây ô nhiễm do hoạt động của các doanh nghiệp. Nhưng khuôn khổ chính trị và cơ chế không đứng đó chỉ để tránh các thực hành xấu, nhưng cũng để động viên các thực hành tốt, để kích thích óc sáng tạo vốn tìm nhiều con đường mới, để dễ dàng hóa các sáng kiến cá nhân và tập thể.

178. Bi kịch của “tính tức thời” chính trị, cũng được các đám dân sinh tiêu thụ ủng hộ, dẫn đến nhu cầu tạo ra sự tăng trưởng trong ngắn hạn. Đáp ứng những mối quan tâm trong bầu cử, các chính phủ không dễ dàng liều lĩnh làm phật lòng dân chúng với những biện pháp có thể tác động đến mức tiêu thụ hay gây nguy hiểm cho các cuộc đầu tư của ngoại quốc. Lô-gích thiên cận về quyền lực làm chậm lại việc đón nhận một nhật ký môi trường với những viễn cảnh rộng lớn trong nhật ký công của các chính phủ. Như thế người ta quên rằng “thời gian cao hơn không gian” [130], rằng chúng ta luôn luôn phong phú hơn khi chú tâm xây dựng các tiến trình hơn là chiếm lấy các không gian quyền lực. Sự vĩ đại chính trị tự tỏ lộ khi gặp những lúc khó khăn, người ta hành động theo những nguyên tắc lớn và bằng cách nghĩ đến công ích lâu dài. Rất khó cho quyền lực chính trị khi phải đảm nhận trách nhiệm ấy trong một dự án quốc gia.

179. Trong một vài nơi đang phát triển nhiều hợp tác xã để khai thác các năng lượng tái tạo, cho phép địa phương tự túc, thậm chí bán phần dư thừa. Ví dụ đơn sơ này cho thấy: trong khi trật tự hiện hành của thế giới tỏ ra không có khả năng gánh lấy các trách nhiệm, thì thẩm quyền địa phương có thể tạo điều khác biệt. Thật thế, ở mức độ này, người ta có thể gởi lên một trách nhiệm lớn hơn, một cảm thức cộng đồng mạnh mẽ, một khả năng bảo vệ đặc biệt và một óc sáng tạo nhiệt tình hơn, một tình yêu sâu xa đối với đất nước mình; cũng ở đây, người ta nghĩ đến cái mà mình để lại cho con cái cháu chắt. Những giá trị ấy bén rễ đáng kể trong các tầng lớp dân chúng bản địa. Xét rằng luật pháp đôi khi tỏ ra không đủ do thói nát, những quyết định chính trị cần phải được khích động do áp lực của quần chúng. Xã hội, thông qua nhiều cơ quan phi chính phủ và nhiều hiệp hội trung gian, phải buộc các chính quyền phát triển các quy tắc, các thủ tục và các kiểm soát gắt gao hơn. Nếu các công dân không kiểm soát quyền lực chính trị -quốc gia, vùng miền và thành phố- thì cũng không thể có việc kiểm soát các thiệt hại trên môi trường. Mặt khác, pháp chế của các thị thành có thể hữu hiệu hơn, nếu như có nhiều thỏa ước giữa các tầng lớp dân chúng lân cận để nâng đỡ các chính sách môi trường như nhau.

180. Người ta không thể nghĩ đến các cách thức đồng nhất, vì mỗi quốc gia hay vùng miền đều có nhiều vấn đề và giới hạn đặc thù. Cũng đúng là óc thực tế chính trị có thể đòi hỏi nhiều biện pháp và kỹ thuật chuyển tiếp, với điều kiện chúng luôn được đi kèm bởi dự án và bởi sự chấp thuận những cam kết tiệm tiến mang tính bó buộc. Nhưng ở mức độ quốc gia lẫn địa phương, vẫn còn nhiều việc để làm, tỉ như cổ vũ các hình thức tiết kiệm năng lượng. Điều này bao hàm việc tạo điều kiện cho những cách thức sản xuất kỹ nghệ có một hiệu quả năng lượng tối đa mà ít sử dụng nguyên liệu, rút khỏi thị trường các sản phẩm kém hiệu quả về mặt năng lượng hoặc gây ô nhiễm hơn. Chúng

ta cũng có thể kể đến một sự quản lý tốt đẹp các phương tiện vận tải hay các hình thức xây dựng hoặc sửa chữa những ngôi nhà mà giảm thiểu được việc tiêu thụ năng lượng của chúng hay mức độ ô nhiễm của chúng. Mặt khác, hoạt động chính trị địa phương có thể hướng về việc cải biến sự tiêu thụ, việc phát triển một sự tiết kiệm chất thải và sự tái chế, việc bảo vệ các giống loài và việc kế hoạch hóa một nền nông nghiệp đa dạng với sự luân phiên canh tác. Cũng có thể khuyến khích việc cải thiện nông nghiệp của những vùng nghèo khổ nhờ đầu tư vào các cơ sở hạ tầng nông thôn, vào việc tổ chức thị trường địa phương hay quốc gia, vào các hệ thống tưới tiêu, vào việc phát triển các kỹ thuật nông nghiệp lâu bền. Người ta có thể tạo thuận lợi cho các hình thức hợp tác hay tổ chức cộng đồng mà bảo vệ được các lợi ích của những nhà sản xuất nhỏ và phòng giữ các hệ sinh thái địa phương khỏi sự khai thác hủy hoại. Có biết bao việc mà người ta có thể làm!

181. Sự liên tục là cần thiết vì các chính sách liên quan đến việc thay đổi khí hậu và bảo vệ môi trường không thể thay đổi mỗi khi một chính phủ đổi thay. Các kết quả đòi hỏi nhiều thời gian và giả thiết nhiều phí tổn tức thời với nhiều hiệu quả sẽ không thấy rõ trong nhiệm kỳ của chính quyền liên hệ. Vì thế tại sao dù không có áp lực của dân chúng và của các định chế, vẫn sẽ luôn có sự chống đối phải can thiệp vào, nhất là khi có nhiều trường hợp khẩn cấp phải đương đầu. Việc một chính trị gia đảm nhận những trách nhiệm ấy với những phí tổn mà điều này bao hàm, việc đó không đáp ứng với lô-gích tính hiệu quả và tính tức thời của nền kinh tế cũng như với lô-gích của nền chính trị hiện hành; nhưng nếu ông ta dám làm, điều đó sẽ dẫn ông thừa nhận phẩm giá mà Thiên Chúa đã ban cho ông xét như con người, và ông sẽ để lại trong lịch sử một chứng từ về tinh thần trách nhiệm quảng đại. Phải gán một vị trí vượt trội cho một chính sách lành mạnh, có khả năng cải cách các định chế, phối hợp chúng với nhau và cấp ban cho chúng các thực hành tốt đẹp vốn giúp thắng vượt các áp lực và các sự ù lì kỳ quặc tai hại. Tuy nhiên, cần phải thêm rằng các cơ chế tốt nhất cuối cùng cũng chịu thua khi thiếu các mục đích lớn, các giá trị, một sự cảm thông nhân bản và phong phú ý nghĩa, vốn ban cho mỗi xã hội một chiều hướng cao quý và quảng đại.

III. ĐỐI THOẠI VÀ MINH BẠCH TRONG CÁC TIẾN TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH

182. Việc tiên liệu sự tác động lên môi trường của các sáng kiến và dự án đòi hỏi nhiều tiến trình chính trị minh bạch và được đề xuất từ đối thoại, trong khi tham nhũng thói nát vốn che giấu ảnh hưởng đích thực lên môi trường của một dự án để đòi lại những ân huệ, thường đưa đến nhiều thoả thuận xảo quyệt, những thỏa thuận mà người ta tránh đưa ra thông tin và tranh luận rộng rãi về chúng.

183. Một nghiên cứu về tác động lên môi trường không nên có sau việc xây dựng một dự án sản xuất hay bất cứ chính sách, kế hoạch hoặc chương trình phải thực hiện nào. Việc nghiên cứu ấy phải được chèn ngay từ đầu, được xây dựng theo cách đa khoa liên ngành, minh bạch và độc lập khỏi mọi áp lực kinh tế hoặc chính trị. Nó phải liên kết với việc phân tích các điều kiện lao động và các hiệu quả khả dĩ, nhất là trên sức khỏe thể lý và tinh thần của con người, trên kinh tế địa phương, trên sự an toàn. Như vậy các kết quả kinh tế sẽ có thể suy ra cách thực tế hơn, do để ý đến các kịch bản khả dĩ và tiên liệu sự cần thiết phải đầu tư lớn hơn để đối mặt với các hiệu quả không mong muốn mà có thể sửa chữa được. Luôn cần đi đến một thỏa thuận giữa các tác nhân xã

hội khác nhau, vốn có thể đưa ra nhiều quan điểm, nhiều giải pháp và nhiều thể đôi ngã khác biệt. Nhưng tại bàn thảo luận, cư dân địa phương phải có một vị trí ưu tiên, chính họ tự hỏi điều họ mong muốn cho mình lẫn cho con cái, và có thể cân nhắc các mục tiêu vượt quá lợi ích kinh tế tức thời. Phải ngưng nghĩ đến chuyện “can thiệp” vào môi trường để xây dựng những chính sách được cư mang và bàn thảo bởi mọi bên liên hệ. Việc tham gia đòi buộc tất cả mọi người đều được thông tin thích hợp về các khía cạnh khác biệt cũng như về các nguy cơ và khả năng khác nhau; nó không tự giới hạn trong quyết định ban đầu của một dự án, nhưng cũng liên hệ tới những hành động kiểm tra và theo dõi liên tục. Sự chân thành và chân thật đều cần thiết trong mọi cuộc tranh luận khoa học và chính trị, các tranh luận này không được giới hạn vào việc xem xét cái gì được luật pháp cho phép hay cấm chỉ.

184. Khi xuất hiện những nguy cơ cho môi trường, ảnh hưởng đến công ích hiện tại và tương lai, hoàn cảnh đó đòi buộc “các quyết định phải dựa trên việc đối chiếu những nguy cơ và những lợi nhuận có thể dự kiến cho mọi lựa chọn khả dĩ” [131]. Điều này đặc biệt có giá trị nếu một dự án có thể kéo theo việc gia tăng sử dụng những tài nguyên thiên nhiên, gia tăng những sự xả khí hay những đồ bỏ, gia tăng việc sản xuất rác thải hay một sự thay đổi rõ ràng cảnh quan, điểm phân bố của các loài được bảo vệ, hay thay đổi một không gian công cộng. Một số dự án không được phân tích đầy đủ có thể tác động sâu xa lên phẩm chất sống trong một môi trường vì nhiều lý do rất khác biệt, như ô nhiễm âm thanh không ngờ, giảm thiểu trường thị giác, đánh mất các giá trị văn hoá, các hậu quả của việc sử dụng năng lượng hạch tâm. Văn hoá duy tiêu thụ, vốn tạo ưu tiên cho sự ngắn hạn và cho tư lợi, có thể khuyến khích những thủ tục quá nhanh chóng hay cho phép che đậy thông tin.

185. Trong mọi cuộc tranh luận chung quanh một sáng kiến, một loạt câu hỏi nên được đặt ra để phân định xem sáng kiến đó sẽ cung cấp hay không một sự phát triển đích thật và toàn vẹn: Cho cái gì? Nhờ cái gì? Nơi nào? Khi nào? Cách thức nào? Cho ai? Đây là những nguy cơ? Với phí tổn nào? Ai sẽ chi trả các phí tổn và sẽ chi trả ra sao? Trong sự phân định này, một vài câu hỏi phải được ưu tiên. Ví dụ chúng ta biết nước là một tài nguyên hạn chế cần thiết, và việc tiếp cận nó là một quyền căn bản vốn điều kiện hóa việc thực thi các nhân quyền khác. Điều này là không thể nghi ngờ và nó điều kiện hóa mọi sự phân tích về ảnh hưởng môi trường của một vùng.

186. Tuyên bố Rio năm 1992 có khẳng định: “Trong trường hợp có nguy cơ gây những thiệt hại trầm trọng hay không thể đảo ngược, sự thiếu vắng xác tín khoa học tuyệt đối không được làm có để hoãn lại việc chấp thuận những biện pháp hữu hiệu” [132] vốn ngăn chặn sự xuống dốc của môi trường. Nguyên tắc phòng ngừa này cho phép bảo vệ những người yếu đuối nhất, vốn ít có phương tiện để tự vệ và dễ mang đến những chứng cứ không thể phủ nhận. Nếu thông tin khách quan dẫn đến việc tiên liệu một thiệt hại trầm trọng và không thể đảo ngược, mặc dầu chẳng có bằng chứng hiển nhiên, thì mọi dự án sẽ phải dừng lại hay thay đổi. Như thế, người ta đảo ngược sự buộc tội của bằng chứng, vì trong trường hợp ấy, phải đem đến một chứng minh khách quan và không thể bàn cãi rằng hoạt động được đề nghị sẽ không gây những thiệt hại trầm trọng cho môi trường hoặc cho cư dân sống ở đó.

187. Điều ấy không kéo theo việc phải chống lại mọi canh tân công nghệ cho phép cải thiện phẩm chất sống của dân chúng. Nhưng trong mọi trường hợp, phải luôn

xác lập được rằng khả năng sinh lợi không thể là yếu tố duy nhất để chú tâm vào, và rằng ngay khi xuất hiện những tiêu chuẩn phán đoán mới do sự tiến triển của thông tin, thì nên có một đánh giá mới với sự tham gia của các bên liên hệ. Kết quả cuộc khảo cứu sẽ có thể là quyết định không tiến tới trong một dự án, nhưng cũng có thể sửa đổi nó hay khởi thảo các đề nghị đòi chiều.

188. Trong một vài cuộc tranh luận về những vấn đề liên quan đến môi trường, khó đạt tới một đồng thuận. Một lần nữa tôi lặp lại rằng Giáo hội không có tham vọng phê phán các vấn đề khoa học, cũng chẳng thay thế chính trị, nhưng tôi mời gọi một cuộc tranh luận chân thành và minh bạch, để các nhu cầu riêng biệt và các ý thức hệ không làm tổn hại đến công ích.

IV. CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ TRONG CUỘC ĐỐI THOẠI VÌ SỰ VIÊN MÃN CỦA CON NGƯỜI

189. Chính trị không được từng phục kinh tế và kinh tế cũng không được từng phục các điều áp chế lẫn mô hình hiệu quả của kỹ trị. Ngày nay, khi nghĩ đến công ích, chúng ta hết sức cần thấy chính trị và kinh tế đối thoại với nhau để quyết tâm phục vụ cuộc sống, đặc biệt cuộc sống con người. Cứu nguy các ngân hàng bằng mọi giá, bằng cách bắt dân chúng trả tiền mà không có quyết tâm xem lại và canh tân hệ thống trong toàn bộ của nó, việc đó tái khẳng định một ảnh hưởng tuyệt đối của tài chính vốn chẳng có tương lai và sẽ chỉ có thể gây nên nhiều cơn khủng hoảng mới sau một cuộc chữa trị lâu dài, tốn kém và ngoại diện. Cuộc khủng hoảng tài chính các năm 2007-2008 từng là một cơ hội cho sự phát triển một nền kinh tế mới, chú tâm hơn đến các nguyên tắc luân lý, và cho việc điều hòa cách mới mẽ hoạt động tài chính đầu cơ lẫn sự giàu sang giả tạo. Nhưng đã không có phản ứng nào dẫn tới việc suy nghĩ lại các tiêu chuẩn lỗi thời nhưng vẫn tiếp tục chi phối thế giới. Việc sản xuất không luôn hợp lý và thường liên kết với nhiều biến số kinh tế vốn xác định cho các sản phẩm một giá trị thường không tương ứng với giá trị thật của chúng. Điều này thường đưa đến việc sản xuất thừa và vứt thứ hàng hóa, với một ảnh hưởng vô ích lên môi trường, đồng thời cũng gieo tai hại cho nhiều nền kinh tế khu vực. [133]. Bong bóng tài chính cũng thường là một bong bóng sản xuất. Cuối cùng, người ta không đương đầu cách mạnh mẽ với vấn đề xây dựng nền kinh tế đích thật vốn cho phép, ví dụ, việc sản xuất được đa dạng và cải thiện, các xí nghiệp hoạt động tốt, các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển và tạo được nhiều việc làm.

190. Trong bối cảnh ấy, phải luôn nhớ rằng “việc bảo vệ môi trường không thể chỉ được đảm bảo tùy theo tính toán tài chính về những phí tổn và lợi nhuận. Môi trường thuộc số các điều thiện hảo mà những cơ chế thị trường không có khả năng bảo vệ hay thăng tiến cách thích đáng” [134]. Một lần nữa phải tránh một quan niệm ma thuật về thị trường vốn khiến nghĩ rằng các vấn đề sẽ giải quyết được chỉ bằng cách gia tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp hoặc các cá nhân. Có thực tế không khi hy vọng rằng kẻ bị ám ảnh về lợi nhuận tối đa, sẽ nhả nha nghĩ đến các hậu quả của môi trường mà y sẽ để lại cho các thế hệ mai sau? Trong lược đồ lợi nhuận không có chỗ để nghĩ đến các nhịp điệu của thiên nhiên, đến các giai đoạn suy thoái và hồi sinh của nó, đến sự phức tạp của các hệ sinh thái vốn có thể bị thay đổi nặng nề do sự can thiệp của con người. Ngoài ra, khi nói đến đa dạng sinh học, người ta cũng lăm quan niệm nó như một dự trữ các tài nguyên kinh tế có thể khai thác, nhưng người ta không nghiêm túc

chú tâm đến giá trị thực của vạn vật, ý nghĩa của chúng đối với con người và các nền văn hoá, đến lợi ích và nhu cầu của người nghèo.

191. Khi người ta nêu lên các câu hỏi ấy, một số phản ứng bằng cách kết án những kẻ khác là chủ trương ngăn chặn cách vô lý sự tiến bộ và phát triển con người. Nhưng chúng ta phải tự thuyết phục mình rằng việc làm chậm một nhịp độ sản xuất và tiêu thụ nào đó có thể tạo ra nhiều hình thức tiến bộ và phát triển khác. Những cố gắng để khai thác các tài nguyên thiên nhiên cách lâu dài không phải là việc tiêu phí vô ích, nhưng là một sự đầu tư có thể sinh lợi nhuận kinh tế khác trong trung hạn. Nếu không đau khổ vì nhãn quan hạn hẹp, chúng ta có thể khám phá rằng sự đa dạng hóa một kiểu sản xuất mang tính cải tiến hơn và từ đó ít ảnh hưởng lên môi trường, có thể rất sinh lợi. Đây là vấn đề mở đường cho nhiều cơ hội thuận lợi khác nhau mà không bao hàm việc ngăn chặn óc sáng tạo của con người và giấc mơ tiến bộ của nó, nhưng hướng năng lực này theo những con đường mới mẻ.

192. Ví dụ một con đường phát triển sản xuất mang tính sáng tạo hơn và định hướng tốt hơn có thể sửa sai sự kiện là có một sự đầu tư kỹ thuật quá đáng cho tiêu thụ nhưng lại yếu kém để giải quyết các vấn đề còn lơ lửng của nhân loại; nó có thể tạo nhiều hình thức thông minh và sinh lợi hơn cho việc tái sử dụng, sử dụng đa chức năng và tái chế; nó cũng có thể cải thiện hiệu quả năng lượng của các thành phố. Việc đa dạng hoá sản xuất mở ra nhiều khả năng bao la cho sự thông minh của con người để sáng tạo và canh tân, đồng thời bảo vệ được môi trường và tạo thêm việc làm. Đó sẽ là một sự sáng tạo có khả năng làm tươi nở lại sự cao quý của con người, vì sẽ xứng đáng hơn nếu sử dụng sự thông minh, với dạn dĩ và trách nhiệm, để tìm được nhiều hình thức phát triển lâu dài và công minh, trong khuôn khổ một quan niệm rộng rãi hơn về phẩm chất cuộc sống. Ngược lại, sẽ kém xứng đáng, hời hợt và ít sức sáng tạo nếu tiếp tục tạo ra nhiều hình thức cướp phá thiên nhiên, chỉ để cung cấp nhiều khả năng mới cho việc tiêu thụ và thu lợi tức thời.

193. Dầu sao, nếu trong vài trường hợp, sự phát triển lâu dài sẽ lùi theo nhiều hình thức tăng trưởng mới; trong những trường hợp khác, đối mặt với việc gia tăng kiểu háu đói và vô trách nhiệm đã phát sinh suốt nhiều thập niên, cũng sẽ phải nghĩ tới việc đánh dấu một sự tạm dừng bằng cách đặt ra một vài giới hạn hợp lý, thậm chí phải quay lui trước khi quá trễ. Chúng ta biết rằng thái độ của những kẻ vốn tiêu thụ và phá hoại ngày càng nhiều thì không thể chấp nhận được, trong khi những người khác không thể sống xứng với nhân phẩm của họ. Vì thế đã đến lúc chấp nhận một sự giảm dần nào đó trong một vài vùng của thế giới, đem các tài nguyên sử dụng cho một sự tăng trưởng lành mạnh tại các vùng khác. Đức Bênêđictô XVI từng khẳng định rằng “các xã hội tiên tiến về mặt kỹ thuật phải sẵn sàng cổ vũ những thái độ giản dị hơn, giảm bớt nhu cầu năng lượng của mình và cải thiện các điều kiện sử dụng nó” [135].

194. Để những khuôn mẫu tiến bộ mới nổi lên, chúng ta phải “biến cải khuôn mẫu phát triển toàn cầu”, [136], điều này bao hàm việc suy nghĩ cách có trách nhiệm về “ý nghĩa của kinh tế và các mục tiêu của nó, để có thể sửa chữa những rối loạn chức năng và những sự mất quân bình của nó” [137] Hòa hợp sự bảo vệ thiên nhiên với lợi nhuận tài chính, hay bảo tồn môi trường với tiến bộ, không thiên vị bên nào thì chẳng đủ. Về các vấn đề ấy, những con đường trung đạo chỉ làm chậm lại sự đổ vỡ một chút. Vấn đề đơn giản là tái định nghĩa sự tiến bộ. Một sự phát triển kỹ thuật và kinh tế

không để lại một thế giới tốt đẹp hơn và một phẩm chất sống cao cách toàn vẹn thì không thể gọi là một tiến bộ. Mặt khác, phẩm chất sống thực sự của con người thường bị giảm đi -do việc suy thoái môi trường, phẩm chất kém của các sản phẩm lương thực hay sự cạn kiệt một số tài nguyên- trong một bối cảnh tăng trưởng kinh tế. Trong khuôn khổ này, diễn từ về việc tăng trưởng lâu bền thường trở thành một phương tiện gây đáng trí và biện minh vốn nhốt kín các giá trị của diễn từ sinh thái trong lô-gich của tài chính và kỹ thuật ; trách nhiệm xã hội và môi trường của các doanh nghiệp thường được giản lược vào một loạt hành động tiếp thị và một loạt hình ảnh.

195. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận, vốn có khuynh hướng tách mình khỏi mọi lưu tâm khác, là một sự vận vẹo khái niệm kinh tế: nếu sản xuất gia tăng, thì không quan trọng việc nó thực hiện với cái giá của tài nguyên tương lai hay sức khỏe của môi trường; nếu việc khai thác một khu rừng làm tăng việc sản xuất, thì trong tính toán này không ai đo lường sự mất mát bao hàm trong việc hoang hoá đất đai, trong thiệt hại gây ra cho sự đa dạng sinh học hay trong sự gia tăng ô nhiễm. Điều đó muốn nói rằng các doanh nghiệp đạt được nhiều lợi nhuận bằng cách tính toán và trả một phần rất nhỏ phí tổn. Chỉ có thể xem là đạo đức một thái độ trong đó “các phí tổn kinh tế và xã hội xuất phát từ việc sử dụng tài nguyên chung được xác định cách minh bạch và hoàn toàn được gánh chịu bởi những ai hưởng lợi chúng, chứ không phải bởi các giới dân chúng khác hay bởi các thế hệ tương lai” [138]. Lối lý luận mang tính dụng cụ, vốn chỉ đưa ra một phân tích tĩnh về thực tại theo các nhu cầu của tình thế, cũng hiện diện khi chính thị trường xác định các tài nguyên cũng như khi một nhà nước kế hoạch hóa làm việc này.

196. Còn về chính trị thì sao? Ta hãy nhớ lại nguyên tắc bổ trợ, vốn ban tự do cho việc phát triển mọi khả năng đang có ở mọi mức độ, nhưng đồng thời đòi hỏi trách nhiệm hơn đối với công ích từ phía kẻ nắm giữ quyền hành nhiều hơn. Vẫn biết ngày nay một vài phạm vi kinh tế thì thoả nhiều quyền hành hơn chính các Nhà nước. Nhưng người ta không thể biện minh cho một nền kinh tế phi chính trị, vốn sẽ chẳng có khả năng cổ vũ một lô-gich khác chi phối được nhiều phương diện khác biệt của cơn khủng hoảng hiện thời. Cái lô-gich không cho phép dự tính một sự quan tâm chân thành đến môi trường, thì cũng chính là lô-gich ngăn cản việc nuôi dưỡng mối ưu tư hội nhập những người yếu đuối nhất, vì “trong mô hình hiện tại về ‘thành công’ và ‘quyền tư hữu’, xem ra không có chiều hướng đầu tư để những kẻ còn lại đằng sau, những người yếu đuối hay túng bấn nhất có thể mở một con đường cho mình trong cuộc đời” [139].

197. Chúng ta cần một nền chính trị với những cái nhìn rộng rãi, có một lối tiếp cận toàn cầu bằng cách tích hợp vào trong một cuộc đối thoại liên ngành các khía cạnh khác nhau của cuộc khủng hoảng. Thường thì chính trị tự chịu trách nhiệm về việc mất uy tín của mình, do thói nát tham nhũng hay do thiếu chính sách công tốt đẹp. Nếu Nhà nước không đóng vai trò của mình trong một vùng, vài nhóm kinh tế có thể xuất hiện như những người từ thiện và chiếm lấy quyền lực thật sự, tự cảm thấy mình được phép không tôn trọng một số quy tắc, đến độ làm phát sinh nhiều hình thức tội phạm có tổ chức, buôn người, buôn ma túy và bạo lực rất khó tiêu diệt. Nếu chính trị không có khả năng bẻ gãy một lô-gich tàn ác, ngoài ra vẫn bị giam hãm trong nhiều diễn văn nghèo nàn, chúng ta sẽ tiếp tục không đương đầu với những vấn đề lớn của nhân loại. Một chiến lược thay đổi thực sự đòi phải suy nghĩ lại toàn bộ các tiến trình, vì đưa vào các lưu tâm hời hợt về môi trường không đủ, khi người ta không đặt vấn đề cái lô-gich ẩn

tàng trong văn hoá hiện tại. Một nền chính trị lành mạnh phải có khả năng đảm nhận các thách thức ấy.

198. Chính trị và kinh tế thường có xu hướng kết tội lẫn nhau trong những gì liên quan đến nghèo đói và suy thoái môi trường. Nhưng phải hy vọng rằng chính trị và kinh tế sẽ thừa nhận các sai lầm của mình và sẽ tìm ra những hình thức tương tác, nhằm vào công ích. Trong khi những người này chỉ bị ám ảnh bởi lợi nhuận kinh tế và những người kia chỉ bị ám ảnh bởi việc duy trì hay gia tăng quyền lực của họ, cái mà chúng ta có là nhiều cuộc chiến tranh hay nhiều sự thỏa thuận đối trá trong đó việc bảo vệ môi trường và bảo vệ những kẻ yếu đuối nhất là cái được cả hai bên quan tâm ít hơn cả. Ở đây cũng có giá trị cái nguyên tắc: “Hiệp nhất cao hơn xung đột” [140]

V. CÁC TÔN GIÁO TRONG CUỘC ĐỐI THOẠI VỚI CÁC KHOA HỌC

199. Người ta không thể khẳng định rằng các khoa học thực nghiệm giải thích được hoàn toàn sự sống, cơ cấu mọi tạo vật và thực tại trong toàn bộ của nó. Như thế là đi quá một cách trái lẽ các biên giới phương pháp luận hạn hẹp của chúng. Nếu người ta suy nghĩ trong khuôn khổ khép kín này, thì cảm thức thẩm mỹ, thi phú và cả khả năng lý trí nhận ra ý nghĩa và mục đích vạn vật cũng tiêu tan [141]. Tôi muốn nhắc lại rằng “các bản văn tôn giáo cổ điển vẫn có thể cống hiến một ý nghĩa cho mọi thời đại và có một lực tác động luôn khai mở nhiều chân trời mới [...] Có hợp lý và thông minh chẳng khi liệt những bản văn ấy vào trong bóng tối, chỉ vì chúng xuất phát từ một bối cảnh niềm tin tôn giáo?” [142] Thật ngây thơ khi nghĩ rằng các nguyên tắc luân lý có thể tự trình bày cách thuần túy trừu tượng, tách khỏi mọi bối cảnh, và việc chúng xuất hiện trong một ngôn ngữ tôn giáo không làm cho chúng mất mọi giá trị của mình trong cuộc tranh luận công khai. Các nguyên tắc luân lý mà lý trí có khả năng nhận ra luôn có thể tái xuất hiện một cách khác và được diễn tả trong nhiều ngôn ngữ khác nhau, kể cả ngôn ngữ tôn giáo.

200. Mặt khác, mọi giải pháp kỹ thuật mà các khoa học chủ trương mang lại, sẽ bất lực giải quyết các vấn đề trầm trọng của thế giới, nếu nhân loại mất phương hướng, nếu người ta quên đi những động cơ lớn vốn khả thể hóa sự chung sống, sự hy sinh và lòng tốt hảo. Dầu sao, sẽ phải mời các tín hữu nhất quán mạch lạc với niềm tin của mình và không đi ngược lại với nó bằng các hành động của mình; sẽ phải xin họ một lần nữa mở rộng tâm hồn cho ân sủng của Thiên Chúa và mức lấy tận đáy sâu những xác tín của họ về tình yêu, công lý và hòa bình. Nếu một sự hiểu sai về các nguyên tắc riêng của mình đã dẫn chúng ta đôi khi đến chỗ biện minh cho việc đối xử tệ hại với thiên nhiên, việc thống trị độc đoán của con người trên tạo vật, hay cho các cuộc chiến tranh, bất công và bạo lực; chúng ta những tín hữu có thể thừa nhận rằng lúc đó chúng ta đã bất trung với kho tàng khôn ngoan mà chúng ta phải bảo vệ. Thường các giới hạn văn hoá của các thời đại khác nhau đã điều kiện hóa ý thức về gia sản luân lý và tinh thần của họ, nhưng chính việc quay về nguồn của mình sẽ giúp các tôn giáo đáp ứng tốt hơn những nhu cầu hiện tại.

201. Phần lớn cư dân của hành tinh tự nhận mình là tín hữu, và điều đó hẳn kích thích các tôn giáo bước vào một cuộc đối thoại nhằm bảo vệ thiên nhiên, bênh đỡ những người nghèo, xây dựng các mạng lưới tương kính và huynh đệ. Một cuộc đối thoại giữa chính các khoa học cũng cần thiết vì mỗi khoa học có thói quen tự đóng kín

trong các giới hạn của ngôn ngữ riêng mình, và sự chuyên môn hóa có xu hướng trở nên cô lập và tuyệt đối hoá kiến thức của mỗi khoa học. Điều này ngăn trở việc đổi mới cách thích hợp các vấn đề của môi trường. Một cuộc đối thoại cởi mở và tương kính cũng trở nên cần thiết giữa các phong trào sinh thái khác nhau, nơi không thiếu các cuộc chiến ý thức hệ. Sự trầm trọng của cơn khủng hoảng môi trường đòi buộc tất cả chúng ta suy nghĩ về công ích và tiến bước trên một con đường đối thoại vốn đòi hỏi kiên nhẫn, khổ hạnh và khoan dung; hãy luôn nhớ rằng “thực tại cao hơn ý tưởng” [143].

GIÁO DỤC VÀ LINH ĐẠO MÔI SINH

202. Nhiều điều phải được định hướng lại, nhưng trước tiên nhân loại cần thay đổi. Cần có ý thức về một nguồn gốc chung, một sự thuộc về nhau và một tương lai được chia sẻ bởi tất cả. Ý thức căn bản này sẽ cho phép phát triển nhiều xác tín, thái độ và hình thức sống mới. Như thế là nổi rõ một thách thức văn hoá, tinh thần và giáo dục lớn lao, vốn sẽ giả thiết nhiều tiến trình tái sinh lâu dài.

I. TIN VÀO MỘT KIỂU SỐNG KHÁC

203. Xét rằng thị trường luôn có khuynh hướng tạo ra một cơ chế sính tiêu thụ mang tính cưỡng bức để bán các sản phẩm của nó, cuối cùng con người bị chìm vào trong một vòng xoáy mua bán và chi tiêu vô ích. Chủ thuyết tiêu thụ ám ảnh là phản ảnh chủ quan của mô hình kỹ thuật-kinh tế. Romano Guardini đã từng báo trước chuyện này: con người “chấp nhận các vật thông dụng và các hình thức sống được áp đặt cho mình bởi các kế hoạch hợp lý và các sản phẩm tiêu chuẩn hóa của máy móc, và nói chung, nó chấp nhận với cảm giác rằng tất cả cái đó là hợp lý và đúng đắn” [144]. Mô hình đó làm cho tất cả tin tưởng rằng mình tự do, bao lâu họ có một cái gọi là tự do để tiêu thụ, đang khi những kẻ có tự do thực sự chính là những kẻ làm nên một thiểu số nắm quyền lực về kinh tế và tài chính. Trong sự mơ hồ này, nhân loại thời hậu hiện đại đã không tìm được một quan niệm mới về chính mình mà có thể hướng dẫn họ, và sự thiếu căn tính ấy được cảm nghiệm với lo âu. Chúng ta có quá nhiều phương tiện cho một vài mục tiêu hạn hẹp và còi cọc.

204. Hoàn cảnh hiện tại của thế giới “tạo một cảm giác bấp bênh và bất an, mà đến lượt nó, lại nuôi dưỡng nhiều hình thức ích kỷ tập thể” [145]. Khi con người trở nên tự quy và nhốt mình trong ý thức riêng của mình, họ gia tăng lòng ham hố. Thật thế, trái tim con người càng trống rỗng bao nhiêu, nó sẽ cần rất nhiều vật để mua, để chiếm hữu và để tiêu thụ bấy nhiêu. Trong bối cảnh ấy, xem ra một người khó có thể chấp nhận rằng thực tại ấn định nhiều giới hạn cho mình. Với tầm nhìn ấy, một công ích thực sự cũng không còn hiện hữu. Nếu chính loại chủ thể ấy có khuynh hướng lấn át trong một xã hội, thì các quy tắc sẽ chỉ được tôn trọng trong chừng mực chúng không đi ngược lại các nhu cầu cá nhân. Vì thế, chúng ta không những nghĩ đến khả năng có những hiện tượng khí hậu khủng khiếp hay đến những thảm họa thiên nhiên lớn lao, nhưng còn đến những tai biến phát xuất từ các cơn khủng hoảng xã hội, vì nỗi ám ảnh về một kiểu sống duy tiêu thụ sẽ chỉ có thể gây nên bạo lực và hủy diệt lẫn nhau, nhất là khi một nhóm nhỏ có thể cho phép mình sống như vậy.

205. Tuy nhiên, mọi cái không mất hết, vì loài người, vốn có khả năng suy thoái đến cực điểm, cũng có thể vượt lên chính mình, tái lựa chọn điều thiện và chấn hưng mình lại, vượt lên mọi yếu tố điều kiện hóa về tinh thần và xã hội mà người ta áp đặt lên họ. Họ có khả năng tự nhìn chính mình với sự thành thật, bày tỏ nỗi chán ngán của mình cách công khai và đi vào những con đường mới, hướng đến tự do đích thực. Không có hệ thống nào tiêu diệt hoàn toàn việc mở lòng cho thiện, chân, mỹ, cũng như khả năng phản ứng mà Thiên Chúa tiếp tục khuyến khích từ sâu thẳm trái tim con người. Tôi xin mỗi người trong thế giới này đừng quên phẩm giá của mình, phẩm giá mà không gì có quyền cất đi được.

206. Một cuộc thay đổi trong các kiểu sống có thể đạt đến việc thực thi một áp lực lành mạnh lên những ai nắm giữ quyền lực chính trị, kinh tế và xã hội. Đó là điều xảy ra khi các phong trào những kẻ tiêu thụ khiến được người ta không còn mua một số sản phẩm, và như thế trở nên hữu hiệu để thay đổi thái độ của các doanh nghiệp, bằng cách ép buộc họ phải suy nghĩ về tác động môi trường và các mô hình sản xuất. Đây là một sự kiện, khi các thói quen của xã hội ảnh hưởng trên lợi nhuận của các doanh nghiệp, khiến họ thấy mình phải sản xuất cách khác. Điều ấy nhắc cho chúng ta nhớ đến trách nhiệm xã hội của những người tiêu thụ. “Mua không những là một hành vi kinh tế, nhưng cũng luôn là một hành vi đạo đức” [146]. Vì thế hiện nay, “đề tài suy thoái môi trường đặt lại vấn đề các thái độ của từng người trong chúng ta” [147].

207. Hiến chương Trái đất từng mời gọi tất cả chúng ta quay lưng lại với một giai đoạn tự hủy và làm một bước khởi hành mới, nhưng chúng ta đã chưa phát triển một ý thức hoàn vũ để thực hiện việc này. Vì thế, tôi mạnh dạn tái đề nghị thách thức tốt đẹp ấy: “Như chưa bao giờ có trong lịch sử trước đây, định mệnh chung của chúng ta mời gọi chúng ta tìm một khởi đầu mới [...] Chúng ta hãy làm sao cho thời đại của mình được lịch sử thừa nhận như thời đại thức tỉnh một hình thức tôn trọng sự sống mới mẻ, một quyết định vững chắc đạt tới sự lâu bền, thời đại gia tăng cuộc chiến đấu cho công lý, hòa bình, cũng như biểu dương sự sống cách tốt đẹp” [148].

208. Vẫn luôn luôn có thể tái phát triển khả năng ra khỏi mình để đến với kẻ khác. Thiếu khả năng này, người ta không thể nhận ra giá trị đặc thù của các tạo vật khác, không chú tâm bảo vệ một cái gì đó cho những kẻ khác, không có khả năng tự xác định những giới hạn để tránh đau khổ hay hủy hoại cho những gì bao quanh chúng ta. Thái độ cơ bản để vượt lên chính mình, bằng cách đoạn tuyệt với sự cô lập của ý thức và sự tự quy, là gốc rễ cho phép mọi sự quan tâm đến kẻ khác và môi trường, cũng như làm phát sinh phản ứng luân lý là quan tâm tới ảnh hưởng mà mỗi hành động và mỗi quyết định cá nhân gây ra bên ngoài mình. Khi chúng ta có khả năng vượt qua chủ nghĩa cá nhân, một kiểu sống khác mới có thể tự phát triển và một sự thay đổi quan trọng trở thành khả dĩ trong xã hội.

II. GIÁO DỤC CHO MỘT SỰ LIÊN KẾT GIỮA NHÂN LOẠI VÀ MÔI TRƯỜNG

209. Ý thức về sự trầm trọng của cơn khủng hoảng văn hoá và môi sinh phải dẫn ra thành những thói quen mới. Nhiều người biết rằng tiến bộ hiện thời cũng như việc tích lũy đơn thuần các đồ vật hay lạc thú, không đủ đem lại một ý nghĩa lẫn niềm vui cho tâm hồn con người, nhưng họ không cảm thấy có khả năng từ chối cái mà thị trường cống hiến cho họ. Trong những nước vốn phải thực hiện các thay đổi lớn nhất về thói quen tiêu thụ, giới trẻ có một sự nhạy cảm sinh thái mới và một tinh thần quảng đại, một vài người trong số họ chiến đấu cách đáng phục cho việc bảo vệ môi trường; nhưng họ đã lớn lên trong một bối cảnh tiêu thụ và tiện nghi quá lớn lao khiến khó phát triển những thói quen khác. Vì thế, chúng ta đứng trước một thách thức về giáo dục.

210. Việc giáo dục về môi trường đã dần dần mở rộng phạm vi các mục tiêu của mình. Nếu ban đầu nó đã rất hướng đến thông tin khoa học, cũng như đến sự nhạy cảm và sự phòng ngừa các nguy cơ môi trường, nay thì nền giáo dục này có khuynh hướng bao gồm một sự phê phán các “huyền thoại” của thời hiện đại (chủ nghĩa cá nhân, tiến

bộ bất định, cạnh tranh giành giật, chủ nghĩa tiêu thụ, thị trường vô luật), những huyền thoại dựa trên lý do (mọi sự là) dụng cụ; nó cũng có khuynh hướng mở rộng sang các mức độ khác nhau của sự cân bằng sinh thái: mức độ nội tại với chính mình, mức độ liên đới với những người khác, mức độ tự nhiên với mọi sinh vật và mức độ thiêng liêng với Thiên Chúa. Việc giáo dục môi trường nên chuẩn bị cho chúng ta làm cái bước nhảy sang Mầu nhiệm như thế, từ đó một luân lý môi sinh mới đạt được ý nghĩa sâu xa nhất của mình. Mặt khác, nhiều nhà giáo dục có khả năng suy nghĩ lại các lộ trình sự phạm của một nền luân lý môi sinh, sao cho học sinh lớn lên thực sự trong liên đới, trong trách nhiệm và trong việc bảo vệ dựa trên lòng thương xót.

211. Tuy nhiên, nền giáo dục ấy, vì có ơn gọi tạo ra một tính “công dân sinh thái”, nên đôi khi tự giới hạn mình vào việc thông tin, và không đạt được việc phát triển nhiều thói quen. Sự hiện hữu các luật lệ và quy tắc không đủ để giới hạn các thái độ xấu về lâu về dài, cho dù có một sự kiểm soát hữu hiệu. Để cho quy tắc pháp lý sinh ra nhiều hiệu quả quan trọng và lâu dài, cần phần lớn thành viên trong xã hội chấp nhận nó nhờ nhiều động lực thích hợp, và phản ứng từ một sự thay đổi cá nhân. Chỉ từ việc vun đắp những nhân đức vững vàng mà việc tự hiến trong một sự dần thân sinh thái mới khả thể. Nếu một người có thói quen mặc ấm hơn chút thay vì đốt lò sưởi, đang khi hoàn cảnh kinh tế đương sự cho phép đương sự tiêu thụ và xài phí hơn, điều này giả thiết rằng đương sự đã tích hợp nhiều xác tín và tâm tình thuận lợi cho việc bảo vệ môi trường. Chu toàn bốn phần bảo vệ tạo vật nhờ vào những hành động nho nhỏ thường ngày là rất cao cả, và thật tuyệt diệu khi nền giáo dục có khả năng khơi gợi những hành động này, đến độ biến chúng nên một kiểu sống. Việc giáo dục trách nhiệm về môi trường có thể khuyến khích nhiều thái độ khác nhau có một ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng lên việc bảo vệ môi trường, chẳng hạn tránh sử dụng chất nhựa và giấy, giảm thiểu việc tiêu thụ nước, phân loại các rác thải, chỉ nấu nướng cái mình sẽ có thể ăn cách hợp lý, đối xử với các sinh vật khác với sự lưu tâm, sử dụng các phương tiện giao thông công cộng và chia sẻ cùng một chiếc xe với nhiều người, trồng cây, tắt ánh sáng không cần thiết. Tất cả những điều đó đều nằm trong một óc sáng tạo quảng đại và thích đáng, cho thấy cái tốt nhất của con người. Việc sử dụng lại một cái gì đó thay vì nhanh chóng quăng đi, vì người ta được thúc đẩy bởi nhiều động lực sâu xa, có thể là một hành vi tình yêu biểu lộ phẩm giá chúng ta.

212. Đừng nghĩ rằng những nỗ lực ấy sẽ không thay đổi thế giới. Những hành động này gieo rắc trong xã hội một điều thiện hảo luôn sản sinh nhiều hoa trái vượt quá những gì người ta có thể nhận ra được, vì chúng tạo nên trên trái đất này một điều thiện hảo có khuynh hướng lan truyền mãi, đôi khi cách vô hình. Ngoài ra, việc phát triển các thái độ ấy tái ban cho chúng ta cảm thức về chính phẩm giá của mình, khiến chúng ta sống sâu xa hơn, cho phép chúng ta kinh nghiệm rằng đáng bỏ công đi qua thế gian này.

213. Các môi trường giáo dục rất khác nhau: học đường, gia đình, các phương tiện truyền thông, lớp giáo lý v.v... Một nền giáo dục học đường tốt thì ngay từ thời niên thiếu, đã gieo nhiều hạt giống có khả năng sinh nhiều hiệu quả suốt một cuộc đời. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng trung tâm của gia đình, vì “đó là nơi mà sự sống, hồng ân của Thiên Chúa, có thể được đón nhận cách thích hợp và được bảo vệ khỏi những tấn công mà nó phải đối mặt, và là nơi nó có thể được phát triển theo những đòi hỏi của một sự tăng trưởng nhân bản đích thật. Chồng lại cái mà người ta coi là văn

hoá sự chết, gia đình làm nên nôi của văn hoá sự sống” [149] Trong gia đình, người ta rèn luyện những phản ứng đầu tiên của tình yêu và sự bảo vệ cuộc sống, ví dụ việc sử dụng đúng đắn các vật dụng, trật tự và sạch sẽ, tôn trọng hệ sinh thái địa phương và bảo vệ mọi sinh vật thụ tạo. Gia đình là nơi của sự huấn luyện trọn vẹn, nơi diễn ra những khía cạnh khác nhau, liên hệ mật thiết với nhau, của sự trưởng thành cá nhân. Trong gia đình, người ta học xin phép với lòng tôn kính, học nói “cám ơn” như biểu hiện một sự đánh giá đúng những gì người ta lãnh nhận, học chế ngự tính gây gổ và tính háu ăn, học xin lỗi khi người ta gây một thiệt hại. Những cử chỉ nhỏ ấy của thói lịch thiệp nhã nhặn chân thành giúp xây dựng một văn hoá của cuộc sống được chia sẻ và của sự tôn trọng đối với những gì bao quanh chúng ta.

214. Một nỗ lực nhạy cảm hóa dân chúng thuộc về chính trị và các hiệp hội khác nhau. Và cũng thuộc về Giáo hội nữa. Mọi cộng đoàn Kitô hữu có một vai trò quan trọng phải đóng trong việc giáo dục này. Tôi cũng hy vọng trong các chủng viện và các nhà đào tạo của dòng tu, người ta giáo dục một sự khắc khổ có trách nhiệm, sự chiêm ngắm thế giới với lòng biết ơn, việc bảo vệ sự mong manh yếu đuối của người nghèo và của môi trường. Xét vì tầm quan trọng của những gì đang lâm nguy, thì cũng như các định chế được ban quyền lực đều cần thiết để trừng phạt những tấn công vào môi trường, chúng ta cũng cần kiểm soát mình và giáo dục nhau.

215. Trong bối cảnh ấy, “chớ xem nhẹ mối liên hệ vốn có giữa việc huấn luyện thẩm mỹ thích hợp với việc bảo vệ môi trường” [150]. Chú ý đến vẻ đẹp và yêu mến nó sẽ giúp chúng ta ra khỏi chủ nghĩa thực dụng vị lợi. Khi một người không học biết dừng lại để quan sát và đánh giá cái gì xinh đẹp, thì chẳng lạ gì đối với đương sự, tất cả trở thành đối tượng sử dụng và lạm dụng không chút ngại ngùng. Đồng thời, nếu người ta muốn có được nhiều thay đổi sâu xa, phải luôn nhớ rằng các mô hình tư tưởng ảnh hưởng thực sự lên các thái độ. Nền giáo dục sẽ vô hiệu và những nỗ lực của nó sẽ vô ích, nếu nó cũng không cố gắng phổ biến một mô hình mới liên hệ tới con người, cuộc sống, xã hội và mối tương quan với thiên nhiên. Bằng không, mô hình duy tiêu thụ, do các phương tiện truyền thông và mạng lưới hữu hiệu của thị trường, sẽ tiếp tục tiến triển.

III. HOÁN CẢI MÔI SINH HỌC

216. Gia sản phong phú của linh đạo Kitô giáo, phát sinh do hai mươi thế kỷ kinh nghiệm cá nhân và cộng đoàn, cống hiến một sự đóng góp tốt đẹp cho nỗ lực canh tân nhân loại. Tôi muốn đề ra với các Kitô hữu vài dòng về một linh đạo môi sinh, bắt nguồn từ trong các xác tín của đức tin chúng ta, vì điều Tin Mừng dạy chúng ta có nhiều hậu quả đến cách thức suy tư, cảm nhận và sinh sống của chúng ta. Đây không nhằm nói về bao ý tưởng, nhưng đặc biệt về các động lực xuất phát từ linh đạo để nuôi dưỡng niềm đam mê bảo vệ thế giới. Thật thế, sẽ không thể dần thân trong những việc lớn chỉ với nhiều giáo thuyết mà không có một thần bí học sinh động chúng ta, không có “những động lực bên trong thúc đẩy, khuyến khích và ban ý nghĩa cho hành động cá nhân lẫn cộng đoàn” [151]. Chúng ta, các Kitô hữu, phải thừa nhận rằng mình đã không luôn luôn thu lấy và phát triển những điều phong phú mà Thiên Chúa đã ban cho Giáo hội, trong đó linh đạo không tách rời khỏi thể xác chúng ta cũng như khỏi thiên nhiên hay các thực tại của trần thế này; đúng ra linh đạo được sống với chúng và nơi chúng, trong sự hiệp thông với tất cả những gì bao quanh chúng ta.

217. Nếu đúng là “các sa mạc bên ngoài gia tăng trong thế giới chúng ta, vì các sa mạc bên trong đã thành quá lớn” [152], cơn khủng hoảng môi trường là một lời kêu gọi hoán cải nội tâm sâu xa. Nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận rằng một số Kitô hữu dẫn thân và cầu nguyện, có thói quen cười cợt các mối quan tâm về môi trường với lý do đó là chủ nghĩa duy thực và duy thực dụng. Một số khác thụ động, không quyết định thay đổi các thói quen và trở thành phi nhất quán. Như vậy họ cần một sự *hoán cải môi sinh học*, bao hàm việc để cho mọi hậu quả từ cuộc gặp gỡ của họ với Đức Giêsu Kitô tràn ra trên các mối quan hệ với thế giới bao quanh họ. Sống ơn gọi làm kẻ bảo vệ cho công trình của Thiên Chúa là một phần thiết yếu của một đời sống đạo đức; đó không phải là một cái gì tùy chọn, cũng chẳng phải là một phương diện thứ yếu trong kinh nghiệm Kitô giáo.

218. Để đề nghị một môi tương quan lành mạnh với tạo vật như chiều kích cuộc hoán cải trọn vẹn của con người, chúng ta hãy nhớ lại gương thánh Phanxicô Assisi. Điều này cũng bao hàm việc thừa nhận những sai lầm, tội lỗi, tật xấu hoặc chênh lệch của mình và sám hối thật lòng, thay đổi nội tâm. Các Giám Mục Úc Châu đã biết diễn tả sự hoán cải theo ý nghĩa hoà giải với tạo vật: “Để thực hiện sự sám hối này, chúng ta phải xem xét cuộc sống mình và thừa nhận rằng cách nào đó chúng ta đang xúc phạm tạo vật của Thiên Chúa, bằng các hành động cũng như bằng sự bất lực hành động của chúng ta. Chúng ta phải cảm nghiệm một sự sám hối, một sự thay đổi tâm hồn” [153].

219. Tuy nhiên, việc mỗi người tu tỉnh để tháo gỡ một hoàn cảnh quá phức tạp như hoàn cảnh mà thế giới ngày nay phải đối mặt thật sự không đủ. Các cá nhân đơn độc có thể đánh mất khả năng cũng như sự tự do của mình, để vượt lên lô-gic của lý do (mọi sự là) dụng cụ, và cuối cùng trôi theo một chủ thuyết tiêu thụ vô luân lý và vô chiều kích xã hội lẫn môi trường. Với những vấn đề xã hội, người ta phải đáp ứng bằng nhiều mạng lưới cộng đồng chứ không phải bằng sự tổng cộng đơn giản các việc tốt cá nhân: “Những đòi hỏi của công trình này bao la đến độ các khả năng của sáng kiến cá nhân và sự cộng tác của nhiều người được huấn luyện theo các nguyên tắc vị kỷ sẽ không thể đáp ứng. Chỉ có một thái độ khác mới gây nên sự liên kết các sức mạnh cần thiết và sự thống nhất việc thực hiện” [154]. Sự hoán cải sinh thái học cần có để tạo nên một động năng thay đổi lâu bền cũng là một hoán cải tập thể.

220. Sự hoán cải ấy giả thiết nhiều thái độ khác nhau, vốn kết hợp với nhau để cổ vũ một sự bảo vệ môi trường cách quảng đại và đầy âu yếm. Trước tiên, nó bao hàm sự biết ơn và sự nhưng không, nghĩa là nhận ra thế giới như ân huệ lãnh nhận từ tình yêu của Cha, điều này gây nên hậu quả là có nhiều thái độ từ bỏ và thái độ quảng đại, cả khi chẳng ai nhìn thấy hoặc công nhận: “Đừng cho tay trái biết việc tay phải làm [...] Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh” (Mt 6,3-4). Sự hoán cải này cũng bao hàm ý thức yêu mến là không tách rời với những thụ tạo khác, là làm thành với các hữu thể khác của vũ trụ một sự hiệp thông hoàn vũ tốt đẹp. Đối với tín hữu, thế giới không được chiêm ngắm từ bên ngoài nhưng từ bên trong, bằng cách thừa nhận các mối dây qua đó Cha nối kết chúng ta với mọi hữu thể. Ngoài ra, bằng cách làm tăng trưởng các khả năng đặc biệt mà Thiên Chúa ban cho mình, sự hoán cải sinh thái học dẫn tín hữu đến chỗ phát triển óc sáng tạo và sự nhiệt tình của mình để đương đầu với các thách thức của thế giới bằng cách hiến thân cho Thiên Chúa “như một của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Người” (Rm 12,1). Tín hữu không hiểu sự vượt trời

của mình như có vinh vang cá nhân hay thống trị vô trách nhiệm, nhưng như một khả năng khác, áp đặt cho mình một trách nhiệm nặng nề, xuất phát từ đức tin của mình.

221. Nhiều xác tín khác nhau của đức tin chúng ta được khai triển từ đầu Thông điệp này, giúp phong phú hóa ý nghĩa cuộc hoán cải ấy, như là ý thức rằng mỗi thụ tạo đều phản ánh một cái gì đó của Thiên Chúa và có một sứ điệp để dạy chúng ta; hay còn là tin vững rằng Đức Kitô đã đảm nhận trong chính mình thế giới vật chất này và hiện giờ, như Đấng Phục Sinh, Người cư ngụ trong đây từng hữu thể, ôm lấy nó bằng sự âu yếm của Người, cũng như thẩm nhập nó bằng ánh sáng của Người; và cũng là xác tín rằng Thiên Chúa đã sáng tạo thế giới mà khắc ghi trong nó một trật tự và một động năng mà con người không có quyền bất biết. Khi đọc trong Tin Mừng rằng nhắc đến loài chim, Chúa Giêsu nói “không một con nào bị bỏ quên trước mặt Thiên Chúa” (Lc 12,6), người ta sẽ còn có thể ngược đãi chúng hay gây hại cho chúng được chăng? Tôi mời mọi Kitô hữu hãy khai triển chiều kích này của sự hoán cải nơi họ, bằng cách cho phép sức mạnh và ánh sáng của ân sủng đã lãnh nhận cũng trải rộng đến liên hệ của họ với các thụ tạo khác cũng như với cả thế giới bao quanh họ, và gọi lên tình huynh đệ cao cả với toàn thể tạo vật, tình huynh đệ mà Thánh Phanxicô Assisi đã sống một cách hết sức rạng ngời.

IV. NIỀM VUI VÀ AN BÌNH

222. Linh đạo Kitô giáo đề nghị một cách hiểu khác về phẩm chất sống, và động viên một kiểu sống mang tính ngôn sứ lẫn chiêm niệm, có khả năng giúp đánh giá sâu xa mọi vật mà không bị ám ảnh chuyện tiêu thụ. Cần tiêu hóa một giáo huấn cổ, có mặt trong nhiều truyền thống tôn giáo khác nhau và cũng có trong Kinh Thánh. Đó là xác tín rằng “ít là nhiều”. Thật thế, việc không ngừng tích lũy các khả năng tiêu thụ làm trái tim xao nhãng và ngăn cản việc đánh giá từng sự vật và từng giây phút. Ngược lại, việc hiện diện cách thanh thản với mỗi thực tại, dù nhỏ đến đâu, cũng mở cho chúng ta nhiều khả năng để hiểu biết và triển nở bản thân. Linh đạo Kitô giáo đề nghị một sự tăng trưởng nhờ sự điều độ và một khả năng vui hưởng ít thôi. Đây là việc trở về với sự đơn sơ, vốn cho phép chúng ta dừng lại để coi trọng cái nhỏ bé, để cảm ơn các khả năng mà cuộc sống ban cho, mà không phải gấn bó với cái chúng ta có và cũng chẳng buồn vì cái chúng ta không chiếm hữu. Điều đó giả thiết phải tránh động năng của sự thống trị và sự tích lũy các lạc thú.

223. Sự điều độ, được thực hành với tự do và cách ý thức, luôn mang tính chất giải phóng. Đây không phải là sống ít hơn, đây không phải là một cường độ sống thấp mà ngược lại ; vì trong thực tế, những ai hưởng hơn và sống tốt hơn từng giây phút, là những người ngưng chỗ này chỗ kia để luôn tìm kiếm cái họ không có, là những người có kinh nghiệm về việc đánh giá mỗi con người và mỗi sự vật, bằng cách đi vào tiếp xúc và vui hưởng những điều đơn giản nhất. Như thế họ có ít những nhu cầu không được thỏa mãn, ít mệt mỏi hơn và ít bị dẫn vật hơn. Người ta có thể sống mãnh liệt với ít thôi, nhất là khi có khả năng quý chuộng những thú vui khác và tìm thấy thỏa mãn trong những cuộc gặp gỡ huynh đệ, trong việc phục vụ, trong việc triển khai những đặc sủng của mình, trong âm nhạc và nghệ thuật, trong việc tiếp xúc với thiên nhiên, trong cầu nguyện. Hạnh phúc đòi hỏi phải biết giới hạn một số nhu cầu vốn làm cho chúng ta mù mẫn, và như thế khiến chúng ta trở nên sẵn sàng cho nhiều khả năng đa dạng mà cuộc sống tặng ban.

224. Sự điều độ và khiêm tốn đã không nhận được một cái nhìn tích cực suốt thế kỷ mới rồi. Nhưng khi việc thực thi một nhân đức trở nên suy yếu cách phổ cập trong đời sống cá nhân và xã hội, điều đó rất cục gây nên nhiều sự mất thăng bằng, kể cả những mất thăng bằng về môi trường. Chính vì thế, không đủ khi chỉ nói đến tính toàn vẹn của các hệ sinh thái. Phải dám nói tới tính toàn vẹn của sự sống con người, tới sự cần thiết phải khuyến khích và kết hợp mọi giá trị lớn lao. Việc biến mất đức khiêm tốn nơi một con người mà khổ thay quá say mê khả năng làm chủ mọi sự cách vô giới hạn, cuối cùng chỉ có thể đem lại thiệt hại cho xã hội và môi trường. Không dễ phát triển đức khiêm tốn lành mạnh ấy lẫn một sự điều độ thích hợp nếu chúng ta biến mình thành tự trị, nếu chúng ta loại Thiên Chúa ra khỏi cuộc đời mình để cái tôi của chúng ta thế chỗ Người, nếu chúng ta tin rằng chính chủ quan tính của chúng ta xác định điều gì tốt điều gì xấu.

225. Và lại, không ai có thể chín muồi trong một sự điều độ thích hợp mà không bình an với chính mình. Sự thấu hiểu đúng đắn về linh đạo một phần nằm ở chỗ mở rộng ý niệm bình an, vốn còn hơn là sự vắng bóng chiến tranh. Bình an nội tâm của con người phần lớn giống như việc bảo tồn môi sinh và công ích, vì khi được sống một cách đích thực, nó sẽ tỏ lộ trong một kiểu sống thăng bằng, liên kết với một khả năng kinh ngạc thán phục vốn dẫn vào chiều sâu cuộc sống. Thiên nhiên đầy ngôn ngữ tình yêu, nhưng làm thế nào ta sẽ có thể lắng nghe chúng giữa tiếng ồn ào liên li, giữa sự lo ra thường xuyên đầy khắc khoải, hay giữa sự tôn thờ về bên ngoài? Nhiều người có kinh nghiệm về một sự mất quân bình sâu xa vốn thúc đẩy họ làm nhiều chuyện cách nhanh chóng, để cảm thấy bận rộn, trong một sự vội vàng thường xuyên mà đến lượt nó lại khiến họ đảo lộn tất cả những gì xung quanh họ. Điều đó có một ảnh hưởng lên cách họ xử sự với môi trường. Một sinh thái học toàn vẹn bao hàm việc để ra ít thời gian để tìm lại được sự hòa hợp thanh thản với tạo vật, để suy nghĩ về kiểu sống và về các lý tưởng của chúng ta, để chiêm ngắm Đấng Sáng Tạo, Đấng đang sống giữa chúng ta và trong những gì bao quanh chúng ta; sự hiện diện của Người “không phải được tạo ra, nhưng phải được khám phá và biểu lộ” [155].

226. Chúng ta nói về một thái độ của trái tim, vốn sống tất cả với một sự chú tâm bình lặng, biết hiện diện hoàn toàn với một ai đó mà không nghĩ về điều gì đến sau, hiến thân mọi lúc như một quà tặng thần linh mà cần phải được sống tràn đầy. Đức Giêsu từng dạy chúng ta thái độ này khi Người mời chúng ta ngắm xem hoa huệ ngoài đồng và chim trời, hoặc khi đối diện với một kẻ đang lo lắng, “Người đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng mến yêu” (Mc 10,21). Người từng hoàn toàn hiện diện đối với mỗi con người cũng như với mỗi tạo vật, và như thế, Người đã cho chúng ta thấy một con đường để vượt qua nỗi khắc khoải bệnh hoạn vốn làm cho chúng ta nên hời hợt, gây gổ và thành những kẻ tiêu thụ vô độ.

227. Dừng lại để cảm tạ Thiên Chúa trước và sau bữa ăn là một biểu hiện của thái độ ấy. Tôi đề nghị với các Kitô hữu hãy trở lại với thói quen tốt đẹp này và sống nó thật sâu xa. Giây phút chúc tụng đó, dù rất ngắn ngủi, cũng nhắc cho chúng ta nhớ đời mình lệ thuộc Thiên Chúa, nó củng cố tâm tình cảm tạ của chúng ta vì những quà tặng của sáng tạo, biết ơn những ai đã làm việc để cung cấp các của cải này, và củng cố tình liên đới với những ai đang thiếu thốn hơn cả.

V. TÌNH YÊU DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ

228. Việc bảo tồn thiên nhiên là thành phần của một kiểu sống, bao hàm một khả năng chung sống và thông hiệp. Đức Giêsu đã nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta có Thiên Chúa như Cha chung, và điều này biến chúng ta thành anh chị em. Tình huynh đệ chỉ có thể nhưng không, chẳng bao giờ có thể là sự ân thưởng cho cái mà kẻ khác thực hiện, cũng không phải một sự ứng trước cho cái mà chúng ta mong chờ kẻ ấy sẽ làm. Chính vì thế, có thể yêu mến kẻ thù. Chính tính chất nhưng không này dẫn chúng ta đến việc yêu mến và đón nhận ngọn gió, mặt trời hay các đám mây, cho dầu chúng không tùy thuộc sự kiểm soát của chúng ta. Vì thế chúng ta mới có thể nói đến một tình *huynh đệ phổ quát, hoàn vũ*.

229. Phải ý thức lại rằng chúng ta cần đến nhau, có một trách nhiệm đối với kẻ khác và với thế giới, rằng đáng bỏ công sống tốt lành và lương thiện. Đã từ rất lâu chúng ta ở trong một sự suy thoái luân lý khi cười chê đạo đức, lòng tốt, niềm tin, sự lương thiện. Nay đã đến lúc ý thức rằng sự hời hợt ấy đã không giúp ích gì cho chúng ta. Việc tàn phá mọi nền tảng của đời sống xã hội như thế rốt cục khiến chúng ta chống nhau, ai nấy tìm cách bảo vệ những lợi ích riêng của mình ; nó gây nên sự trỗi dậy của những hình thức bạo lực và độc ác mới, ngăn cản sự phát triển một nền văn hoá bảo vệ môi trường đích thực.

230. Gương của Thánh nữ Têrêsa thành Lisieux mời gọi chúng ta thực hiện con đường nhỏ của tình yêu, không đánh mất cơ hội nói một lời dễ thương, nở một nụ cười, làm bất cứ cử chỉ nhỏ bé nào gieo bình an và tình bạn. Một sinh thái học trọn vẹn cũng được làm từ nhiều cử chỉ đơn sơ thường nhật, qua đó chúng ta phá vỡ lô-gich của bạo lực, khai thác và ích kỷ. Trong khi đó, thế giới của sự tiêu thụ điên cuồng cũng đồng thời là thế giới ngược đãi cuộc sống dưới mọi hình thức.

231. Tình yêu, được hiện thực từ những cử chỉ bé nhỏ quan tâm đến nhau, cũng mang tính chất dân sự lẫn chính trị, và biểu lộ trong mọi hành động nỗ lực xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Lòng yêu mến xã hội và sự dấn thân cho công ích là một hình thức bác ái tuyệt hảo, không những liên hệ tới các tương giao giữa cá nhân, mà còn liên hệ tới “các tương quan vĩ mô: tương quan xã hội, kinh tế, chính trị” [156]. Vì thế, Giáo hội đã đề nghị với thế giới lý tưởng một “văn minh tình thương” [157]. Tình yêu xã hội là chìa khoá cho một sự phát triển đích thực: “Để làm cho xã hội nhân bản hơn, xứng với con người hơn, phải đánh giá lại tình yêu trong đời sống xã hội – ở mức độ chính trị, kinh tế, văn hoá – bằng cách biến nó thành quy tắc thường xuyên và tối cao cho hành động” [158]. Trong khuôn khổ này, kèm theo sự quan trọng của những cử chỉ nhỏ nhất thường nhật, tình yêu xã hội thúc đẩy chúng ta nghĩ đến những đại chiến lược như chặn đứng hữu hiệu sự suy thoái môi trường và khuyến khích một nền *văn hoá bảo vệ* thẩm nhuần toàn xã hội. Ai nhận ra tiếng gọi của Thiên Chúa hãy hành động cùng với những người khác trong các động năng xã hội ấy, phải nhớ lại rằng điều đó nằm trong linh đạo của mình, rằng đó là thực thi lòng bác ái và rằng với cách ấy, là mình trưởng thành và thánh hoá bản thân.

232. Không phải tất cả mọi người đều được kêu gọi trực tiếp làm việc trong chính trị; nhưng giữa lòng xã hội nảy sinh vô số hiệp hội can thiệp cho công ích, bằng cách bảo vệ môi trường thiên nhiên và đô thị. Ví dụ họ quan tâm đến một nơi công cộng (một toà nhà, một vòi phun nước, một công trình bị phế bỏ, một thắng cảnh, một công trường) để bảo vệ, làm sạch, làm tốt hay làm đẹp hơn một cái gì đó vốn thuộc về tất cả.

Quanh các hiệp hội đó phát triển hay cải cách nhiều liên hệ, và một mạng lưới xã hội địa phương nổi lên. Một cộng đồng tự giải thoát mình khỏi sự dửng dưng chỉ biết tiêu thụ. Điều đó bao hàm sự vun đắp một căn tính chung, một lịch sử vốn tự bảo tồn và tự chuyển tiếp. Bằng cách này, thể giới và phẩm chất sống của những người nghèo khổ nhất sẽ được bảo tồn, nhờ một ý thức liên đới, vốn đồng thời là ý thức cư trú một ngôi nhà chung mà Thiên Chúa đã cho chúng ta mượn. Những hoạt động chung như thế, khi diễn tả một tình yêu tự hiến, có thể trở thành những kinh nghiệm thiêng liêng mãnh liệt.

VI. NHỮNG DẤU CHỈ BÍ TÍCH VÀ SỰ NGHỈ NGƠI ĐỂ CỬ HÀNH

233. Vũ trụ khai mở trong Thiên Chúa, Đáng làm đầy nó trọn vẹn. Như thế có một cảm nghiệm thần bí trong một ngọn lá, một con đường, trong sương mai, trong khuôn mặt của người nghèo. Lý tưởng không chỉ là đi từ ngoài vào trong để khám phá ra hành động của Thiên Chúa nơi linh hồn, nhưng cũng là đi đến chỗ gặp thấy Người trong mọi vật [159], như thánh Bonaventura từng dạy: “Chiêm niệm càng cao siêu, khi con người cảm thấy trong chính mình hiệu quả hồng ân Thiên Chúa, và biết tìm gặp Thiên Chúa trong các tạo vật bên ngoài” [160].

234. Thánh Gioan Thánh Giá từng dạy rằng những gì tốt đẹp trong vạn vật và trong các kinh nghiệm về thể giới “sẽ gặp nhau trong Thiên Chúa cách trác tuyệt và đến vô biên, hay nói đúng hơn, mỗi một trong những điều tuyệt hảo ấy là chính Thiên Chúa, cũng như mọi cái tuyệt hảo ấy kết hợp với nhau là chính Thiên Chúa” [161]. Không phải vì những vật hữu hạn của thể giới thực sự mang thiên tính, nhưng vì nhà thần bí cảm nghiệm sự nối kết sâu xa vốn có giữa Thiên Chúa với mọi hữu thể, và như thế “ông cảm thấy Thiên Chúa là tất cả vạn vật” [162]. Nếu nhà thần bí ca ngợi sự vĩ đại của một ngọn núi, ông không thể tách nó khỏi Thiên Chúa, và ông cảm nhận rằng sự thần phục nội tâm mà mình đang có, phải dựa trên Chúa. “Những ngọn núi được nâng lên cao, chúng thật màu mỡ, rộng rãi, xinh đẹp, duyên dáng, đầy hoa và thơm lừng. Đối với tôi, Người Dấu Ái của tôi là những ngọn núi ấy. Những thung lũng cô quạnh thật yên bình, dễ chịu, tươi mát và đầy bóng râm. Nước trong lành chảy tràn lan ở đó. Chúng quyến rũ và tái tạo các giác quan bằng thảo mộc đa dạng của chúng và bằng tiếng ca du dương của các loài chim đang cư ngụ. Chúng cung cấp sự tươi mát và sự yên nghỉ nhờ vẻ hiu quạnh và thình lạnh đang ngự trị ở đó. Đối với tôi, Người Dấu Ái của tôi là những thung lũng này” [163].

235. Các bí tích là một dạng ưu tuyển của cách thức thiên nhiên được Thiên Chúa đảm nhận và trở thành trung gian cho sự sống siêu nhiên. Qua việc tôn thờ, chúng ta được mời gọi ôm lấy thể giới ở một mức độ khác. Nước, dầu, lửa và màu sắc được đảm nhận với tất cả lực biểu trưng của chúng và được đưa vào lời ca tụng. Bàn tay chúc lành là công cụ của tình yêu Thiên Chúa và phản ánh sự gần gũi của Đức Giêsu Kitô, Đáng đã đến đồng hành với chúng ta trên đường đời. Nước xối trên thân xác em bé được rửa tội là dấu chỉ sự sống mới. Chúng ta không chạy thoát khỏi thể gian, cũng chẳng phủ nhận thiên nhiên khi chúng ta muôn gặp gỡ Thiên Chúa. Điều này có thể nhận ra cách đặc biệt trong linh đạo Kitô giáo Đông phương: “Vẻ đẹp, vốn là một trong những hạn từ ưu ái bên Đông phương để chỉ sự hài hoà thần linh và khuôn mẫu của nhân tính được biến đổi, thì biểu lộ khắp nơi: trong các hình dáng của cung thánh, trong các âm thanh, màu sắc, ánh sáng, mùi hương” [164]. Theo kinh nghiệm Kitô giáo, mọi tạo vật của vũ trụ vật chất tìm được ý nghĩa đích thực của chúng trong Ngôi Lời nhập thể, vì Con

Thiên Chúa đã tích hợp vào trong bản thân Người một phần của vũ trụ vật chất, nơi mà Người đã đưa vào một mầm mống biến đổi dứt khoát: “Kitô giáo không từ khước vật chất, xác thể tính, nhưng trái lại giá trị hóa nó cách trọn vẹn trong hành vi phụng vụ, trong đó thân xác con người cho thấy bản chất thâm sâu của mình là đền thờ của Thánh Thần và đạt đến chỗ kết hiệp với Chúa Giêsu, Đấng đã hóa thành nhục thể để cứu độ trần gian” [165].

236. Tạo vật tìm thấy sự nâng cao lớn lao nhất của mình trong bí tích Thánh Thể. Ân sủng, vốn có khuynh hướng tỏ mình cách khả giác, đạt được một sự biểu lộ khác thường khi Thiên Chúa làm người trở thành lương thực cho thụ tạo. Ở đỉnh cao của mầu nhiệm Nhập thể, Chúa đã muốn kết hợp thâm sâu với chúng ta qua một mẫu vật chất. Không phải từ trên cao, nhưng từ bên trong, để chúng ta có thể gặp gỡ Người trong thế giới của chúng ta. Trong tích Thánh Thể, sự viên mãn đã được hiện thực; đó là trung tâm cốt tử của vũ trụ, lò lửa tràn đầy tình yêu và sự sống vô tận. Kết hợp với Ngôi Con nhập thể hiện diện trong bí tích Thánh Thể, toàn thể vũ trụ tạ ơn Thiên Chúa. Thật vậy, bí tích Thánh Thể tự thân là một hành vi tình yêu mang tính vũ trụ: “Vâng, mang tính vũ trụ! Vì ngay cả khi được cử hành trên một bàn thờ nhỏ trong một nhà thờ vùng quê, Thánh Thể vẫn luôn được cử hành, theo một nghĩa nào đó, trên bàn thờ của thế giới” [166]. Bí tích Thánh Thể kết hợp trời với đất, ôm trọn và xâm nhập tất cả thụ tạo. Thế giới xuất phát từ bàn tay của Thiên Chúa, trở về với Người trong một sự thờ phượng vui tươi và tròn đầy: trong Bánh Thánh Thể “tạo vật hướng đến việc thần hoá, đến các tiệc cưới thánh, đến sự kết hợp với chính Đấng Sáng Tạo” [167]. Vì thế, bí tích Thánh Thể cũng là nguồn ánh sáng và động lực cho những bận tâm của chúng ta đối với môi trường, và mời gọi chúng ta trở thành những người gìn giữ toàn thể tạo vật.

237. Chúa nhật, việc tham dự vào bí tích Thánh Thể có một tầm quan trọng đặc biệt. Ngày này, như ngày Sabbat Do Thái, được hiến dâng như là ngày thanh tẩy những tương quan của con người với Thiên Chúa, với chính mình, với kẻ khác và với thế giới. Chúa nhật là ngày của sự Phục sinh, “ngày thứ nhất” của cuộc sáng tạo mới, mà hoa trái đầu tiên là nhân tính được phục sinh của Chúa, bảo chứng cho việc biến hình cuối cùng của tất cả thực tại thụ tạo. Ngoài ra, ngày này công bố “sự yên nghỉ vĩnh cửu của con người trong Thiên Chúa” [168]. Bằng cách ấy, linh đạo Kitô giáo hội nhập giá trị của nghỉ ngơi và lễ lạc. Con người có khuynh hướng giản lược sự nghỉ ngơi trầm tư vào lãnh vực cái không sinh lợi hay vô ích, mà quên rằng làm như thế, họ rút khỏi công việc mà họ thực hiện cái quan trọng nhất: ý nghĩa của nó. Chúng ta được mời gọi đưa vào hành động của mình một chiều kích thụ cảm và nhưng không, vốn khác với việc chẳng làm gì cả. Đây là một cách thức hành động khác, vốn thuộc về yếu tính của chúng ta. Như thế, hành động của con người không chỉ được giữ cho khỏi thói duy hoạt động trống rỗng, nhưng cũng khỏi niềm đam mê ham hố và sự cô lập của ý thức, vốn dẫn tới việc chỉ theo đuổi lợi lộc cá nhân. Luật nghỉ ngơi hằng tuần từng áp đặt việc ngưng hoạt động ngày thứ bảy, “để bò lừa của người được nghỉ ngơi, và để đứa con của nữ tỳ người và người ngoại kiều lấy lại sức” (Xh 23,12). Thật vậy, việc nghỉ ngơi là một sự nói rộng cái nhìn giúp nhận ra thêm một lần nữa quyền của kẻ khác. Như thế, ngày nghỉ, mà bí tích Thánh Thể là trung tâm, chiếu toả ánh sáng trên cả tuần lễ và thúc đẩy chúng ta nội tâm hóa việc bảo vệ thiên nhiên và người nghèo.

VII. THIÊN CHÚA BA NGÔI VÀ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC THỤ TẠO

238. Chúa Cha là suối nguồn tối thượng của tất cả, nền tảng yêu thương và thông hiệp của mọi cái hiện hữu. Chúa Con, Đấng phản ánh Chúa Cha và nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã kết hợp mình với trái đất này khi Người được hình thành trong dạ Đức Maria. Thánh Thần, dây liên kết vô biên của tình yêu, hiện diện mật thiết giữa lòng vũ trụ, bằng cách sinh động nó và gọi lên những con đường mới. Thế giới đã được Ba Ngôi tạo dựng như một nguyên lý thần linh độc nhất, nhưng mỗi Vị thực hiện công trình chung này theo tính cách riêng của mình. Chính vì thế “khi chúng ta thán phục chiêm ngắm vũ trụ trong sự vĩ đại và vẻ đẹp của nó, chúng ta phải ngợi khen toàn thể Chúa Ba Ngôi” [169].

239. Đối với các Kitô hữu, đức tin vào một Thiên Chúa độc nhất và hiệp thông Ba Ngôi khiến nghĩ rằng tất cả thực tại chứa đựng trong lòng nó một dấu chứng Ba Ngôi rõ ràng. Thánh Bonaventura còn đi đến chỗ khẳng định rằng trước khi phạm tội, con người đã từng có thể khám phá làm sao mỗi thụ tạo “đều xác nhận rằng Thiên Chúa có ba ngôi”. Phản ánh của Ba Ngôi từng có thể được nhận ra trong thiên nhiên “khi quyền sách này không phải tối mò đối với con người, và đôi mắt của con người không bị vẩn đục” [170] Vị Thánh dòng Phanxicô dạy chúng ta rằng *mọi tạo vật đều mang trong mình một cấu trúc ba ngôi rõ ràng*, thực sự đến độ nó có thể được chiêm ngắm một cách tự nhiên nếu như cái nhìn của con người đã không bị giới hạn, tối mò và yếu đuối. Như thế ngài chỉ cho chúng ta mỗi thách thức là nỗ lực đọc thực tại với một chìa khoá ba ngôi.

240. Các Ngôi vị thần linh là những tương quan thuộc bản thể, và thế giới, được sáng tạo theo mô thức thần linh, là một mớ tương quan. Các thụ tạo hướng về Thiên Chúa, và đặc tính mọi sinh vật là đến phiên mình lại hướng tới vật khác, đến độ ngay giữa lòng vũ trụ, chúng ta có thể tìm thấy vô số tương quan vững bền đan kết nhau cách bí mật [171]. Điều này mời chúng ta không những khám phục các liên kết đa dạng vốn có giữa các thụ tạo, nhưng còn khám phá ra một chìa khoá của chính sự triển nở chúng ta. Thật thế, con người lớn lên, trưởng thành và thánh hoá bản thân theo mức độ bước vào tương quan, khi ra khỏi chính mình để sống hiệp thông với Thiên Chúa, với những kẻ khác và với mọi thụ tạo. Như thế, họ đảm nhận trong hiện sinh của mình sự năng động ba ngôi ấy mà Thiên Chúa đã in vào con người từ lúc sáng tạo nên họ. Tất cả đều liên kết với nhau, và điều này mời gọi chúng ta làm chín muồi một linh đạo của tình liên đới hoàn vũ vốn xuất phát từ mầu nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa.

VIII. NỮ VƯƠNG CỦA MỌI TẠO VẬT

241. Đức Maria, người Mẹ đã lo lắng cho Đức Giêsu, từ nay cũng chăm sóc thế giới bị thương tích này với tình thương và nỗi khổ hiền mẫu. Vì với trái tim bị đâm thấu, Mẹ đã khóc thương cái chết của Đức Giêsu, nay Mẹ cũng cảm thông với nỗi khổ của những người nghèo bị đóng đinh và của các thụ tạo trên trái đất này đang bị quyền lực con người tàn phá. Trọn vẹn biến hình, Mẹ đang sống với Đức Giêsu, và mọi thụ tạo đều ca tụng vẻ đẹp của Mẹ. Mẹ là Người Nữ “khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao” (Kh 12,1). Được nâng lên trời, Mẹ là Hiền Mẫu và Nữ Vương của toàn thể tạo vật. Trong thân xác vinh quang của Mẹ, cùng với Đức Kitô phục sinh, một phần của tạo vật đã đạt được tất cả sự viên mãn của vẻ đẹp mình. Không những Mẹ lưu giữ trong trái tim mình toàn bộ cuộc sống của Đức Giêsu, mà Mẹ đã ghi nhớ một cách trung tín (x. Lc 2, 19.51), nhưng bây giờ Mẹ cũng hiểu được ý

nghĩa của vạn vật. Vì thế, chúng ta có thể xin Mẹ giúp chúng ta nhìn thế giới này với những con mắt khôn ngoan hơn.

242. Bên cạnh Mẹ, trong Thánh gia Nadarét, nổi lên khuôn mặt của thánh Giuse. Ngài đã chăm sóc Đức Maria và Đức Giêsu, đã bảo vệ hai Đấng bằng công việc và sự hiện diện quảng đại của mình, đã giải thoát hai Đấng khỏi bạo lực của những kẻ bất chính bằng cách đưa hai Đấng sang Ai Cập. Trong Tin Mừng, ngài xuất hiện như một người công chính, chăm chỉ và mạnh mẽ. Nhưng từ khuôn mặt của ngài cũng toát ra một sự dịu hiền vĩ đại, vốn không phải là đặc tính của những kẻ yếu đuối, nhưng là của những người thực sự mạnh mẽ, chú tâm đến thực tại để yêu mến và phục vụ cách khiêm tốn. Vì thế, ngài đã được tuyên bố là Đấng Bảo trợ Giáo hội hoàn vũ. Ngài cũng có thể dạy chúng ta để che chở, có thể động viên chúng ta lao động với lòng quảng đại và âu yếm, để chăm sóc thế giới mà Thiên Chúa đã giao cho chúng ta.

IX. BÊN KIA MẶT TRỜI

243. Vào ngày tận thế, chúng ta sẽ thấy mình đối diện với vẻ đẹp vô biên của Thiên Chúa (x. 1Cr 13,12) và với một sự thần phục sung sướng, chúng ta sẽ có thể đọc được màu nhiệm của vũ trụ vốn sẽ cùng chúng ta tham dự vào sự viên mãn vô tận. Vâng, chúng ta đang lữ hành đến ngày Sa-bát vĩnh cửu, đến Giêrusalem mới, đến ngôi nhà chung ở trên trời. Đức Giêsu nói với chúng ta: “Này đây Ta đổi mới mọi sự” (Kh 21,5). Cuộc sống vĩnh cửu sẽ là một sự kinh ngạc thần phục được chia sẻ, nơi mỗi thụ tạo, được biến đổi một cách sáng láng, sẽ nắm vị trí của mình và sẽ có một cái gì đó mang đến cho những kẻ nghèo được giải thoát cách vĩnh viễn.

244. Trong lúc chờ đợi, chúng ta kết hợp với nhau để đảm trách ngôi nhà này, ngôi nhà đã được trao cho chúng ta, vì biết rằng tất cả những gì tốt đẹp trong nó sẽ được đảm nhận trong lễ hội trên trời. Chúng ta cùng tiến bước với mọi tạo vật trên trái đất này mà đi tìm Thiên Chúa, vì “nếu thế gian có một nguyên lý và đã được tạo dựng, thì nó đi tìm Đấng đã sáng tạo nó, đi tìm Đấng đã ban cho nó một khởi đầu, Đấng là Tạo Hóa của nó” [172]. Ta hãy tiến bước trong tiếng ca vang! Ước gì các cuộc chiến đấu và mỗi ưu tư của chúng ta cho hành tinh này sẽ không cất đi khỏi chúng ta niềm vui của hy vọng.

245. Thiên Chúa, Đấng kêu gọi chúng ta dân thân cách quảng đại và cho đi tất cả, ban cho chúng ta những sức mạnh cũng như ánh sáng mà chúng ta cần để tiến tới. Giữa lòng thế giới này, Chúa của sự sống, Đấng quá yêu thương chúng ta, vẫn tiếp tục hiện diện. Người không lìa bỏ chúng ta, chẳng để chúng ta một mình, vì Người đã dứt khoát kết hợp với trái đất của chúng ta, và tình yêu của Người luôn dẫn chúng ta đi tìm những con đường mới. Xin chúc tụng Người!

246. Sau suy tư dài vừa hân hoan vừa bi thảm như thế, tôi xin đề nghị hai lời kinh: một lời mà chúng ta, tất cả những ai tin vào một Thiên Chúa Tạo hóa Toàn năng, sẽ có thể chia sẻ; và một lời kinh để Kitô hữu chúng ta biết đảm nhận các cam kết đối với tạo vật mà Tin Mừng của Đức Giêsu đề nghị cho chúng ta.

Lời kinh cho trái đất chúng ta

*Lạy Thiên Chúa Toàn năng
Đáng hiện diện trong toàn thể vũ trụ
và trong thụ tạo nhỏ bé nhất của Ngài,
Chúa đã lấy tình âu yếm bao phủ tất cả những gì hiện hữu,
Xin gieo rắc trên chúng con sức mạnh của tình yêu Chúa,
để chúng con bảo vệ sự sống và vẻ đẹp.
Xin đổ tràn bình an cho chúng con,
để chúng con sống như anh em, chị em với nhau,
mà không gây thiệt hại cho người nào.
Ôi Thiên Chúa của những người nghèo khổ,
xin giúp chúng con cứu vớt những ai bị bỏ rơi.
Và bị quên lãng của trái đất này,
những con người có giá trị biết bao trước mắt Chúa.
Xin chữa lành cuộc sống của chúng con,
để chúng con trở nên những người bảo vệ thế giới,
chứ không phải là những kẻ săn mồi,
để chúng con gieo vẻ đẹp
chứ không phải ô nhiễm và tàn phá.
Xin chạm đến trái tim của những kẻ chỉ tìm lợi nhuận
Mà gây thiệt hại cho trái đất và cho các người nghèo.
Xin dạy chúng con khám phá giá trị của mỗi vật,
biết chiêm ngắm trong kinh ngạc thán phục,
biết nhận ra rằng chúng con liên kết sâu xa
với tất cả mọi tạo vật
trên con đường chúng con tiến về ánh sáng vô tận của Chúa.
Xin tạ ơn
vì Chúa ở chúng con mọi ngày.
Chúng con van xin Chúa
nâng đỡ chúng con
trong cuộc chiến đấu của chúng con cho công lý, tình thương và bình an.*

Lời kinh của Kitô hữu cùng với tạo vật

Lạy Cha, chúng con ngợi khen Cha, cùng với muôn thụ tạo
xuất phát từ bàn tay uy quyền của Cha.

Chúng đều thuộc về Cha, và tràn đầy sự hiện diện
Lẫn tình âu yếm của Cha.

Xin ngợi khen Ngài.

Lạy Đức Giêsu, Con Thiên Chúa,

Vạn vật đã được tạo dựng nhờ Ngài.

Chúa đã được hình thành trong cung lòng Mẹ Maria,

Chúa đã nên một thành phần của trái đất này

và đã nhìn thế giới ấy với đôi mắt nhân loại.

Hôm nay Chúa vẫn sống động trong từng thụ tạo

với vinh quang phục sinh của Chúa.

Xin ngợi khen Ngài.

Lạy Thánh Thần, Đấng dùng ánh sáng của mình

Mà hướng thế giới này đến tình yêu của Chúa Cha

Và đồng hành với tiếng rên than của tạo vật.

Chúa cũng sống trong tâm hồn chúng con

để dẫn chúng con đến điều thiện.

Xin ngợi khen Ngài.

Ôi Thiên Chúa, Độc nhất và Ba ngôi,

Cộng đoàn Tối thượng của tình yêu vô biên,

xin dạy chúng con biết chiêm ngắm Chúa

trong vẻ đẹp của vũ trụ,

nơi tất cả nói với chúng con về Ngài.

Xin khơi dậy lời ca ngợi và lòng biết ơn của chúng con

Vì mỗi hữu thể mà Chúa đã sáng tạo.

Xin ban cho chúng con

Ơn được thấy mình kết hợp mật thiết với tất cả những gì hiện hữu.

Lạy Thiên Chúa tình yêu,

xin chỉ cho chúng con vị trí của chúng con trong thế giới này

là làm các khí cụ của tình yêu Chúa

đối với mọi hữu thể của trái đất này,

vì không thụ tạo nào bị Chúa bỏ quên cả.

*Xin soi sáng cho những người nắm giữ quyền lực và tiền bạc,
để họ giữ mình khỏi cái tội dừng đứng,
biết yêu mến công ích, cổ vũ những kẻ yếu nhược
và chăm sóc thể giới mà chúng con đang cư ngụ,
Những người nghèo và trái đất đều van xin:
Lạy Chúa, xin nắm lấy chúng con
bằng quyền năng và ánh sáng của Ngài,
để chở che mọi sự sống,
để chuẩn bị một tương lai tốt đẹp hơn,
để Vương quốc công lý, bình an,
tình thương và thiện mỹ của Chúa trị đến.
Xin ngợi khen Ngài.*

Amen.

*Ban hành tại Rôma, cạnh đền thờ Thánh Phêrô, ngày 24 tháng 5 năm 2015, đại
lễ Hiện Xuống, vào năm thứ ba triều đại Giáo hoàng của tôi.*

Phanxicô

Chú thích

- [1] Phanxicô Assidi, Bài ca Tạo vật. SC 285, tr. 343-345.*
- [2] Tông thư Octogesima Adveniens (14-05-1971), số 21: AAS 63 (1971), 416-417.*
- [3] Diễn văn nhân kỷ niệm 25 năm của tổ chức FAO (16-11-1970), số 4: AAS 62 (1970), 833.*
- [4] Thông điệp Redemptor Hominis (04-03-1979), số 15: AAS 71 (1979), 287.*
- [5] X. Giáo lý (17-01-2001), số 4: Insegnamenti 24/1 (2001), 179.*
- [6] Thông điệp Centesimus Annus (01-05-1991), số 38: AAS 83 (1991), 841.*
- [7] Như trên (Nt) số 58: AAS 83 (1991), tr. 863.*
- [8] Gioan-Phaolô II, Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis (30-12-1987), số 34: AAS 80 (1988), 559.*
- [9] X. Gioan-Phaolô II, Thông điệp Centesimus Annus (01-05-1991), số 37: AAS 83 (1991), 840.*

- [10] *Diễn văn cho Ngoại giao đoàn cạnh Tòa thánh (08-01-2007): AAS 99 (2007), 73.*
- [11] *Thông điệp Caritas in Veritate (29-06-2009), số 51: AAS 101 (2009), 687.*
- [12] *Diễn văn tại Quốc hội Đức (Bundestag, Berlin) (22-09-2011): AAS 103 (2011), 664.*
- [13] *Diễn văn cho hàng giáo sĩ Giáo phận Bolzano-Bressanone (06-08-2008): AAS 100 (2008), 634.*
- [14] *Sứ điệp Ngày Cầu nguyện cho việc Bảo vệ Tạo vật (01-09-2012).*
- [15] *Diễn văn tại Santa Barbara, California (8-11-1997); x. John Chryssavgis, Dưới đất cũng như trên trời: Nhân quan sinh thái học và các Sáng kiến của Thượng phụ Đại kết Barthôlômêô, Bronx, New York, 2012.*
- [16] Nt.
- [17] *Bài giảng tại Đan viện Utstein, Norway (23-06-2003).*
- [18] *Diễn văn tại Hội nghị Thượng đỉnh Halki, Istanbul lần I: “Trách nhiệm toàn cầu và tính bền vững sinh thái học: Những nhận xét kết thúc”, (20-06-2012).*
- [19] *Thomas of Celano, Tiểu sử thánh Phanxicô, I, XXIX, 81 : FF 460.*
- [20] *Đại hạnh thánh Phanxicô, VIII, 6 : FF 1145.*
- [21] *X. Thomas of Celano, Tiểu sử thánh Phanxicô, II, CXXIV, 165 : FF 750.*
- [22] *Hội đồng Giám mục Phi châu, Đường hướng mục vụ trong cuộc khủng hoảng môi trường (05-09-1999).*
- [23] *X. Chào mừng ban lãnh đạo của FAO (20-11-2014): AAS 106 (2014), 985.*
- [24] *Đại hội Giám mục Mỹ châu La tinh và vùng Ca-ri-bê lần 5, Tài liệu Aparecida (29-06-2007), số 86.*
- [25] *Hội đồng Giám mục Công giáo Phi-lip-pin, Thư Mục vụ: Điều gì đang xảy ra cho mảnh đất xinh đẹp của chúng ta ? (29-01-1988).*
- [26] *Hội đồng Giám mục Bô-li-vi-a, Thư Mục vụ về Môi trường và Phát triển con người tại Bô-li-vi-a: El universo, don de Dios para la vida (23-03-2012), 17.*
- [27] *X. Hội đồng Giám mục Đức: Ủy ban các vấn đề xã hội, Der Klimawandel: Brennpunkt globaler, intergenerationeller und ökologischer Gerechtigkeit (09-2006), 28-30.*
- [28] *Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội, số 483.*
- [29] *Giáo lý (05-06-2013): Insegnamenti 1/1 (2013), số 280. ORf (05-06-2013), n. 23, p. 3.*
- [30] *Các Giám mục miền Patagonia-Comahue (Argentina), Sứ điệp Giáng sinh (12-2009), số 2.*
- [31] *Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ, Biến đổi khí hậu toàn cầu: Một lời mời gọi đối thoại, can trọng và thiện ích chung (15-06-2001).*

- [32] Đại hội Giám mục Mỹ châu La tinh và vùng Ca-ri-bê lần 5, Tài liệu Aparecida (29-06-2007), số 471.
- [33] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), số 56: AAS 105 (2013), 1043.
- [34] Gioan-Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990*, số 12: AAS 82 (1990), 154.
- [35] X. Giáo lý (17-01-2001), 3: *Insegnamenti* 24/1 (2001), ; *ORf* (23-01-2001) n. 4, p. 12.
- [36] Gioan-Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990*, số 15: AAS 82 (1990), 156.
- [37] Giáo lý Hội thánh Công giáo số 357.
- [38] Kinh Truyền tin tại Osnabrück (Đức) với những người khuyết tật, 16-11- 1980: *Insegnamenti* 3/2 (1980), 1232. *ORf* (18-11-1980), n. 47, p. 3.
- [39] Bênêđictô XVI, Bài giảng Thánh lễ khai mạc thừa tác vụ Phê-rô (24-04-2005): AAS 97 (2005), 711.
- [40] X. Đại hạnh thánh Phanxicô, VIII, : FF 1134.
- [41] Giáo lý Hội thánh Công giáo số 2416.
- [42] Hội đồng Giám mục Đức, *Zukunft der Schöpfung – Zukunft der Menschheit. Einklärung der Deutschen Bischofskonferenz zu Fragen der Umwelt und der Energieversorgung* (1980), II, 2.
- [43] Giáo lý Hội thánh Công giáo số 339.
- [44] Hom. in *Hexaemeron*, I, 2, 10: PG 29, 9.
- [45] Thần khúc, Thiên đàng, Bài ca XXXIII, 145.
- [46] Bênêđictô XVI, Giáo lý (09-11-2005), 3: *Insegnamenti* 1 (2005), 768.
- [47] Nt., *Thông điệp Caritas in Veritate* (29-06-2009), số 51: AAS 101 (2009), 687.
- [48] Gioan-Phaolô II, Giáo lý (24-04-1991), 6: *Insegnamenti* 14 (1991), 856.
- [49] Giáo lý giải thích rằng Thiên Chúa đã muốn tạo dựng một thế giới tiến về sự hoàn hảo tối hậu của nó, và điều này bao hàm sự hiện diện của sự bất toàn và của sự dữ vật lý. X. Giáo lý Hội thánh Công giáo số 310.
- [50] X. Công đồng chung Vaticano II, Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, số 36.
- [51] Tôma Aquinô, *Tổng luận Thần học*, I, q. 104, art. 1 ad 4.
- [52] Nt., *In octo libros Physicorum Aristotelis expositio*, Lib. II, lectio 14.
- [53] Đóng góp của cha Teilhard de Chardin nằm trong viễn tượng này ; x. Phaolô VI, *Diễn văn tại một xí nghiệp hóa chất được phẩm* (24-02-1966): *Insegnamenti* 4 (1966), 992-993; Gioan-Phaolô II, *Thư gửi cha George Coyne* (01-06-1988): *Insegnamenti* 11/2 (1988), 1715; Bênêđictô XVI, Bài giảng nhân cử hành Kinh chiều tại Aoste (24-

07-2009): *Insegnamenti* 5/2 (2009), 60.

[54] Gioan-Phaolô II, *Giáo lý* (30-01-2002), số 6: *Insegnamenti* 25/1 (2002), 140.

[55] Hội đồng Giám mục Canada: Ủy ban các vấn đề xã hội, *Thư Mục vụ về Mệnh lệnh sinh thái học cho Ki-tô hữu* (4-10-2003), 1.

[56] Hội đồng Giám mục Nhật Bản, *Tôn trọng sự sống, một sứ điệp cho thế kỷ XXI* (01-01-2000), 89.

[57] Gioan-Phaolô II, *Giáo lý* (26-01-2000), số 5: *Insegnamenti* 23/1 (2000), 123.

[58] Nt., *Giáo lý* (02-08-2000), số 3: *Insegnamenti* 23/2 (2000), 112.

[59] Paul Ricoeur, *Triết học về ý chí: Tính chất hữu hạn và Tội trạng*, Paris, 2009, tr. 216.

[60] *Tổng luận Thần học*, I, q. 47, art. 1.

[61] Nt.

[62] X. Nt., art. 2, ad 1; art. 3.

[63] *Giáo lý Hội thánh Công giáo* số 340.

[64] *Bài ca Tạo vật*, SC 285, p. 343.

[65] X. Hội đồng Giám mục Braxin, *A Igreja e a Questão Ecológica*, 1992, 53-54.

[66] Nt., 61.

[67] *Tông huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 215: AAS 105 (2013), 1109.

[68] X. Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29-06-2009), 14: AAS 101 (2009), 650.

[69] *Giáo lý Hội thánh Công giáo* số 2418.

[70] Hội đồng Giám mục Cộng hòa Đô-mi-ni-cô, *Thư Mục vụ Sobre la relación del hombre con la naturaleza* (21-01-1987).

[71] Gioan-Phaolô II, *Thông điệp Laborem Exercens* (14-09-1981), 19: AAS 73 (1981), 626.

[72] *Thông điệp Centesimus Annus* (01-05-1991), 31: AAS 83 (1991), 831.

[73] *Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis* (30-12-1987), 33: AAS 80 (1988), 557.

[74] *Diễn văn cho Thổ dân và Nông dân Mê-xi-cô*, Cuilapán, Mexico (29-01-1979), số 6: AAS 71 (1979), 209.

[75] *Bài giảng Thánh lễ cho các nông dân tại Recife, Braxin* (07-07-1980): AAS 72 (1980): AAS 72 (1980), 926.

[76] X. *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990*, số 8: AAS 82 (1990), 152.

[77] Hội đồng Giám mục Paraguay, *Thư Mục vụ El campesino paraguayo y la tierra* (12-06-1983), 2, 4, d.

[78] Hội đồng Giám mục Tân Tây Lan, *Tuyên bố về các vấn đề môi trường* (01-09-2006).

- [79] Thông điệp *Laborem Exercens* (14-09-1981), 27: AAS 73 (1981), 645.
- [80] Vì lý do đó thánh Justino đã có thể nói về “những hạt giống của Ngôi Lời” trong thế giới: x. II *Apologia* 8, 1-2; 13, 3-6: PG 6, 457-458, 467.
- [81] Gioan-Phaolô II, Diễn văn cho các đại diện giới khoa học, giới văn hóa và giới cao học tại Đại học Liên Hiệp Quốc, Hiroshima (25-02-1981), 3: AAS 73 (1981), 422.
- [82] Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29-06-2009), 69: AAS 101 (2009), 702.
- [83] Romano Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, 9th ed., Würzburg, 1965, 87 (Chấm dứt thời cận đại, *La fin des temps modernes*, Paris 1952, tr. 92).
- [84] Nt..
- [85] Nt., 87-88 (ấn bản tiếng Pháp: tr. 93).
- [86] Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội, số 462.
- [87] Romano Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, 63-64 (éd. fr. : *La fin des temps modernes*, p. 68).
- [88] Nt., 64 (ấn bản tiếng Pháp: tr. 68).
- [89] X. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29-06-2009), 35: AAS 101 (2009), 671.
- [90] Nt., 22: p. 657.
- [91] Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 231: AAS 105 (2013), 1114.
- [92] Romano Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, 63 (éd. fr. : *La fin des temps modernes*, p. 68).
- [93] Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01-05-1991), 38: AAS 83 (1991), 841.
- [94] X. Tuyên bố *Love for Creation. An Asian Response to the Ecological Crisis*, Tình yêu đối với Tạo vật. Một câu trả lời của Á châu trước Khủng hoảng sinh thái. Hội thảo tổ chức bởi Hội đồng Giám mục Á châu (Tagatay, 31-01 đến 05-02-1993), 3.3.2.
- [95] Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01-5-1991), 37: AAS 83 (1991), 840.
- [96] Bênêđictô XVI, Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 2010, số 2: AAS 102 (2010), 41.
- [97] Nt., Thông điệp *Caritas in Veritate* (29-06-2009), 28: AAS 101 (2009), 663.
- [98] X. Vincent de Lerins, *Commonitorium Primum*, ch. 23: PL 50, 688: “*Ut annis scilicet consolidetur, dilatetur tempore, sublimetur aetate*”.
- [99] Số 80: AAS 105 (2013), 1053.
- [100] Công đồng chung Vaticano II, Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay *Gaudium et Spes*, số 63.
- [101] X. Gioan-Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01-05-1991), 37: AAS 83

(1991), 840.

[102] Phaolô VI, *Thông điệp Populorum Progressio* (26-03-1967), 34: AAS 59 (1967), 274.

[103] Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29-06-2009), 32: AAS 101 (2009), 666.

[104] Nt.

[105] Nt.

[106] *Giáo lý Hội thánh Công giáo số 2417.*

[107] Nt., 2418.

[108] Nt., 2415.

[109] *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990, số 6: AAS 82 (1990), 150.*

[110] *Diễn văn trước Hàn lâm viện Khoa học của Tòa thánh (03-10-1981), 3: Insegnamenti 4/2 (1981), 333.*

[111] *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990, số 7: AAS 82 (1990), 151.*

[112] Gioan-Phaolô II, *Diễn văn tại Đại hội lần thứ 35 của Hiệp hội Y khoa Thế giới (29-10-1983), 6: AAS 76 (1984), 394.*

[113] *Hội đồng Giám mục Ac-hen-ti-na: Ủy ban Mục vụ xã hội, Una tierra para todos (06-2005), 19.*

[114] *Tuyên ngôn Rio về môi trường và phát triển (14-06-1992), Nguyên tắc 4.*

[115] *Tông huấn Evangelii Gaudium (24-11-2013), 237: AAS 105 (2013), 1116.*

[116] Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29-06-2009), 51: AAS 101 (2009), 687.

[117] Một vài tác giả đã cho thấy những giá trị thường được sống, ví dụ trong các khu dân nghèo của châu Mỹ Latinh: x. Juan Carlos Scannone, S.J., “La irrupción del pobre y la lógica de la gratuidad”, trong Juan Carlos Scannone y Marcelo Perine (eds.), *Irrupción del pobre y quehacer filosófico. Hacia una nueva racionalidad*, Buenos Aires, 1993, 225-230.

[118] *Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội, số 482.*

[119] *Tông huấn Evangelii Gaudium (24-11-2013), 210: AAS 105 (2013), 1107.*

[120] *Diễn văn trước Quốc hội Đức Bundestag, Berlin (22-09-2011): AAS 103 (2011), 668.*

[121] *Giáo lý (15-04-2015): ORf (16 avril 2015), n. 16, p. 2..*

[122] *Công đồng chung Vaticano II, Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay Gaudium et Spes, số 26.*

[123] X. Các số 186-201: AAS 105 (2013), 1098-1105.

[124] *Hội đồng Giám mục Bồ Đào Nha, Thư Mục vụ Responsabilidade Solidária pelo*

Bem Comum (15-09-2003), 20.

[125] *Bênêdictô XVI, Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 2010, số 8: AAS 102 (2010), 45.*

[126] *Tuyên ngôn Rio về môi trường và phát triển (14-06-1992), Nguyên tắc 1.*

[127] *Hội đồng Giám mục Bô-li-vi-a, Thư Mục vụ về môi trường và phát triển tại Bô-li-vi-a El universo, don de Dios para la vida (March 2012), 86.*

[128] *Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Năng lượng, Công lý và Hòa bình, IV, 1, Vatican City (2014), 57.*

[129] *Bênêdictô XVI, Thông điệp Caritas in Veritate (29-06-2009), 67: AAS 101 (2009).*

[130] *Tông huấn Evangelii Gaudium (24-11-2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.*

[131] *Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội, số 469.*

[132] *Tuyên ngôn Rio về môi trường và phát triển (14-06-1992), Nguyên tắc 15.*

[133] *X. Hội đồng Giám mục Mê-xi-cô: Ủy ban Mục vụ xã hội, Jesucristo, vida y esperanza de los indígenas e campesinos (14-01-2008).*

[134] *Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội, số 470.*

[135] *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 2010, số 9: AAS 102 (2010), 46.*

[136] *Nt.*

[137] *Nt., 5: p. 43.*

[138] *Bênêdictô XVI, Thông điệp Caritas in Veritate (29-06-2009), 50: AAS 101 (2009), 686.*

[139] *Tông huấn Evangelii Gaudium (24-11-2013), 209: AAS 105 (2013), 1107.*

[140] *Nt., 228: AAS 105 (2013), 1113.*

[141] *X. Xem Thông điệp Lumen Fidei (29-06-2013), 34: AAS 105 (2013), 577: “Ánh sáng đức tin, trong mức độ kết hợp với sự thật của tình yêu, thì không xa lạ với thế giới vật chất, vì tình yêu luôn luôn được sống với cả xác lẫn hồn; ánh sáng đức tin là một ánh sáng nhập thể, phát xuất từ cuộc sống rạng ngời của Đức Giêsu. Nó cũng soi sáng vật chất, tin vào trật tự của mình, thừa nhận rằng trong mình đang mở ra một con đường hòa hợp và lãnh hội càng lúc càng rộng lớn. Cái nhìn của khoa học như thế rút được lợi ích từ đức tin: điều đó mời gọi nhà nghiên cứu luôn mở rộng trước thực tại, trong tất cả sự phong phú vô tận của nó. Đức tin đánh thức ý thức phê bình trong mức độ nó ngăn cản việc nghiên cứu tự mãn trong những công thức của mình và giúp việc nghiên cứu hiểu rằng thiên nhiên bao giờ cũng lớn hơn. Khi mời gọi kinh ngạc thán phục trước mầu nhiệm của thụ tạo, đức tin mở rộng các chân trời của lý trí để soi sáng rõ hơn cái thế giới đang mở ra cho nghiên cứu khoa học”*

[142] *Tông huấn Evangelii Gaudium (24 November 2013), 256: AAS 105 (2013), 1123.*

[143] *Nt., 231: tr. 1114.*

- [144] Romano Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, 9th ed., Würzburg, 1965, 87 (Chấm dứt thời cận đại, *La fin des temps modernes*, Paris 1952, tr. 71-72).
- [145] Gioan-Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990*, số 1: AAS 82 (1990), 147.
- [146] Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29-06-2009), số 66: AAS 101 (2009), 699.
- [147] Nt., *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 2010*, số 11: AAS 102 (2010), 48.
- [148] *Hiến chương Trái đất*, La Haye (29-06-2000).
- [149] Gioan-Phaolô II, *Thông điệp Centesimus Annus* (01-05-1991), số 39: AAS 83 (1991), 842.
- [150] Nt., *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1990*, số 14: AAS 82 (1990), 155.
- [151] *Tông huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), 261: AAS 105 (2013), 1124.
- [152] Bênêđictô XVI, *Bài giảng Khai mạc trọng thể thừa tác vụ Phê-rô* (24-04-2005): AAS 97 (2005), 710.
- [153] *Hội đồng Giám mục Australia, Một trái đất mới-Thách thức môi trường A New Earth – The Environmental Challenge* (2002).
- [154] Romano Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, tr. 72 (ấn bản tiếng Pháp, tr. 77).
- [155] *Tông huấn Evangelii Gaudium* (24-11-2013), số 71: AAS 105 (2013), 1050.
- [156] Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29-06-2009) 2: AAS 101 (2009), 642.
- [157] Phaolô VI, *Sứ điệp Ngày Hòa bình Thế giới 1977*: AAS 68 (1976), 709.
- [158] *Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội*, số 582.
- [159] Một linh sư, Ali al-Khawwâc, từ kinh nghiệm riêng của mình, cũng từng nhấn mạnh sự cần thiết chớ nên quá tách rời các tạo vật của thế giới khỏi kinh nghiệm nội tâm về Thiên Chúa. Ông từng quả quyết: “Không nên định kiến khiển trách những người tìm sự ngắt trí trong nhạc và thơ. Có một “bí mật” tinh tế trong mỗi một chuyển động và mỗi một âm thanh của thế giới này. Những kẻ được thụ pháp đạt đến chỗ nắm bắt được ngôn ngữ của gió thổi, của cây nghiêng, của nước chảy, của ruồi vo ve, của cánh cửa kẽ kẹt, của tiếng hát loài chim, tiếng rung của dây đàn, tiếng huýt của ống sáo, tiếng than của người bệnh, tiếng rên của kẻ khổ...”. Eva de Vitray-meyerovitch [ed.], *Anthologie du soufisme*, Paris 1978, 200).
- [160] *In II Sent.*, 23, 2, 3.
- [161] *Linh ca*, XIV-XV, 5 (Toàn tập, Paris 1990, tr. 409-410).
- [162] Nt.
- [163] Nt., XIV, 6-7.
- [164] Gioan-Phaolô II, *Tông thư Orientale Lumen* (02-05-1995), 11: AAS 87 (1995), 757.

[165] Nt.

[166] Nt., *Tông thư Ecclesia de Eucharistia* (17-04- 2003), 8: AAS 95 (2003), 438.

[167] Bê-nê-đi-cô XVI, *Bài giảng Lễ Minh Thánh Chúa* (15-06- 2006): AAS 98 (2006), 513.

[168] *Giáo lý Hội thánh Công giáo số 2175.*

[169] Gioan-Phaolô II, *Giáo lý* (02-08-2000), 4: *Insegnamenti* 23/2 (2000), 112.

[170] *Quaest. Disp. de Myst. Trinitatis*, 1, 2 concl.

[171] X. Tô-ma Aquinô, *Tổng luận Thần học*, I, q. 11, art. 3; q. 21, art. 1, ad 3; q. 47, art. 3.

[172] Ba-si-li-ô Cả, *Hom. in Hexaemeron*, I, 2, 6: PG 29, 8.

Dịch xong tại Huế, ngày 09-11-2016

Lm Phê-rô Phan Văn Lợi.